



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Xã luận

Đảng Cộng Sản Việt Nam ngoan cố trong bế tắc

Bản dự thảo báo cáo chính trị cho đại hội 9 của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được phổ biến trong nội bộ và đã đến tay anh em dân chủ trong nước. Nội dung tóm lược của nó cũng đã được công bố.

Tài liệu này đã chỉ nhắc lại lập trường quen thuộc của Đảng Cộng Sản: vẫn biện luận guồng gạo rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là hướng đi lên tất yếu của loài người, vẫn tư tưởng Hồ Chí Minh, vẫn quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khi vẫn tiếp tục đổi mới và cải tổ. Nói chung vẫn là ngôn ngữ của suốt thập niên vừa qua, nghĩa là khẳng định cùng một lúc những điều trái ngược nhau. Chính vì nó không có gì mới trong một tình hình rất mới mà bản dự thảo báo cáo chính trị đã gây ngạc nhiên.

Xã hội Việt Nam đã thay đổi nhiều và đang thay đổi nhanh chóng, chế độ cộng sản cũng không làm gì khác hơn là cố gắng để thích nghi với sự thay đổi đó. Chính quyền cộng sản đã ký hiệp ước thương mại với Hoa Kỳ, chấp nhận bãi bỏ những đặc quyền đặc lợi dành cho các xí nghiệp quốc doanh, chấp nhận để các công ty nước ngoài tự do tuyển dụng nhân viên mà không cần qua trung gian của nhà nước cộng sản, chấp nhận để các công ty Mỹ cạnh tranh trên mọi lãnh vực và mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa và dịch vụ Mỹ. Tất cả những nhượng bộ đó chắc chắn sẽ phải được nói rộng cho mọi công ty nước ngoài và sẽ mau chóng thay đổi bối cảnh kinh tế, xã hội và chính trị Việt Nam.

Các xí nghiệp quốc doanh, con bò sữa của Đảng và nhà nước cộng sản, sẽ suy sụp; khu vực tư doanh và xã hội dân sự sẽ

manh lên; sự lệ thuộc của chính quyền cộng sản vào nước ngoài, đặc biệt là Hoa Kỳ, và dư luận thế giới sẽ tăng lên cùng với khối lượng thông tin giữa Việt Nam và thế giới. Một cách không thể đảo ngược được, tương quan lực lượng sẽ thay đổi theo chiều hướng gia tăng trọng lượng của xã hội dân sự và giảm thiểu vai trò và khả năng khống chế của Đảng Cộng Sản. Trên thực tế tương quan lực lượng đã thay đổi rất nhiều. Tình trạng này đòi hỏi ở ban lãnh đạo cộng sản một chọn lựa dứt khoát: hoặc phải quả quyết ngăn chặn tiến trình đổi mới, hoặc phải chuẩn bị để thay đổi chế độ chính trị.

Đại bộ phận đảng viên cộng sản đã hiểu như vậy và chờ đợi những định hướng mới cho đại hội 9. Tệ hơn một sự thất vọng, bản dự thảo báo cáo chính trị đã được đón nhận với những nụ cười ngao ngán. Ban lãnh đạo cộng sản không thể không ý thức được sự khẩn trương của tình thế, phải hiểu rằng họ đã không thể đưa ra sáng kiến nào vì nội bộ đảng đã quá phân hóa để có thể lấy những quyết định quan trọng và đảng cũng không còn một nhân vật nào đủ uy tín và bản lĩnh để áp đặt những định hướng phải có.

Trong hơn mười năm qua, tuy không nổi dậy đánh đổ chế độ cộng sản nhưng nhân dân Việt Nam, bằng thái độ, cách sống hàng ngày, đã dần dần tự giải tỏa khối sự khống chế của đảng cộng sản. Càng ngày họ càng ít lệ thuộc vào chính quyền và càng ít sợ chính quyền. Trong khi đó thì, do áp lực của thực tại, chính quyền càng ngày càng phải nói lỏng sự kiểm soát. Đó là cả một tiến trình tự cõi trời thăm lạng nhưng mãnh liệt như một

đợt sóng ngầm. Đợt sóng ngầm này đã dần dần đẩy lùi lực lượng thủ cựu trong đảng vào những điểm co cụm cuối cùng. Tới một lúc, tình hình có thể thay đổi rất nhanh chóng và Đảng Cộng Sản có thể rã hàng một cách đột ngột.

Những dấu hiệu của khả năng rã hàng thực ra đã xuất hiện. Mùa hè 1997, nhân dân Thái Bình nổi dậy chống tham nhũng và áp bức, những người cầm đầu không ai khác hơn các đảng viên cộng sản đã về hưu. Chính quyền cộng sản đã nhượng bộ, xoa dịu và hứa hẹn. Nhưng trong chính trị hứa là vay, mà vay thì có ngày phải trả.

Từ tháng 4 năm nay đến lượt Nam Định có biến động. Lần này biến động không vì lý do kinh tế xã hội mà vì lý do chính trị, để phản đối sự áp đặt một chính quyền địa phương không do nhân dân lựa chọn. Những người chủ xướng lần này lại là chính một chi bộ xã của Đảng Cộng Sản, với sự đồng tình của huyện ủy và, ở một mức độ, của cả đảng bộ tỉnh Nam Định. Biến cố này, kéo dài hơn bốn tháng nay và vẫn chưa giải quyết xong, đã là rất trầm trọng, nhưng tình hình tại Thái Bình còn trầm trọng hơn. Bất ổn chính trị tại Thái Bình đã lên tới mức độ rất cao và có thể nổ lớn bất cứ lúc nào. Lần sóng dân chủ hóa đã tràn tới những đảng viên cộng sản trung kiên và những vùng vẫn được coi là những chỗ dựa của đảng.

Đảng Cộng Sản không còn nhiều thì giờ. Ngoan cố trong bế tắc là tự sát.

Thông Luận

NMD, một chiến lược quân sự mới

Từ ngày chế độ cộng sản Liên Xô sụp đổ, chiến tranh lạnh đã chết. Nước Nga với những khó khăn về kinh tế, tài chính không còn là mối đe dọa cho Hoa Kỳ với những hỏa tiễn chiến lược liên lục địa. Trái lại, Hoa Kỳ lo ngại về các nước có những hỏa tiễn với tầm hoạt động trung bình như Bắc Triều Tiên, Iraq, Iran, ...

Từ trước đến nay, các cường quốc, nhất là Mỹ và Liên Xô, dùng sự đe dọa có thể bị đối thủ phóng hỏa tiễn tàn phá đất nước, để thiết lập thế thăng bằng được mệnh danh là thế thăng bằng của khủng bố. Thế thăng bằng này chỉ có hiệu lực khi đối thủ không có hỏa tiễn chống hỏa tiễn. Do đó cần có những hiệp ước quốc tế giới hạn sự triển khai các hệ thống chống hỏa tiễn. Hiệp ước ABM (*Anti-Ballistic Missile*) được ký kết giữa Mỹ và Liên Xô vào năm 1972 có mục tiêu thỏa mãn chính sách thăng bằng của khủng bố.

Tình hình quân sự thế giới đã biến đổi. Những tranh chấp vùng với sự đe dọa dùng các hỏa tiễn có tầm hoạt động trung bình đã thay thế các cuộc tranh chấp có tính chất toàn cầu. Với các hỏa tiễn này, Bắc Triều Tiên đe dọa châu Á và Bắc Thái Bình Dương, Trung Quốc đe dọa Đài Loan, Iraq có thể đe dọa các căn cứ quân sự Mỹ tại châu Âu, v.v. Muốn ngăn chặn sự đe dọa này, Mỹ không thể dùng các hỏa tiễn chiến lược với sức tàn phá khủng khiếp, phương tiện độc nhất có thể dùng được là bảo vệ lãnh thổ bằng các hỏa tiễn chống hỏa tiễn, đó là mục tiêu của chương trình NMD (*National Missile Defense*) đã được tổng thống Mỹ Bill Clinton đề ra và được sự ủng hộ hoàn toàn của ứng cử viên tổng thống của Đảng Cộng hòa George W. Bush trong cuộc chạy đua vào tòa Bạch Ốc sẽ được tổ chức vào cuối năm 2000.

Điều đó có nghĩa là chương trình này sẽ được thực hiện với bất cứ một tổng thống tương lai nào của Mỹ, mặc dầu nó rất tốn kém, hàng tỷ USD, và đã thất bại hai lần trong ba cuộc thử nghiệm phóng hỏa tiễn chống hỏa tiễn. Đây là chưa kể phải thương thuyết lại với Nga về hiệp ước ABM, cấm triển khai kỹ

thuật hỏa tiễn chống hỏa tiễn. Nhưng điều này không phải là một trở ngại không thể vượt qua được. Nước Nga với vị thế hiện nay không còn có khả năng đòi hỏi gì cả, nếu cần, Mỹ có thể đơn phương không áp dụng các điều khoản của ABM.

Chiến lược quân sự NMD mới này đã gây sóng gió và phản ứng của Trung Quốc, Nga, Bắc Triều Tiên là điều dễ hiểu nhưng điều khó hiểu là nó bị các nước châu Âu được xem như là đồng minh của Mỹ chống đối.

Trung Quốc kết án NMD trong một tuyên bố chung nhân cuộc viếng thăm của tổng thống Nga, Putin, tại Bắc Kinh vào ngày 18-07-2000. Hành động này được Trung Quốc lặp lại một lần nữa cùng Bắc Triều Tiên tại Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF, *Asean Regional Forum*) được tổ chức tại Bangkok vào tháng bảy vừa qua.

Nói chung các nước đều đưa ra luận cứ là với NMD, Hoa Kỳ làm sống lại không khí căng thẳng của thời chiến tranh lạnh và mở màn một cuộc chạy đua vũ trang mới, vừa tốn kém vừa đòi hỏi những kỹ thuật tân kỳ, hiện đại nhất. Những điều kiện mà chỉ có Hoa Kỳ mới có khả năng thỏa mãn. Một phạm trù mới cho phép Hoa Kỳ một lần trở thành quán quân vô địch thế giới.

Nhưng thật ra một số lý do khác không nói ra đã là động cơ thúc đẩy các cuộc chống đối này.

Các nước châu Âu e ngại rằng một khi đất nước được bảo vệ như một thánh điện bằng hệ thống lá chắn hỏa tiễn chống hỏa tiễn, Hoa Kỳ sẽ lơ là không can thiệp vào việc bảo vệ châu Âu, như hồi thế chiến thứ hai trước kia hoặc gần đây hơn là cuộc chiến Kosovo. Để trấn an, và có lẽ muốn được sự ủng hộ của chính giới châu Âu trong cuộc chạy đua vào tòa Bạch Ốc, Robert Zoellick và Richard Perle, cố vấn thân cận của ứng cử viên tổng thống Đảng Cộng hòa George W. Bush, đã tuyên bố Hoa Kỳ sẽ sẵn sàng cung cấp miễn phí cho châu Âu hệ thống NMD.

Nước Nga chống đối vì lý do thể diện quốc tế hoặc để nâng cao uy tín trong quần chúng Nga của quân đội

cũng như hệ thống quốc phòng. Chính tổng thống Nga Putin tuyên bố sẵn sàng thay đổi hiệp ước ABM và hơn nữa có thể hợp tác với Hoa Kỳ trong hệ thống phòng thủ giới hạn châu Âu với NMD. Ngoài ra, có những lý do hoàn toàn thương mại giải thích những kết án gay gắt trong thông cáo chung Trung Quốc - Nga nhân cuộc viếng thăm Bắc Kinh của Putin: Nga muốn gia tăng liên hệ mật dịch với Trung Quốc. Trao đổi mật dịch giữa hai nước chỉ vào khoảng gần bốn tỷ USD vào nửa năm 2000, trong khi đó chỉ tiêu phải đạt đến là 20 tỷ. Nga đã bán vật liệu quân sự cho Trung Quốc khoảng một tỷ USD một năm. Phó thủ tướng Ilya Klebanov, tháp tùng Putin, hy vọng sẽ tăng gấp đôi số hàng hóa bán cho Trung Quốc trong hai năm tới.

Bắc Triều Tiên với những khó khăn kinh tế trầm trọng sẵn sàng đánh đổi các hỏa tiễn của mình bằng các viện trợ kinh tế và kỹ thuật. Bên lề Diễn đàn Khu vực ASEAN, ngoại trưởng Hoa Kỳ Madeleine Albright đã gặp gỡ ngoại trưởng Bắc Triều Tiên Paek Nam Sun. Đây là cuộc gặp gỡ cao cấp nhất giữa Hoa Kỳ và Bắc Triều Tiên. Các hỏa tiễn của Bắc Triều Tiên là một trong những đề tài thảo luận.

Nước chống đối NMD mãnh liệt nhất có lẽ là Trung Quốc. Nếu trong tương lai Hoa Kỳ thiết lập một hệ thống NMD tại Đài Loan thì các hỏa tiễn của Trung Quốc đe dọa Đài Loan sẽ bị vô hiệu hóa. Trung Quốc cho rằng NMD sẽ khuyến khích tinh thần độc lập của Đài Loan và như vậy sẽ phá tan mộng ước biến Đài Loan thành một tỉnh của Trung Quốc trong tham vọng thống nhất đất nước của họ.

Một cách khách quan, nếu NMD thành hình, nhất định bộ mặt thế giới và các tương quan lực lượng quốc tế sẽ hoàn toàn thay đổi. Một mặt, Hoa Kỳ sẽ co cụm về ngoại giao và quốc phòng vì lãnh thổ và dân tộc của họ sẽ được bảo đảm an toàn một cách hầu như tuyệt đối. Mặt khác, vai trò quốc tế của Hoa Kỳ sẽ càng ngày càng quan trọng vì nhưng bảo đảm mà NMD đem lại.

Huỳnh Hùng

AL GORE hay GEORGE W. BUSH ?

Trần Bình Nam

Đại hội Đảng Dân chủ kết thúc ở Los Angeles hôm thứ Năm 17 tháng 8 với bài diễn văn nhận sự đề cử của Đảng Dân chủ của phó tổng thống Al Gore dài gần một giờ đồng hồ đưa cuộc vận động tranh cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2000 vào giai đoạn quyết liệt. Hai tuần trước Đảng Cộng hòa đã có cơ hội trình làng đường lối, chính sách và nhân sự tại đại hội Philadelphia. Đảng Dân chủ có mọi thuận lợi qua đại hội đảng ở Los Angeles. Trong cuộc chạy đua vòng sơ bộ Đảng Dân chủ đã thắng Đảng Cộng hòa tại bang California. Tổng thống Bill Clinton, người còn được dân chúng dành nhiều cảm tình xuất hiện trong đêm đầu tiên của đại hội, dùng hết tài hùng biện giới thiệu Al Gore với cử tri toàn quốc. Tổng thống Clinton, và nhất là Al Gore trong bài diễn văn then chốt đêm 17-8 đã từng điểm một phần bác luận diệu của George W. Bush trong bài diễn văn nhận sự đề cử của đảng đọc tại Philadelphia đêm 3-8. Sau đại hội cộng hòa Bush vượt Gore hơn 10 điểm theo kết quả thăm dò chung. Sau đại hội dân chủ, Gore còn thua chút ít và trong tháng 9 có thể liên danh Gore-Lieberman có nhiều cơ hội thu hẹp khoảng cách của các cuộc thăm dò.

Cuộc chạy đua vào Bạch Ốc năm 2000 có nét đặc biệt. Một năm trước, ứng cử viên của hai đảng xem như đã được chọn. Ai cũng biết, ngay cả trước các cuộc bầu cử sơ bộ, Đảng Dân chủ chọn Al Gore và Đảng Cộng hòa chọn George W. Bush. Gore làm phó cho Clinton 8 năm có gốc có rễ trong Đảng Dân chủ. Gốc rễ của Bush cũng không nhỏ. Bush làm thống đốc bang Texas, một người em ruột khác làm thống đốc bang Florida, và là con của một cựu tổng thống: George Bush. Truyền thống bảo thủ (*conservatism*) của Đảng Cộng Hòa, và truyền thống lý tưởng phóng khoáng (*idealism*) của Đảng Dân chủ đã được cả hai nhuộm một chút màu sắc trung dung. Bảo thủ của Bush thành "bảo thủ với tình thương" (*compassionate conservatism*), trong khi lý tưởng của Gore biến thành "lý tưởng trong tình

thần thực tế" (*practical idealism*) để làm vui vẻ làng nước. Hai nhân vật được mời đứng phỏ của Bush và Gore đã là đề tài bình luận sôi nổi nhưng tựu trung cùng khó nói hai ông Dick Cheney (của Đảng Cộng hòa) và Joseph Lieberman (của Đảng Dân chủ) có mang thêm phiếu cho hai ông chủ không. George W. Bush đã không chọn John McCain dù McCain được giới cử tri độc lập ưa thích. Nhưng W. Bush cũng không theo gương cha năm 1988 chọn một Dan Quayle tầm thường để chứng tỏ nếu đắc cử là chính George Bush đắc cử chứ chẳng nhờ ai (và sự lựa chọn này làm George Bush thất cử nhiệm kỳ hai dưới tay Bill Clinton). Ông chọn Dick Cheney, một người có khuynh hướng hữu khuynh, đứng đắn, có thành tích. Dick Cheney là bộ trưởng quốc phòng khi quân đội Hoa Kỳ đánh đuổi Saddam Hussein ra khỏi Kuwait trong một trận đánh 4 ngày long trời lở đất Hoa Kỳ toàn thắng đầu năm 1991. Gore chọn thượng nghị sĩ Lieberman, người từng chỉ trích tổng thống Clinton trong vụ Monica Lewinsky, và là một người Mỹ gốc Do Thái được tiếng đạo đức. Sự chọn lựa của Gore nhằm hai mục đích: ông không dính líu và cũng chẳng thích thú gì với vụ Lewinsky, mục đích thứ hai là tranh thủ sự ủng hộ của người Do Thái. Có thể sự lựa chọn này sẽ làm Gore mất một ít phiếu của cử tri da đen, nhưng chẳng sao. Người da đen không mạnh bằng người Do Thái.

Lập trường căn bản của Bush và Gore cũng đã rõ nét không chờ hai bài diễn văn nhận sự đề cử hai ông đọc trước đại hội. Như đã nói, cả hai chọn con đường trung dung trong tình thương (Bush) và thực dụng (Gore). Gore tin nhà nước có khả năng giải quyết chuyện của dân một cách có hiệu quả trong khi Bush nghĩ cần giảm bớt sự can thiệp của nhà nước vào đời sống của người dân. Gore chủ trương tự do mậu dịch với điều kiện, Bush thích tự do mậu dịch không hạn chế. Bush nói không tăng thuế, Gore nói không giảm thuế cho đại tư bản. Với ngân sách thặng dư Gore lo xa

muốn bỏ vào quỹ bảo hiểm sức khỏe cho người già và quỹ hưu bổng, trong khi Bush lạc quan muốn thị trường hóa hưu bổng bằng cách thành lập quỹ hưu bổng cá nhân và dùng tiền thặng dư ngân sách để giảm thuế.

Theo thông lệ cuộc vận động tranh cử tổng thống sẽ chính thức bắt đầu sau ngày Lễ Lao động 4-9. Bốn ứng cử viên, thêm hai bà ứng viên đệ nhất phu nhân sẽ được truyền thông chiếu có tận tình, nhất là đối với hai nhân vật chính Gore và Bush. Hình ảnh của Gore không rõ nét, và bài diễn văn tối hôm 17-8 có quá nhiều chính sách và công tác phải làm không làm cho Gore rõ nét hơn trước mắt cử tri. Đó là nguyên nhân tại sao điểm của ông trong các cuộc thăm dò dư luận thấp hơn Bush. Bảy năm trước khi chị ông chết vì ung thư phổi do thuốc lá Gore công kích nạn hút thuốc nặng lời, trong khi vẫn nhận tiền ủng hộ của các hãng thuốc lá và trang trại của ông ở Tennessee vẫn trồng thuốc. Gore thích thiên nhiên nhưng không gần dân bằng Clinton. Tại Washington bạn bè và phụ tá ông đều thuộc giới thượng lưu giàu có. Gore giới thiệu hình ảnh của mình là một người mang tinh thần hướng đạo, nhưng để thắng ông không từ bỏ bất cứ một ngón đòn nào. Ông đã bẻ cong sự thật về chương trình cải tổ bảo hiểm sức khỏe của Bill Bradley khi thấy Bill Bradley có khả năng được đảng chọn trong cuộc vận động vòng đầu. Ông đã quá dính líu vào vụ gây quỹ tai tiếng trong cuộc vận động tranh cử năm 1996 để có tiền quật ngã liên danh Bob Dole - Jack Kemp

Về Bush, cũng quá nhiều câu hỏi, mà câu hỏi then chốt là liệu George W. Bush có khả năng lãnh đạo quốc gia không? Về chính trị, Bush chưa phấn đấu đã được nâng lên tuyền đấu của đảng. Về kinh doanh Bush thừa hưởng gia tài của bố hơn tự làm ra. Câu hỏi "nếu W. Bush không thừa hưởng những gì của George Bush, ông có được vị thế hôm nay không?" là một câu hỏi khó trả lời. Kinh nghiệm chính trị của Bush không có gì ngoài 6 năm làm thống đốc bang Texas. Bush chưa có cơ hội chứng tỏ ông có khả năng chuyển đổi suy nghĩ của người khác bằng thuyết phục. John McCain thua Bush vì tiền và không được thành phần cực hữu của đảng ủng

hộ chứ không thua Bush vì trí tuệ. Bush chủ trương "bảo thủ với tình thương" nhưng người ta không biết ông tin triết lý này bao nhiêu phần trăm và bao nhiêu phần trăm vì nhu cầu tranh cử. Người ta không thấy Bush thực hiện triết lý thành chính sách. Giảm thuế cho người có bậc lương thấp nằm trong triết lý "tình thương" nhưng Texas là tiểu bang có luật thuế lỗi thời nhất dựa vào thuế trực thu nặng gánh cho người nghèo. Dùng công quỹ trợ cấp cho người nghèo, chi tiêu nhiều cho giáo dục và y tế nằm trong chính sách, nhưng Texas chi ít nhất vào trợ cấp xã hội so với các tiểu bang khác, đứng thứ 47 chi tiêu về giáo dục và thứ 40 về y tế. Dân nghèo bang Texas sống dọc theo biên giới Mexico nghèo hơn dưới chính quyền của thống đốc George W. Bush.

Nhưng bàn luận về những ưu khuyết điểm của Gore và Bush là chuyện phụ. Kết quả của cuộc bầu cử sẽ chuyển chung quanh hai câu hỏi : nếu Bush đắc cử tổng thống sự sung mãn của kinh tế Hoa Kỳ có bị ảnh hưởng không ? Bush đã dàn trước câu trả lời : sung mãn kinh tế không phải do chính sách của Clinton (diễn văn nhận sự đề cử 3-8-2000 tại Philadelphia). Clinton trả lời : ông chớ ngủ ngày (diễn văn đêm 14-8-2000 tại Los Angeles). Các nhà kinh tế có câu trả lời tùy theo kinh nghiệm cá nhân và sách vở đã học. Người dân thường có cách trả lời riêng theo cảm nhận. Chỉ có ông Alan Greenspan ngày đêm ước lượng lúc nào tăng, lúc nào giảm lãi suất để giữ cho kinh tế không suy thoái là có câu trả lời, nhưng không thể nói ra. Câu hỏi thứ hai : nếu Gore đắc cử tổng thống, liệu những chuyện nhĩ nhằng điều tra nhân sự lãnh đạo quốc gia còn tiếp diễn không, và Gore ngồi ở Bạch Ốc có phải là sự tiếp tục của một chính quyền làm được việc nhưng quá nhiều tai tiếng không ? Câu trả lời do cảm nhận hơn lý luận. Nếu dân nghĩ việc hạ nghị viện bỏ phiếu truy tố tổng thống Clinton chỉ là ngón đòn đảng phái quá trớn của Đảng Cộng hòa thì có lợi cho Gore. Trái lại nếu dân tha ông Clinton vì ông làm được việc, nhưng cũng quá mệt mỏi với không khí vẩn đục tại Washington và muốn một bầu không khí mới thì có lợi cho Bush.

Trần Bình Nam

Bố trí nhân sự cho Đại Hội sắp tới ở Bắc Kinh

Còn ngoài hai năm nữa mới có đại hội lần thứ 16, nhưng Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bố trí nhân sự và chia chác chức vụ lãnh đạo của Đảng và nhà nước.

Cũng như mọi năm vào tháng hè, hội nghị Bắc Đới Hà (Bei Dai He) được triệu tập để bàn cãi những việc trọng đại. Năm nay, ba chủ đề được đưa ra là: bố trí nhân sự cho đại hội tới, vấn đề Đài Loan và tình hình phát triển kinh tế.

Về bố trí nhân sự, báo *Kinh Tế* của Hương Cảng vào hạ tuần tháng 7 cho biết hội nghị quyết định sẽ trẻ hóa ở ban lãnh đạo cho thiên niên kỷ thứ ba. So với đại hội thứ 15 (1997), số tuổi bình quân sẽ giảm xuống 5 tuổi. Các uỷ viên từ 40-50 tuổi sẽ ưu tiên được tuyển chọn ở ban chấp hành, 50-60 cho uỷ viên bộ chính trị và 60-70 cho uỷ viên thường vụ bộ chính trị. Như vậy, ngoại trừ vài ba người, đa số uỷ viên chính trị hiện nay phải ra đi. Ở ban thường vụ bộ chính trị, trên bảy người, hai người còn có thể ở lại là Hồ Cẩm Đào và Lý Thụy Hoàn.

Cũng theo tờ báo nói trên, hội nghị dự trừ bố trí 7 nhân vật mới ở thường vụ bộ chính trị theo thứ tự như sau: Hồ Cẩm Đào (sinh năm 1942), phó chủ tịch nước kiêm đệ nhất phó chủ tịch ban quân uỷ, Lý Thụy Hoàn (1934), chủ tịch chính trị hiệp thương, Ôn Gia Bảo (1942), phó thủ tướng, Ngô Bang Quốc (1941), phó thủ tướng, Lý Trường Xuân (1944), bí thư tỉnh uỷ Quảng Đông, La Cán (1935), bí thư Quốc Vụ Viện và Tăng Khánh Hồng (1939), trưởng ban tổ chức Đảng. Tăng Khánh Hồng hiện nay chỉ là uỷ viên dự khuyết bộ chính trị.

Nếu như sự bố trí này được đại hội thứ 16 chấp thuận (thực tế chỉ là một vấn đề hình thức), người ta có thể đoán Hồ Cẩm Đào sẽ là tổng bí thư đảng kiêm chủ tịch nước, Lý Thụy Hoàn chủ tịch Quốc Hội hay Chính Trị Hiệp Thương, Ôn Gia Bảo thủ tướng chính phủ, Ngô Bang Quốc đệ nhất phó thủ tướng v.v.

Đây là một hình thức "tuyển chọn" lãnh đạo của cộng sản đặt ra không có sự tham dự của quần chúng!

Về vấn đề Đài Loan, nhật báo *Minh Báo* của Hương Cảng cho biết Hội Nghị mời người trách nhiệm vấn đề Đài Loan ở Quốc Vụ Viện, ông Trần Văn Lâm

(Chen Yun Lin) để làm kiểm thảo. Trong tháng 7, ông Đường Thụ Bị (Tang Shu Bei), phó chủ tịch Hiệp hội Bang giao Giữa Hai Bờ Eo biển xin "về hưu" mặc dù mới 69 tuổi trong khi ông chủ tịch Ưông Đạo Hàm (Wang Dao Han) đã ngoài 70 vẫn còn tại chức. Bộ chính trị quả trách những người trách nhiệm Đài Loan đã không tin tưởng ông Trần Thủy Biển có thể thắng cử.

Về vấn đề kinh tế, hội nghị thảo luận đường hướng cho những năm sắp tới để chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, đặc biệt là cải tổ xí nghiệp quốc doanh và hệ thống ngân hàng. Tin giời chót, Bắc Kinh có khả năng không được chính thức gia nhập vào tổ chức này vào cuối năm vì vẫn tránh né không áp dụng những phương thức do tổ chức này đưa ra.

Tình hình chính trị ở Đài Loan

Sau khi ông Trần Thủy Biển thắng cử tổng thống ngày 18-3 và nhậm chức ngày 20-5, tình hình chính trị ở Đài Loan cũng hoàn toàn thay đổi mới. Quốc hội Đài Loan trước đây chỉ có nhiệm vụ bầu và bãi miễn tổng thống và phó tổng thống và làm tu chính hiến pháp. Từ khi tổng thống và phó tổng thống được chọn lựa theo phổ thông đầu phiếu trực tiếp trong năm 1996, quốc hội đã mất gần hết quyền lực. Ngày 24-25 tháng 4, quốc hội đã bỏ phiếu thuận với 291/315 chuyển giao quyền lực này cho viện lập pháp. Từ nay trở đi, các thành viên quốc hội sẽ được các đảng phái tuyển chọn theo tỷ lệ thu được ở viện lập pháp và quốc hội chỉ được triệu tập theo sự yêu cầu của viện lập pháp.

Về tình hình nội bộ trong chính phủ, phó thủ tướng Du Tích Khôn (Yu Shyi Kun) xin từ chức vì bốn người bị tử thương trong một nạn lụt và được ông Trương Tuấn Hùng, bí thư tổng thống phủ lên thay vào cuối tháng 7.

Về tình hình của các đảng phái, hai đảng Quốc dân Đảng (QDD) và Dân Tiến Đảng (DTD) cho triệu tập Đại Hội để chọn người lãnh đạo mới.

Quốc dân Đảng cho triệu tập một đại hội bất thường trong hai ngày 17 và 18-6 và chọn ông Liên Chiến, người thất cử về hàng thứ ba, làm chủ tịch Đảng cùng với 5 phó chủ tịch trong đó có một phụ

nữ là bà Lâm Trưng Chi. Trong 31 người ở ban thường trực, người ta để ý có 18 người mới và 11 phụ nữ. Các ông Cô Chấn Phủ, chủ tịch Hội Bang giao Giữa Hai Bờ Eo biển, Mã Anh Cửu, thị trưởng Đài Bắc và Chương Hiếu Nghiêm, cựu tổng bí thư Đảng và cháu nội của Tưởng Giới Thạch được tái nhiệm. Người ta còn để ý sự vắng mặt của ông Lý Đăng Huy, cựu tổng thống và cựu chủ tịch Đảng, mà một số thành viên đòi khai trừ khỏi Đảng.

Đảng cầm quyền DTD cũng cho triệu tập đại hội lần thứ 9 ngày 16-7. Cựu chủ tịch Lâm Nghĩa Hùng, một cách vinh dự, xin từ chức. Ông Tạ Trương Đình, bạn thân tổng thống Trần Thủy Biển và đương là thị trưởng tỉnh Cao Hùng, lên thay thế. Đại hội bầu ra một ban thường ủy gồm có 31 người trong đó có bảy phụ nữ. Ban thường ủy lại bầu ra 11 người ở ban thường trực (BTT). Khác với QDD, Dân Tiến Đảng có nhiều khuynh hướng trong ban thường ủy. Trong 31 vị, nhóm Phúc lợi Quốc trong đó có vị chủ tịch chiếm thế thượng phong với chín ghế (bốn ghế ở ban thường trực), nhóm Liên Tuyến Chính Nghĩa với bảy ghế (hai ghế ở BTT), nhóm Tân Trào Lưu với năm ghế (hai ghế ở BTT), nhóm Tân Thế kỷ với năm ghế (một ghế ở BTT), nhóm Tân Động lực với bốn ghế (hai ghế ở BTT) và một ghế không thuộc nhóm nào. Phái nữ chiếm bảy ghế trong đó có hai người ở ban thường trực, đó là bà Khuu Nghị Oánh thuộc nhóm Tân Động lực và bà Lưu Thế Phương thuộc nhóm Tân Trào lưu. Một cách lý thú, DTD phải đối đầu với sự đổ xô của hơn 170.000 người xin gia nhập trong khi đảng này chưa có tới 100.000 thành viên!

Riêng ông Tống Sở Du, người về hàng thứ hai, cựu thống đốc đảo và cựu thành viên ban thường trực của QDD, đứng ra lập đảng mới với tên "Thân Dân Đảng". Ở Viện Lập Pháp, ông đã quy tụ được 19 ghế gồm các đại biểu của QDD và Tân Đảng. Tân Đảng hiện nay gần như đã tan rã sau khi chỉ thu được 0,13% phiếu trong kỳ tuyển cử tổng thống vừa qua so với 10% trong năm 1996. Đa số đảng viên của đảng này xin gia nhập "Thân Dân Đảng".

Bắc Triều Tiên tăng cường

ngoại giao

Sau cuộc gặp gỡ thượng đỉnh trong trung tuần tháng 6 giữa Kim Chính Nhật và Kim Đại Trung ở Bình Nhưỡng, bắc Triều Tiên tiếp tục tăng cường ngoại giao trên chính trường quốc tế. Ngày 21-7, Kim Chính Nhật tiếp tổng thống Nga Putin trên đường đi tham dự hội nghị thượng đỉnh G8 ở Okinawa. Ông Putin trước đó đã gặp Giang Trạch Dân ở Bắc Kinh. Hai xứ đồng ý chống chương trình phòng ngự hoá tiền quốc gia (NMD) của Hoa Kỳ. Ông Putin cho biết Bình Nhưỡng sẵn sàng "từ bỏ" chương trình vũ khí hạt nhân và chỉ dùng kỹ thuật nước ngoài nếu có khả năng tiếp xúc tên lửa phóng để thăm dò vũ trụ. Đây là một cách nói khéo để xin viện trợ các nước Âu Châu và Hoa Kỳ. Từ 24 đến 29-7, ngoại trưởng Bắc Triều Tiên ông Bạch Nam Thuần (Paek Nam Sun), lần đầu tiên tham dự Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) ở Băng Cốc, một tổ chức bàn cãi vấn đề an ninh trong vùng được thành lập từ 1993 gồm có các thành viên ASEAN, Liên hiệp Âu châu, Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đại Hàn v.v. Ở đây, ông Bạch Nam Thuần, lần đầu tiên hợp mặt với bà Madeleine Albright, ngoại trưởng Mỹ, ông Charles Josselin, một bộ trưởng Pháp đại diện Liên hiệp Âu châu, ông Javier Solana, đại diện Liên hiệp Âu châu về vấn đề an ninh, ông Yohei Kono, ngoại trưởng Nhật và người đồng sự Đại Hàn ông Lý Đình Bản (Lee Joung Bin) trước khi đi thăm viếng Cam Pu Chia trong ba ngày. Sau khi thiết lập bang giao với Ý, Úc Đại Lợi, Phi Luật Tân, Brunei, Gia Nã Đại, Bình Nhưỡng có thể thiết lập ngoại giao với Tân Tây Lan và Nhật trong những ngày sắp tới và với một số nước khác. Ngoại trưởng Việt Nam, ông Nguyễn Di Niên cũng sang Bình Nhưỡng để trả lễ ông Bạch Nam Thuần đã viếng thăm Hà Nội cách đây một hai tháng. Song song, một phái đoàn bắc Triều Tiên sang Hán Thành để thương thuyết tái lập bang giao kinh tế, thương mại, giao thông, thư tín v.v. Đường xe lửa giữa hai miền sẽ được tái lập nếu cuộc thương thuyết thành công. Bình Nhưỡng và công ty Hyundai có ý định thành lập một khu vực kinh tế đặc biệt ở vùng phi quân sự theo đó 200 xí nghiệp về xe hơi, điện tử, dệt vải, máy

ráp v.v. sẽ thành hình trong năm đầu. Trong khi đó, nhật báo Nhật *Asashi* ra ngày 9-8 đưa tin Kim Chính Nhật có thể "không" chống đối sự có mặt của quân đội Mỹ ở miền Nam. Họ Kim trả lời như vậy trong cuộc gặp gỡ thượng đỉnh với tổng thống Kim Đại Trung trong khi ông Kim Yong Sun, một bí thư Đảng nói ngược lại. Các nhà phân tích cho đây là một sự phân công đàn cảnh có sắp xếp trước để duy trì sự nhập nhằng. Họ Kim đóng vai "bò câu" trong khi Đảng đóng vai điều hầu !

Cựu tổng thống Suharto bị xét xử

Ông Suharto sẽ không ra trước tòa vì những cuộc tàn sát hàng loạt đã xảy ra dưới thời cai trị của ông - gần 500.000 người trong cuộc đảo chánh 1965 và hơn 200.000 người trong cuộc chiếm đóng Đông Timor - nhưng vì tội lạm tiêu 571 triệu Mỹ kim tiền công quỹ, một số tiền mà nhiều nhà quan sát cho là chỉ tượng trưng cho một phần nhỏ tất cả những gì ông và gia đình đã biển thủ. Tuy nhiên, tiền đề này có một tầm vóc hết sức quan trọng nếu người ta nhớ rằng cách đây một năm, vào lúc ông Suharto từ chức, cựu tham mưu trưởng, tướng Wiranto đã thề sẽ bảo vệ ông và gia đình ông. Nhưng tân tổng thống Wahid đã tỏ ra hết sức khéo léo trong việc giảm thiểu dần dần vai trò của quân đội Năm Dương trong đời sống chánh trị quần đảo. Tới phiên ông, tướng Wiranto bị cách chức và cùng sắp sửa bị truy tố vì vai trò của quân đội Nam Dương trong những cuộc tàn sát tại Đông Timor vào năm 1999. Ông Wahid hứa sẽ ân xá ông Suharto nếu ông này trả lại nhà nước phần lớn số tiền biển thủ. Ông Wahid chấp nhận những "thỏa ước" này vì vụ kiện Suharto có hai tác dụng thiết yếu : một là để đánh dấu sự ra đời của nhà nước pháp trị trong đó không ai có thể ở trên pháp luật, hai là nó là một phương tiện để tái lập hào quang chế độ, bị những biến cố ly khai lung lay trầm trọng từ một mấy tháng nay. Ông Wahid cũng tỏ ra khôn ngoan khi công nhận đã có thái độ cao ngạo đối với quốc hội và giao phó chức năng điều khiển chánh phủ cho phó tổng thống, bà Sukarnoputri, trong khi ông tiếp tục nắm giữ vai trò hướng dẫn quốc gia.

Người Hmong tại Lào và khu Tam giác Vàng

Nguyễn Văn Huy

Những cuộc đụng độ vô trang gần đây tại Lào, nhất là sự hiện diện quân sự của Việt Nam, gây nhiều xôn xao trong dư luận quốc tế và cộng đồng người Việt hải ngoại. Giới truyền thông quốc tế nói người Hmong tại Lào được đồng hương tại hải ngoại giúp đỡ vũ khí lật đổ chính quyền, quân Pathet Lào chống không lại phải kêu cứu Việt Nam, v.v. Những loại tin vừa nói không phản ánh đúng nguyên do thúc đẩy sự nổi dậy của người Hmong và sự hiện diện của bộ đội cộng sản Việt Nam trên đất Lào. Việt Nam ngày nay không còn khả năng thực hiện chính sách bá quyền khu vực như những năm trước. Hơn nữa, Lào và Việt Nam là hai quốc gia thành viên của ASEAN, mọi can thiệp vào nội tình một quốc gia thành viên khác trái với quy ước sinh hoạt của hội. Về phía người Hmong tại Lào, kể cả tại Việt Nam, từ sau 1954 cho tới nay chưa bao giờ nổi lên đòi độc lập hay quyền tự trị dù không ưa gì người Lào hay người Việt, họ chỉ muốn được sống yên ổn tại nơi sinh trú.

Chính ước muốn "được sống yên ổn tại nơi sinh trú" này mới là nguyên nhân của mọi biến động vì nơi sinh trú của người Hmong hiện nay nằm trong khu Tam giác Vàng, một trung tâm sản xuất ma túy lớn nhất thế giới (hơn cả Trung Mỹ), đang bị Cơ quan Kềm chế Ma túy và Ngăn ngừa Tội ác của Liên hiệp Quốc (ODCCP - *Office for Drug Control and Crime Prevention*) chú ý. Tam giác Vàng là nơi giáp ranh giữa ba nước Miến Điện - Thái Lan - Lào về phía Bắc và cũng là nơi sinh trú của những sắc dân chuyên sống bằng nghề trồng cây á phiện.

Người Hmong tại Lào

Người Hmong - còn gọi là Miêu, Miao hay Mèo - là một sắc tộc thiểu số sinh trú trên những độ cao từ 1.000 đến 1.400 mét, đông nhất tại Xieng Khoan (Trần Ninh), kể là Hua Phan (Hổ Phàn), Boli Khamsay (Lạc Biên) và Kham Muon (Cam Muộn), sát với biên giới Việt Nam. Dân số trên 270.000 người (6% dân số toàn quốc) gồm người Hmong trắng (150.000), Hmong xanh dương (100.000) và Hmong sọc (20.000). Nghề sinh sống chính là trồng bắp, lúa rẫy, chăn nuôi, dệt và đan lát, nhưng nghề canh tác mang lại lợi tức

cao là trồng cây á phiện.

Khí hậu và những vùng đất cao tại Bắc và Trung Lào rất thích hợp cho nghề trồng cây á phiện, năng suất vừa cao vừa có thể gặt hái quanh năm. Trung bình mỗi trái á phiện (*pavot*) tại đây cung cấp hơn 100 gram nhựa sống. Người Hmong biết trồng cây á phiện và sản xuất thuốc phiện từ lâu đời, lượng nha phiến sản xuất ra phần lớn dùng cho nhu cầu nội bộ (chữa bệnh và chống lạnh), số còn lại để đổi lấy gạo và muối.

Người Hmong xuất phát từ tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc), tộc Mèo Dao (Miao Yao), ngữ hệ Tạng Miến (*tibeto-birman*). Giữa thế kỷ 13, khi quân Mông Cổ tấn công Tứ Xuyên và Đại Lý (Quế Châu), những cư dân bản địa ngữ hệ Tạng Miến chạy xuống phía Nam tị nạn, một số đến thượng nguồn sông Irrawaddy (Miến Điện) lập nghiệp, hòa trộn với người bản địa để trở thành tộc Mang (*birman*) sau đó, một số khác chạy về Vân Nam và Quảng Tây sinh sống. Đầu thế kỷ 15, một số dân cư Hmong tại Vân Nam, không chấp nhận chính sách dân công của nhà Minh (bắt dân xây dựng vạn lý tường thành ngăn chặn người Mông Cổ ở phía Bắc), di tản phía Nam lánh nạn trên những vùng rừng núi hiểm trở tại Bắc Lào.

Giữa thế kỷ 17, nhà Thanh đánh bại nhà Minh và làm chủ toàn bộ Trung Nguyên, một số quân Minh chạy xuống các vùng rừng núi phía Nam tỉnh Vân Nam lập căn cứ và vận động các sắc dân địa phương tham gia phong trào "*phản Thanh phục Minh*". Với thời gian tinh thần phản Thanh giảm dần và ý chí phục Minh biến mất, nhóm tàn quân này trở thành quân cướp làm chủ trên một vùng đất rộng lớn từ Bắc Miến Điện đến miền thượng du Bắc Việt Nam từ cuối thế kỷ 17 đến cuối thế kỷ 19. Nghề sinh sống chính là phân phối thuốc phiện do các sắc dân miền núi sản xuất xuống đồng bằng đổi lấy gạo, muối và vũ khí.

Năm 1849, Hồng Tú Toàn, một lãnh chúa tại Vân Nam thành lập Thái bình Thiên Quốc, chống lại nhà Thanh lúc đó đang suy yếu. Thế lực của nhóm này rất mạnh, những nhóm tàn quân nhà Minh cũ và các sắc dân trong vùng đi theo rất đông. Quân Thái bình Thiên Quốc cướp bóc tài

sản những người giàu có trong vùng và bán nha phiến cho người Anh, lúc đó đã mở được một con đường vào Trung Quốc dọc theo sông Irrawaddy (Miến Điện) từ 1830, để tự tài trợ. Số lượng thuốc phiện do người Anh xuất khẩu vào Trung Quốc tăng nhanh làm nhiều người bị nghiện khiến Bắc Kinh phẫn nộ. Sau hai cuộc Chiến tranh Nha phiến năm 1842 và 1856, nhà Thanh bị các đế quốc phương Tây đánh bại, phải nhượng thêm nhiều vùng đất mới và mở cửa buôn bán với phương Tây. Trước thế lực ngày càng lớn của Thái bình Thiên Quốc, các đế quốc phương Tây đã giúp nhà Thanh tiêu diệt phong trào năm 1864. Những người sống sót, do Ngô Côn dẫn đầu, phân tán thành từng nhóm nhỏ chạy lên các vùng núi non hiểm trở Bắc Lào và Bắc Việt Nam và Lào lập căn cứ, bị gọi chung là "giặc Hồ", gồm các nhóm Cờ Vàng do Hoàng Sùng Anh lãnh đạo, Cờ Đen do Lưu Vĩnh Phúc cầm đầu và Cờ Trắng do Bàn Văn Nhị và Lương Văn Lợi chỉ huy. Năm 1884, khi Hà Nội bị Pháp chiếm đóng, chính nhóm Cờ Đen đã giúp nhà Nguyễn đánh lại quân Pháp. Các nhóm này làm chủ vùng biên giới giữa Trung Hoa, Việt Nam và Lào trong hơn 30 năm, từ 1868 đến 1897.

Trước sự suy yếu của nhà Thanh, năm 1855 người Hmong tại Quế Châu cũng nổi lên đòi tự trị nhưng sau vài năm cầm cự, tất cả đều bị nhà Thanh đánh dẹp. Năm 1860, một số gia đình Hmong chia thành hai nhóm chạy xuống phía Nam lánh nạn: một nhóm lên vùng núi non miền Bắc Lào lánh nạn và hòa trộn với các nhóm đồng tộc có mặt từ trước khai thác các vùng đất mới; nhóm kia lên miền thượng du Bắc Việt ẩn náu (Hà Giang và Lào Cai) và sau đó tỏa rộng sang 7 tỉnh khác năm 1873 (Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái, Sơn La, Lai Châu, Thanh Hóa và Nghệ Tĩnh). Các nhóm Hmong này tiếp tục canh tác và sản xuất thuốc phiện đổi lấy gạo và muối với các nhóm quân Hồ cho tới khi Pháp làm chủ hoàn toàn miền Bắc Đông Dương năm 1897.

Sau khi ký hiệp ước bảo hộ miền Bắc và miền Trung năm 1884, Pháp tiến vào các vùng rừng núi phía Tây Bắc Việt Nam thám hiểm và mở rộng lãnh thổ. Năm 1893 vương quốc Lào được Pháp khai sinh, quân Hồ và quân Xiêm bị đánh đuổi ra khỏi vùng đất bảo hộ. Để giản dị hóa việc bảo hộ, Pháp giao cho người Lào cai trị tất cả các sắc tộc miền núi, điều này không làm người Hmong vừa lòng vì từ trước đến nay quen sống độc lập và

chỉ hợp tác với các nhóm người Hoa. Năm 1918, Pachai Vu, một thủ lĩnh Hmong trắng tại Bắc Lào nổi lên chống lại người Lào và bị dập tắt trong máu lửa. Lo ngại vương quốc Lào bị tan vỡ, năm 1920 Pháp giao cho Lo Bliayao quyền cai quản huyện Nong Het, tỉnh Xieng Khoan, nơi người Hmong trắng tập trung đông nhất. Nong Het, nằm trên cánh đồng Chum, có một vị thế chiến lược quan trọng tại Bắc Đông Dương, nối liền Vinh và Luang Prabang bởi quốc lộ 7.

Nong Het quá lớn và quá đông dân, Lo Bliayao không đảm nhiệm nổi đã mời Tougeu Lyfung, một lãnh tụ Hmong khác, cộng tác. Lo Bliayao cai quản hạt Kengkhoai và Tougeu Lyfung hạt Phac Boun. Năm 1935 Lo Bliayao qua đời, Tougeu Lyfung trở thành người có quyền lực nhất tại Xieng Khoan. Tháng 9-1939, đến lượt Lyfung qua đời, con của ông là Touby Lyfung và con của Lo Bliayao là Faydang tranh quyền lãnh đạo Nong Het. Cuối cùng Touby Lyfung được Pháp nhìn nhận là người lãnh đạo chính thức cộng đồng người Hmong tại Xieng Khoan; Faydang rút vào bóng tối hợp tác với hoàng gia Lào và các phe chống đối khác.

Touby Lyfung đã tỏ ra trung thành với Pháp với hy vọng được cho hưởng quy chế tự trị và ông đã được toại nguyện. Để có tiền mở trường học, xây bệnh xá và đào tạo cán sự hành chính nhằm nâng cao dân trí và mức sống người Hmong, Touby Lyfung tăng thuế và cho dân trả bằng thuốc phiện. Biện pháp này làm mức sản xuất thuốc phiện tại Xieng Khoan tăng cao, Touby Lyfung là người Hmong duy nhất được kết nạp làm hội viên danh dự Ủy ban Mua Thuốc phiện của Pháp. Trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945-1954), người Hmong dưới sự lãnh đạo của ông theo Pháp đánh quân Việt Minh trên khắp các chiến trường tại Lào. Để tạ ơn, năm 1947 Touby Lyfung được vua Sisavangvong phong tước Phagna, một tước danh dự dành riêng cho những người không thuộc hoàng gia Lào (trong lịch sử của người Hmong tại Lào, chỉ có ba người được phong tước Phagna là Tougeu Lyfung, Touby Lyfung và Vang Pao) và cộng đồng người Hmong được nhìn nhận là thần dân của vương quốc Lào (điều 4, hiến pháp 14-9-1949).

Sau hiệp định Genève 1954, người Hmong tại Lào bị lôi kéo vào cuộc tranh chấp ý thức hệ quốc gia và cộng sản. Faydang theo hoàng thân Souphanouvong và Pathet Lào, được Việt Minh yểm

trợ. Touby Lyfung theo vua Sisavangvong, được Hoa Kỳ đỡ đầu. Năm 1960, Touby Lyfung giữ chức bộ trưởng bộ tư pháp, những người Hmong theo ông giữ nhiều chức vụ cao trong chính quyền và quân đội Lào.

Nhưng những biến động chính trị và quân sự sau đó làm suy yếu chính quyền trung ương Lào (chính phủ trung lập bị giải tán tháng 7-1958; phe Pathet Lào rút về vùng Đông Bắc tháng 7-1959; đại úy Khong Le đảo chánh ngày 9-8-1960; chính phủ trung lập gồm ba thành phần thành lập ngày 23-7-1962 bị tan vỡ ngày 19-4-1964...), Hoa Kỳ cần một loại người khác đủ khả năng chống lại sự xâm nhập người và vũ khí của phe cộng sản từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam trên đất Lào. Người Hmong trắng, một sắc dân thiện chiến trên vùng rừng núi, được Hoa Kỳ chú ý. Năm 1959, một sĩ quan nhảy dù do Pháp đào tạo, Vang Pao (sinh năm 1930), làm chỉ huy trưởng tiểu đoàn 10 bộ binh trên Cánh Đồng Chum. Trong chức vụ này, Vang Pao đã tỏ ra có khả năng và trở thành một lãnh tụ chống cộng được cơ quan tình báo CIA Mỹ nhiệt tình nâng đỡ. Từ 1961 trở đi, các phái đoàn quân sự và nhân viên tình báo CIA thành lập nhiều đội dân phòng Hmong (HADC - *Hmong autodefense d'choc*) và đơn vị du kích (HSGU - *Hmong special guerilla unit*) giúp Hoa Kỳ truy tìm và phá hủy các căn cứ của quân cộng sản. Cho đến 1975, có hơn 30.000 tay súng Hmong đứng dưới cờ hoàng gia Lào (và Mỹ) đánh lại quân cộng sản. Những cuộc giao tranh trên bộ tại Lào phần lớn chỉ xảy ra giữa người Hmong và quân cộng sản miền Bắc Việt Nam; quân đội hoàng gia và Pathet Lào chỉ làm nhiệm vụ canh gác.

Trong cuộc chiến tại Lào (1960-1975), Thái Lan cũng có một vai trò tích cực. Cảnh sát biên phòng Thái và các toán biệt kích Mỹ đào tạo dân làng Hmong cách sử dụng mìn bẫy và vũ khí tự động. Thanh niên Hmong được đưa sang Thái Lan huấn luyện quân sự tại Phitsanulok và Nam Pung Dam. Chỉ về sau, khi cuộc chiến leo thang, người Hmong mới được huấn luyện trực tiếp tại hai căn cứ Sam Thong và Long Tieng trên Cánh Đồng Chum. Các lực lượng Hmong được đưa về bảo vệ đê đò Luang Prabang và các thôn làng dọc vùng biên giới giáp ranh với Việt Nam tại Xieng Khoan, Hua Phan, Sam Nua và Kham Muon. Vào lúc cao điểm nhất của cuộc chiến (năm 1971), Hoa Kỳ phải tuyển mộ thêm người Hmong tại

Thái Lan để bổ xung quân số. Người Nùng tại miền Nam Việt Nam cũng được tuyển sang cao nguyên Boloven chiến đấu. Những binh sĩ sắc tộc này gây nhiều thiệt hại cho quân đội miền Bắc trên các đường mòn Hồ Chí Minh và Sihanouk.

Cuộc chiến tại Lào tuy ít được dư luận quốc tế biết đến nhưng cường độ không thua gì tại Việt Nam. Cánh đồng Chum, đường số 7 và 9 nối liền Luang Prabang với Vinh và Tchépone với Khe Sanh là những chiến trường đẫm máu, số bộ đội Bắc Việt chết vì bom đạn tại đây cũng nhiều bằng ở miền Nam Việt Nam. Tổng kết cuộc chiến tại Lào tháng 12-1975, hơn 200.000 phi vụ dội trên 2 triệu tấn bom xuống các vùng rừng núi làm 700.000 người sắc tộc (2/3 dân số) phải rời nơi cư trú về miền xuôi lánh nạn. Người Hmong có lẽ là cộng đồng chịu nhiều thiệt hại hơn hết: trên 35.000 người Hmong (trên tổng số 400.000) đã bị thiệt mạng, hơn phân nửa là binh lính; 250.000 người phải rời nơi cư trú trên miền núi về đồng bằng năm 1965 để không quân Hoa Kỳ tự do oanh tạc; canh tác nông nghiệp và nghề trồng cây á phiện bị đình trệ. Đầu năm 1976, khoảng 400.000 người Lào đã vượt sông Mékong sang Thái Lan tị nạn, trong đó có hơn 200.000 người Hmong và 30.000 người Kha (người Thượng hay Lao Theung theo tiếng Lào). Năm 1985, gần 325.000 người Lào đã được Hoa Kỳ và các quốc gia phương Tây khác nhận vào định cư, trong đó có khoảng 180.000 người Hmong (160.000 tại Hoa Kỳ, 10.700 tại Pháp và 1.300 tại Guyane thuộc Pháp, số còn lại tại Úc, New Zealand và Canada).

Sau 1975, CIA vẫn tiếp tục yểm trợ người Hmong chống lại quân Pathet Lào và bộ đội Việt Nam cho tới cuối thập niên 1980. Một vài binh sĩ Hoa Kỳ đào ngũ (bị coi là mất tích-MIA) đã ở lại miền Bắc Lào tham gia phong trào buôn ma túy. Trong các trại tị nạn, những binh sĩ Hmong rã ngũ được Khun Sa, trùm buôn lậu thuốc phiện trên khu Tam giác Vàng, tuyển dụng. Năm 1981 hơn 24.000 người Hmong đã rời Thái Lan về lại quê cũ sinh sống. Hiện nay không còn người Hmong nào trong các trại tị nạn, tất cả đều về lại quê cũ, tình nguyện hay cưỡng bách.

Người Hmong về lại Lào bị chỉ định cư trú tại tỉnh Kham Muon để dễ kiểm soát. Tuy vậy cũng có một số người về lại Xieng Khoan và Hua Phan sinh sống. Đời sống quá nghèo khổ buộc người Hmong canh tác cây á phiện cung cấp cho các tổ chức buôn lậu dọc các vùng biên giới.

Quốc tế

Thuốc phiện do người Hmong sản xuất tại Lào rất được giới buôn bán và tiêu thụ ưa chuộng vì có chất lượng tốt. Một cơ hội lớn đối với người Hmong là các trung tâm sản xuất ma túy lớn như tại Trung Mỹ, Trung Đông, Afghanistan, Thái Lan và Miến Điện bị Cơ quan Kềm chế Ma túy và Ngăn người Tội ác (ODCCP) của Liên hiệp Quốc kiểm soát gắt gao trong khi nhu cầu tiêu thụ ma túy không suy giảm, địa bàn sản xuất thuốc phiện của người Hmong tại Bắc Lào càng được các tổ chức buôn lậu chiếu cố vì chưa bị kiểm soát. Khu Tam giác Vàng cho tới nay vẫn còn là một vùng đầy bí hiểm.

Nhưng làm sao chuyển lượng thuốc phiện sản xuất từ khu Tam giác Vàng xuống đồng bằng và xuất khẩu sang các quốc gia tiêu thụ khác? Đó là bài toán mà các tổ chức buôn lậu thuốc phiện đang tìm giải pháp và cũng là vấn đề mà cơ quan bài trừ ma túy quốc tế đang tìm cách phá vỡ. Những biến động gần đây tại Lào giải thích phần nào những cố gắng đó.

Khu Tam giác Vàng

Từ sau 1945, chiến cuộc tại Lào và miền Bắc Việt Nam leo thang, người Hmong bị lôi kéo vào cuộc chiến và địa bàn sinh sống của họ trở nên bất an. Một biến cố lớn làm bùng lên phong trào buôn bán thuốc phiện là sự xuất hiện của tàn quân Quốc dân Đảng Trung Hoa năm 1950, nghề canh tác cây á phiện chuyển qua Thái Lan và Miến Điện.

Tháng 10-1949, Quốc dân Đảng Trung Hoa bị phe cộng sản đánh bật ra khỏi lãnh thổ. Thành phần chủ lực theo Tưởng Giới Thạch ra đảo Đài Loan lập căn cứ, số còn lại chạy về phía Nam trốn trong những vùng rừng núi giáp ranh với Miến Điện, Thái Lan và Lào dựng lập chiến khu. Được CIA yểm trợ, tàn quân Quốc dân Đảng tuyển mộ và huấn luyện các sắc dân thiểu số chống lại quân cộng sản tại Hoa Lục. Năm 1951, Quốc dân Đảng tại đây có hơn 4.000 tay súng, năm 1952 tăng lên 30.000. Nhưng, vì được tuyển mộ một cách gấp rút và thiếu kinh nghiệm chiến đấu, những tân binh này không chống cự lại bộ đội cộng sản Trung Quốc, có lý tưởng và có kỷ luật chiến đấu hơn. Kết quả: hơn 16.000 người bị giết, số còn lại phân rã thành nhiều nhóm nhỏ ẩn náu trong dân. Với thời gian, ý chí khôi phục lực địa phai dần, các đám tàn Quốc dân Đảng trở thành những băng đảng sinh sống bằng nghề buôn bán thuốc phiện.

Sự hiện diện của tàn quân Quốc dân

Đảng làm thay đổi toàn bộ sinh hoạt của các sắc dân trong vùng và biến nơi đây thành một trong những trung tâm sản xuất thuốc phiện lớn nhất và khó bài trừ nhất thế giới. Thuốc phiện thành một nguồn lợi lớn, giá đắt như vàng nên từ thập niên 1950 khu vực biên giới phía Bắc ba nước Lào, Thái Lan và Miến Điện có biệt danh là khu Tam giác Vàng. Mỗi năm khu này cung cấp trên 4.000 tấn thuốc phiện hay 335 tấn heroin tinh chế. Theo số liệu do tổ chức bài trừ ma túy Hoa Kỳ, trong năm 1990 chỉ riêng một mình Miến Điện đã sản xuất gần phân nửa số thuốc phiện tiêu thụ trên toàn thế giới: 2.365 tấn hay 197 tấn heroin, sản lượng thuốc phiện hiện càng tăng lên gấp nhiều lần.

Miến Điện hay Myanmar (48,1 triệu dân) là một liên bang gồm 7 tiểu bang người Miến (Mang hay Birman) và 7 tiểu quốc sắc tộc: Kachin (một triệu), Shan (2,5 triệu), Kayah (1,2 triệu), Karen (3 triệu), Môn (một triệu), Arakan (1,3 triệu) và Chin (800.000). Những sắc tộc này, trừ người Arakan (gốc Ấn Độ) sinh sống dọc bờ biển, đều có liên quan không nhiều thì ít đến sản xuất hay áp tải thuốc phiện. Người Karen và Môn tuy không sản xuất thuốc phiện nhưng là những nhóm áp tải và vận chuyển thuốc phiện có thế lực nhất xuống vùng biển để sau đó xuất khẩu sang các quốc gia khác. Người Shan gần như nắm độc quyền về nghề sản xuất thuốc phiện vì nơi sinh trú, ở cao độ từ 500 đến 1.500 mét, rất thuận lợi cho nghề trồng cây á phiện. Nhưng quan trọng nhất là các nhóm người Hoa tại Kokang, tuy chỉ có một dân số trên dưới một triệu người nhưng từ khi liên kết với lực lượng Quốc dân Đảng trở thành nhóm chủ chốt trong việc phân phối thuốc phiện từ miền núi xuống đồng bằng.

Trước nguồn lợi quá lớn do thuốc phiện mang lại, chính phủ quân sự gồm toàn người Mang tại Rangoon cũng không bỏ lỡ cơ hội. Từ sau 1950, quân đội Miến đã nhiều lần tiến vào khu Tam giác Vàng đánh quân Quốc dân Đảng nhưng đều thảm bại. Năm 1954, Rangoon yêu cầu Liên hiệp Quốc buộc Đài Loan rút quân về nước, không thành công; năm 1960 hợp tác với Trung Quốc đánh đuổi các lực lượng Quốc dân Đảng ẩn náu dọc biên giới, không kết quả. Năm 1965, Rangoon thay đổi chiến lược bằng các thành lập những đội dân phòng người sắc tộc (Kha Kwe Yei) để cạnh tranh với những đội áp tải do Quốc dân Đảng đỡ đầu. Biện pháp mới này không ngờ mang lại hiệu quả, các

đội dân phòng được quân đội bảo vệ áp tải thuốc phiện từ cao nguyên xuống đồng bằng một cách an toàn. Năm 1973, các đội dân phòng được trang bị như quân đội chính quy trở thành các đội dân quân du kích (Pyi Thu Sit) để tránh tai tiếng cho quân đội.

Cùng với chiến dịch loại trừ tàn quân Quốc dân Đảng năm 1950, Rangoon muốn chiếm luôn địa bàn sản xuất thuốc phiện bằng cách hạn chế thế lực của các lãnh chúa (*sahopa*) người Shan, đồng minh của Quốc dân Đảng. Shan là một sắc tộc lớn gốc Thái, sinh sống trong thung lũng sông Salween giữa tỉnh Vân Nam và Thái Lan. Trước biện pháp mới này, người Shan đe dọa tách khỏi liên bang, Rangoon phải nhượng bộ năm 1958 nhưng đồng thuận quốc gia đã mất. Một tướng người Shan, Sao Gnar Kham, thành lập quân đội riêng năm 1956, cùng những lãnh chúa Shan khác tiếp tục quản trị vùng đất rộng lớn miền Đông Bắc và liên kết với các lực lượng Quốc dân Đảng, được Bangkok đỡ đầu, chống lại Rangoon. Làng Ban Hin Taek, tỉnh Chiang Rai (Thái Lan) trở thành đại bản doanh của quân đội Shan. Năm 1962, các nhóm vô trang Quốc dân Đảng và Shan tôn Moh Heng, một người Hoa tại Kokang, lãnh đạo cuộc kháng chiến. Thay vì chống lại Rangoon, năm 1964 những nhóm này kết hợp lại thành hai đạo quân lớn tại tỉnh Chiang Mai (Thái Lan) để bảo vệ các vùng canh tác và áp tải thuốc phiện xuống đồng bằng: Đạo quân Thứ 3 do tướng Li Wen Huan chỉ huy, bộ tham mưu đặt tại làng Feng và Đạo quân Thứ 5 do tướng Duan Shi Wen lãnh đạo, bộ chỉ huy đóng tại làng Mae Salong.

Lợi tức do buôn bán thuốc phiện quá hấp dẫn, những nhóm sắc tộc nhỏ hơn cũng tham gia phong trào buôn lậu. Năm 1950, Trung Quốc giúp người Kachin thành lập Mặt Trận Nhân Dân, trang bị hơn 6.000 tay súng chống lại tàn quân Quốc dân Đảng. Bắc Kinh bị hố to, với số lượng vũ khí có được, các nhóm vô trang Kachin hợp tác với Quốc dân Đảng sản xuất và áp tải thuốc phiện. Những nhóm nhỏ hơn như người Pao (200.000 dân), người Wa (500.000 dân), người Paluang (200.000 dân), người Lahu (100.000 dân) cũng thành lập những lực lượng vô trang riêng để được Quốc dân Đảng và người Shan chia phần.

Miền Đông Bắc Miến Điện trở thành vùng đất vô chính phủ, mỗi sắc tộc, mỗi làng đều có một lực lượng vô trang riêng.

Quốc tế

AI cũng muốn chiếm phần lợi về phía mình, những nhóm nhỏ kết hợp với những nhóm lớn để trở thành những liên minh lớn hơn, qua đó được chia phần nhiều hơn. Nhóm nào chịu đặt dưới sự chỉ đạo của Quốc dân Đảng thì trở nên mạnh nhất. Trong thập niên 1960 có bốn nhóm được coi là mạnh lớn nhất, đó là Lực lượng Vô trang Shan, Những Chiến sĩ Trẻ Can trường, Đạo quân Thứ 3 và Đạo quân Thứ 5 của Quốc dân Đảng. Tranh chấp vô trang và thanh toán nội bộ giữa các nhóm và lãnh tụ sắc tộc cũng xảy ra thường xuyên. Thủ lãnh Sao Gnar Kham bị Quốc dân Đảng ám sát tại Thái Lan năm 1964 sau một vụ chia chác không đồng đều. Năm 1966, Moh Heng rời lực lượng vô trang Shan để thành lập lực lượng cách mạng thống nhất dưới quyền điều động của Đạo quân Thứ 3 của tướng Li Wen Huan; Lo Hsing Han dẫn lực lượng Kokang theo Đạo quân thứ 5 phò tướng Duan Shi Wen (Lo Hsing Han sản xuất heroin 999 tinh chất nhất Đông Nam Á); những chiến sĩ trẻ can đảm rủ người Lahu phục vụ tướng Naw Seng vùng Đông Bắc, v.v.

Sự phân công trên khu Tam giác Vàng cũng khá rõ ràng: các nhóm sắc tộc lớn nhỏ sản xuất thuốc phiện nguyên chất bán lại cho những nhóm lớn chế biến lại thành heroin rồi giao cho các đội vô trang thuộc các sắc tộc khác áp tải thuốc phiện về đồng bằng bán lại cho các đường dây buôn lậu để tiêu thụ tại chỗ hay xuất khẩu. Việc phân phối thuốc phiện và heroin tại đồng bằng hay trong các thành phố lớn đều do các băng đảng xã hội đen được Quốc dân Đảng hải ngoại đỡ đầu nắm giữ. Trái với lầm tưởng của nhiều người, những băng đảng xã hội đen tại Hồng Kông và Mã Cao không là gì so với những tổ chức mafia của Quốc dân Đảng, họ có lý tưởng hơn nhưng cũng tàn bạo hơn. Giá cả, thị trường và dịch vụ phân phối thuốc phiện tại Đông Nam Á, kể cả tại Trung Quốc, cũng do những tổ chức xã hội đen này định đoạt.

Nguồn thuốc phiện trong khu Tam giác Vàng phân phối ở đâu? Đó là câu hỏi mà các tổ chức bài trừ ma túy và ngăn ngừa tội ác quốc tế cố tìm ra manh mối. Trong thực tế, lượng thuốc phiện và heroin do các nhóm vô trang mang về đồng bằng giao cho các băng đảng xã hội đen được phân tán qua hàng ngàn công ty buôn sỉ và bán lẻ lớn nhỏ của người Hoa khắp vùng Đông Nam Á, dưới đủ mọi hình thức, để tiêu thụ tại chỗ hay xuất khẩu sang Châu Âu và Hoa Kỳ, qua trung gian những hãng

tàu đi biển và công ty xuất nhập khẩu hàng hóa vô thường vô phạt tại những quốc gia không dính líu gì đến thuốc phiện. Số tiền thu được, sau khi trừ mọi phí tổn, được hợp thức hóa trong một hệ thống chằng chịt những ngân hàng do người Đài Loan và người Hoa tại Đông Nam Á làm chủ, sau đó chuyển vào quỹ của Quốc dân Đảng một cách an toàn, rất khó tìm ra đầu mối.

Hệ thống Ngân hàng Hoa Kiều OCBC (*Overseas Chinese Banking Corporation*) của Đài Loan và Liên Phòng Thương Mại và Kỹ Nghệ phụ trách trực Philippines-Đài Loan và Singapore-Malaysia-Indonesia thống lãnh các nguồn tài chính tại Đông Nam Á. Đó là chưa kể nhiều ngân hàng khác, dưới quyền điều khiển của Đài Loan, như Overseas Union Bank, Bangkok Bank, v.v. tham gia chia chát thị trường. Cũng nên biết người Hoa nắm trong tay 90% kinh tế Thái Lan, 80% kinh tế Indonesia, 60% kinh tế Mã Lai, 40% kinh tế Philippines và làm chủ 12 trên tổng số 26 ngân hàng của nước này.

Sau chiến tranh Việt Nam, các nhóm buôn lậu thuốc phiện trong khu Tam giác Vàng mất độc quyền sản xuất và áp tải thuốc phiện về tay Khun Sa, một ngôi sao mới xuất hiện trên vòm trời Tam giác Vàng. Tuy vậy các băng đảng xã hội đen do Quốc dân Đảng đỡ đầu vẫn độc quyền phân phối thuốc phiện đi khắp thế giới, Khun Sa cũng chỉ là người sản xuất cung cấp mà thôi.

Khun Sa, trùm buôn lậu

Trước sự chia rẽ và tranh chấp lẫn nhau giữa các nhóm buôn bán thuốc phiện, năm 1965 Khun Sa kết hợp những nhóm vô trang nhỏ lại một khối lớn hơn chống lại Quốc dân Đảng trong khu Tam giác Vàng.

Khun Sa tên thật là Lo Chang, là một người Shan gốc Hoa tại Kokang (tên Miến là Kwan Kywa, tên Hoa là Ki Yan), sinh năm 1932 tại làng Loi Maw, huyện Mong Yai, Miến Điện. Để tạo cho mình một huyền thoại riêng, năm 1950 Lo Chang tự xưng là Chang Chi Fu khi gia nhập vào lực lượng Quốc dân Đảng địa phương thuộc Đạo quân Thứ 3 do tướng Li Wen Huan chỉ huy. Năm 1958, Chang Chi Fu rời Quốc dân Đảng để gia nhập lực lượng vô trang thống nhất chống chủ nghĩa xã hội của người Shan, một tổ chức du kích địa phương nhỏ, rồi từ đó vận động người Haw (người Hoa theo đạo Hồi tại Vân Nam di cư vào miền Bắc Miến

Điện và Thái Lan từ 1949 đến 1952, khoảng 50.000 người) và binh sĩ Hmong tại Lào thành lập một lực lượng buôn thuốc phiện riêng do ông lãnh đạo. Thế lực của Lo Chang ngày càng lớn mạnh và áp đảo các tổ chức do Quốc dân Đảng đỡ đầu và chiếm lĩnh toàn bộ thị trường buôn bán thuốc phiện vùng Bắc Thái Lan và Lào. Trước thế lực mới đang lên này, lực lượng vô trang Shan bực mình trước sự chèn ép của Quốc dân Đảng gia nhập tổ chức của Chang Chi Fu.

Năm 1969, trên đường áp tải thuốc phiện, Chang Chi Fu bị cảnh sát Miến Điện bắt. Đệ tử của ông bắt cóc hai bác sĩ Liên Xô làm việc tại miền Bắc Miến Điện để chuộc Chang Chi Fu. Ra khỏi tù năm 1973, Chang Chi Fu tự xưng là Khun Sa (*khun* là một tước vị quý tộc nhỏ của người Thái, *sa* là ông trùm; người Shan gọi ông là Sao Mong Khawn, người Miến là Khun Yo) và đặt tên tổ chức mới của ông thành "Lực lượng Thống nhất Shan" (SUA-Shan's Unified Army) cho có vẻ dân tộc. Tổ chức mới này không ngừng lớn mạnh, các lực lượng vô trang người Lahu, Wa và Pao, kể cả đảng cộng sản Miến Điện, đều xin gia nhập để được bảo vệ khi bị phe Quốc dân Đảng tấn công trên đường áp tải.

Thế lực của Khun Sa lên tới đỉnh khi tuyển mộ được những biệt kích Hmong từ Lào sang Thái Lan tị nạn năm 1976. Từ đó Khun Sa trở thành nhân vật mạnh nhất và là người được kính nể nhất trong giới buôn bán thuốc phiện tại Tam giác Vàng. Cơ quan CIA còn giúp lực lượng Khun Sa tổ chức những cuộc đột kích vào đất Lào tìm kiếm người Mỹ mất tích và móc nối với những người Hmong khác. Quân đội của các chính quyền Rangoon và Bangkok chỉ bao vây hoặc canh chừng từ phía xa các căn cứ địa của Khun Sa trên Tam giác Vàng chứ không dám đến gần.

Với lực lượng mới này, năm 1977 Khun Sa đánh chiếm đại bản doanh của người Hoa tại Kokang, Đạo quân Thứ 5 do Duan Shi Wen chỉ huy tại Mae Hongson và của Lực lượng Chiến sĩ Trẻ Can trường tại Ban Hin Tek trên đất Thái Lan. Đạo quân Thứ 3 và Đạo quân Thứ 5 cùng những tổ chức vệ tinh bị mất phần lớn địa bàn sản xuất thuốc phiện chạy xuống miền Tây Nam Thái Lan kết hợp với tướng To Lao chỉ huy trưởng sư đoàn 93 Quốc dân Đảng, bản doanh đặt tại Kanchanaburi từ 1957 trên lãnh thổ người Môn, gần Đèo Ba Chứa (Tam Tự Ái). Sư đoàn 93 sinh sống bằng nghề buôn lậu và

áp tải thuốc phiện, đá quí và gỗ rừng từ Miến Điện qua Thái Lan, bán lại cho các công ty người Hoa. Năm 1980 quân đội Miến đẩy lùi sư đoàn 93 về biên giới Thái Lan, To Lao kết hợp người Môn thành lập quốc gia Môn tự trị trên đất Thái, thủ đô đặt tại Prachuab Kiridan, để độc quyền chuyển thuốc phiện ra biển Aman và vịnh Thái Lan.

Nhờ số tiền khổng lồ thu được do buôn bán thuốc phiện, Khun Sa mua chuộc gần hết chính giới và quân đội Thái Lan và Miến Điện để được dễ dàng trên đường áp tải hàng xuống đồng bằng. Cũng nhờ số tiền đó, lực lượng võ trang của Khun Sa được trang bị những loại vũ khí tối tân nhất (máy bay trực thăng, hệ thống radar, truyền tin, phòng không, chống chiến xa và các phòng y tế dã chiến) mua lại từ các kho vũ khí của Thái Lan và Đài Loan, vũ khí cá nhân mua trực tiếp từ Trung Quốc do các tổ chức buôn lậu khác cung cấp. Tổng số binh sĩ dưới trướng Khan Sa có trên 30.000 người, đó là chưa kể gần một triệu người gồm đủ mọi sắc tộc được ông che chở và nuôi dưỡng.

Vấn đề của Khun Sa là làm sao tiêu thụ số lượng thuốc phiện (nha phiện và heroin) khổng lồ do hơn 20 nhà máy chế biến sản xuất ra. Cơ hội đã đến khi người Karen và Môn xung đột với nhau năm 1983 buộc quân đội Thái Lan và Miến Điện ra tay can thiệp, con đường áp tải thuốc phiện của người Môn từ Miến Điện qua Thái Lan cho Quốc dân Đảng tại Đèo Ba Chứa (Tam Tự Ái) trên bán đảo Mã Lai. Người Karen tố cáo người Môn không trả tiền mồi lộ xứng đáng và không biết ơn họ đã bảo vệ chống lại quân Miến Điện khi bị tấn công hồi đầu thập niên 1980. Khun Sa cùng với các lực lượng võ trang người Shan, người Haw và người Wa kết hợp với các sắc tộc nhỏ hơn như người Pao, người Kayan và Kerenni, mở một con đường khác từ Tam giác Vàng xuống vịnh Thái Lan và biển Aman, hai bên bán đảo Mã Lai. Đảng cộng sản Miến Điện (mất nguồn tài trợ của Trung Quốc) cũng nhân cơ hội mở một con đường khác từ Mae Hongson xuống đồng bằng buôn lậu thuốc phiện và mua hàng hóa điện tử bán cho Trung Quốc.

Trước sự lộng hành này, chính quyền Rangoon đưa ba sư đoàn bộ binh nhẹ (sư đoàn 88 tại Kentung, sư đoàn 77 tại Mong Hsu và sư đoàn 99 tại Lasho) lên cao nguyên Shan ngăn chặn đường dây buôn

lậu của Khun Sa nhưng tất cả đều bị mua chuộc để bất động, nguồn thuốc phiện vẫn được sản xuất bình thường và đưa xuống đồng bằng một cách đều đặn. Năm 1982, Bangkok dẫn đại quân tấn công bản doanh của Khun Sa tại Ban Hin Taek, tỉnh Cheng Rai. Quân Khun Sa chống trả không lại, rút qua biên giới Miến Điện. Tại đây Khun Sa, một mặt, kết hợp với lực lượng võ trang Kachin và đảng cộng sản Miến (cả hai lực lượng này cung cấp 70% lượng thuốc phiện tại Miến) phòng thủ lãnh địa mới và, mặt khác, mở một rộng địa bàn sản xuất tại Lào do người Hmong phụ trách. Năm 1984, tất cả các tổ chức lớn nhỏ liên quan đến việc buôn bán hay áp tải thuốc phiện trong khu Tam giác Vàng đều đặt dưới quyền của ông. Để thách thức dư luận quốc tế, Khun Sa mời phóng viên các đài truyền hình lớn quốc tế vào bản doanh của ông làm phóng sự.

Hoa Kỳ và Việt Nam nhập cuộc

Thế lực ngày càng lớn của Khun Sa khiến chính phủ Hoa Kỳ lo ngại. Sau khi kềm chế những trung tâm sản xuất cocaine lớn tại Trung Mỹ (Nicaragua, Venezuela, Bolivia và Colombia) cuối thập niên 1980, số lượng ma túy đưa lên vào Hoa Kỳ vẫn không thuyên giảm. Nguồn bạch phiện (heroin) từ khu Tam giác Vàng do các tổ chức buôn lậu đưa vào Hoa Kỳ và Châu Âu tiếp tục tràn ngập các thị trường tiêu thụ bù đắp lượng ma túy từ Trung Mỹ bị chặn đứng. Đây là một vấn nạn lớn, không quốc gia sản xuất hay tiêu thụ nào có thể giải quyết một mình vì tất cả đều là nạn nhân.

Hoa Kỳ đã tỏ ra tích cực trong việc bài trừ ma túy vì quyền lợi và sức khỏe của dân chúng Mỹ đang bị đe dọa. Từ đầu thập niên 1980 đến nay, Hoa Kỳ đã hợp tác chặt chẽ với các chính quyền Miến Điện và Thái Lan trong việc bài trừ ma túy. Số lượng ma túy sản xuất từ hai quốc gia này mỗi năm là bao nhiêu đều được biết rõ, chỉ riêng tại Lào con số vẫn còn bí ẩn. Theo tổ chức ODCCP, Lào là quốc gia sản xuất thuốc phiện đứng hàng thứ ba trên thế giới, sau Miến Điện và Afghanistan. Số đất đai canh tác cây á phiện tại đây tăng đều mỗi năm, tăng 40% từ 1992 đến nay. Tám tỉnh Bắc Lào canh tác 26.800 hecta đất rừng, cung cấp mỗi năm 125 m³ thuốc phiện (tương đương 2.140 tấn/năm), một con số báo động cho một quốc gia có dân số chưa tới 4,5 triệu người vì 57% lượng thuốc phiện được tiêu thụ ngay trong nước.

Đối với chính quyền Pathet Lào, thủ phạm chính là người Hmong. Trong thời chiến tranh, địa bàn cư trú của người Hmong bị bom đạn tàn phá nên phải di tản về đồng bằng, việc canh tác cây á phiện bị đình trệ. Năm 1976 phần lớn người Hmong di tản sang Thái Lan tị nạn, nhưng từ khi Thái Lan đóng cửa các trại tị nạn, người Hmong trở về quê cũ đông hơn. Đời sống thiếu thốn buộc người Hmong trở về nghề canh tác cây á phiện. Với thời gian, sản lượng thuốc phiện do người Hmong cung cấp tăng lên nhanh chóng vì các trung tâm sản xuất khác đang bị Hoa Kỳ, qua trung gian Chương trình Bài trừ Ma túy của Liên hiệp Quốc (UNDCP-*UN drug control program*), ngăn chặn. Lào vẫn còn là một ngoại lệ trước khi Hoa Kỳ tái lập quan hệ ngoại giao năm 1992.

Chiến dịch bài trừ ma túy tại Lào không phải chỉ mới đây, nó bắt đầu từ năm 1985 khi các phái đoàn tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích đã đến Lào làm việc trên các vùng rừng núi, những vùng canh tác á phiện đều được phát giác, phần lớn nằm trong khu vực sinh trú của người Hmong. Người Mỹ đã hoạt động tích cực tại Lào từ 1960 đến 1973 và còn tiếp tục sau đó, quan hệ giữa Hoa Kỳ và Lào chưa bao giờ bị cắt đứt. Sau 1975, Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ (USAID - *US Agency for International Development*) và Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ (USIA - *US Information Agency*) vẫn còn hoạt động tại Lào nhưng ở mức tối thiểu.

Một vấn đề lương tâm đặt ra cho Hoa Kỳ là làm sao ngăn cản người Hmong sản xuất thuốc phiện mà không bị họ phiến lòng? Trước kia người Hmong đã theo Mỹ chống lại quân cộng sản một cách cuồng nhiệt và ngày nay còn đang trả giá cho chọn lựa này. Nhưng quyền lợi và sức khỏe của dân Mỹ quan trọng hơn hết, Hoa Kỳ không thể nường tay trong vụ này. Cách hay nhất là bán cái cho Liên hiệp Quốc, vừa không mang tiếng phản bội đồng minh cũ, vừa ngăn chặn được nguồn sản xuất thuốc phiện. Chính sách bài trừ ma túy của Hoa Kỳ là giúp đỡ các quốc gia sản xuất thuốc phiện phá hủy các vùng canh tác cây á phiện mà vùng rừng núi tại Bắc Lào là một trong những trung tâm chính. Từ 1989 đến nay, tổ chức bài trừ và ngăn ngừa tội ác của Liên hiệp Quốc, do Hoa Kỳ chủ động, đã giúp chính phủ Pathet Lào trên 80 triệu USD để phá hủy những vùng trồng cây á phiện, năm 2000 dự trù sẽ giúp thêm 4,7 triệu USD.

Sáu quốc gia liên quan tới khu Tam

Quốc tế

giác Vàng (Lào, Thái Lan, Miến Điện, Kampuchea, Trung Quốc và Việt Nam) cũng thế, từ 1993 chương trình bài trừ ma túy của Liên hiệp Quốc đã tài trợ nhiều số tiền lớn để phá hủy những nơi sản xuất thuốc phiện. Miến Điện là quốc gia hợp tác ngay từ đầu, mục đích của nhóm quân phiệt Rangoon không phải để ngăn chặn buôn lậu thuốc phiện mà là được thế giới nhìn nhận như là một chính quyền hợp pháp. Khun Sa không những không bị đe dọa mà còn có biệt thự riêng tại Rangoon và xây một xa lộ từ khu Tam giác Vàng ra biển Aman để chuyển vận thuốc phiện ra các bến cảng. Thái Lan tuy bề ngoài tỏ vẻ hợp tác với chương trình bài trừ ma túy nhưng bên trong vẫn để cho quân đội và cảnh sát biên phòng làm tiền các đoàn áp tải thuốc phiện xuống Vịnh Thái Lan. Trung Quốc cũng lợi dụng sự giúp đỡ này mở rộng ảnh hưởng xuống phía Nam để kiểm soát nguồn thuốc phiện sản xuất tại đây. Chỉ còn lại ba nước Đông Dương cộng sản. Hoa Kỳ đã làm đủ mọi cách để ba nước này hội nhập bình thường vào cộng đồng quốc tế để tham gia chương trình bài trừ ma túy. Tại Kampuchea, từ sau 1991, lực lượng UNTAC của Liên hiệp Quốc kiểm soát gắt gao vùng biên giới giáp ranh với Lào, ngăn chặn luồng chuyển vận thuốc phiện trên sông Mékong, các đoàn áp tải phải băng qua biên giới Thái Lan và Việt Nam giao hàng.

Từ sau 1986 Vientiane mở cửa đón nhận đầu tư quốc tế. Một số tư nhân và công ty Đài Loan và Thái Lan do người Hoa làm chủ cũng nhân cơ hội vào Lào khai thác nguồn thuốc phiện sản xuất tại đây mang đi nơi khác. Các đường dây buôn lậu ngày càng công khai, quân đội và cán bộ Pathet Lào cũng được móc nối để tham gia áp tải thuốc phiện về các thành phố lớn giao cho các tư nhân và công ty vừa nói. Dụng độ vô trang và thanh toán nội bộ xảy ra thường xuyên giữa các nhóm buôn lậu, một vài tay phiêu lưu người Pháp nhảy vào kiếm ăn nhưng bị loại ra nhanh chóng. Tình trạng vô chính phủ tại Bắc Lào vẫn còn kéo dài cho tới ngày nay.

Tại Việt Nam, sau khi được Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận năm 1992, bộ đội và công an biên phòng vào Sơn La và Lai Châu khuyến dụ người Hmong phá hủy những vườn trồng cây á phiện. Một số làng chấp nhận phá hủy với điều kiện Hà Nội giúp đỡ họ canh tác các loại hoa màu khác (trà và cà phê) và cho phép du khách ngoại quốc tự do đến thăm viếng để có

thêm lợi tức. Một số làng khác từ chối hợp tác, làng xã, nhà cửa và vườn tược của họ liền bị phá hủy, những người chống cự lại đều bị giết, một số khác bị bắt, số còn lại chạy qua Lào lánh nạn.

Trước nguồn lợi do thuốc phiện mang lại, bộ đội, công an biên phòng và nhiều cán bộ cao cấp khác trong chính quyền cũng tham gia phong trào buôn lậu. Sự tham lam quá đáng của những người này làm nản chí các công ty Hoa kiều Đông Nam Á và Đài Loan chỉ vào Việt Nam khai thác nguồn thuốc phiện từ Bắc Lào mang vào, phần lớn đã rời Việt Nam sang Miến Điện và Thái Lan. Từ 1992 trở đi, lượng ma túy thay vì được các nhóm Hoa Kiều vừa nói chuyển sang những quốc gia khác để được tiêu thụ tại chỗ, giới trẻ Việt Nam là những nạn nhân trực tiếp đó. Những án tử hình không làm nản chí những người buôn bán và áp tải, một người bị bắt hàng chục người khác vào thay. Lên án Hà Nội xuất khẩu thuốc phiện cũng hơi oan vì làm gì có thị trường tiêu thụ để mà xuất khẩu, tất cả những đường dây mua bán hay phân phối đều nằm trong tay những băng đảng xã hội đen do Quốc dân Đảng hải ngoại nắm giữ. Lực lượng Khun Sa cũng chỉ là người cung cấp cho các tổ chức này mà thôi.

Không riêng gì Việt Nam, Hoa Kỳ cũng là nạn nhân trực tiếp của thuốc phiện, nạn nghiện ngập trong giới trẻ Hoa Kỳ cũng đang ở mức báo động. Chính vì thế, từ thập niên 1990 Hoa Kỳ đã tích cực giúp Hà Nội và Vientiane, qua trung gian chương trình bài trừ ma túy, phá hủy các vùng sản xuất thuốc phiện. Người Hmong tố cáo không quân Việt Nam đã rải chất độc màu da cam do Liên Xô sản xuất xuống những nơi canh tác của họ tại Bắc Lào và Bắc Việt Nam. Nhưng chiến dịch bài trừ này không phải để vì miền Bắc Lào nằm trong khu Tam giác Vàng, địa bàn hoạt động của nhóm Khun Sa. Với số tiền do thuốc phiện mang lại, lực lượng vô trang của Khun Sa được trang bị rất tối tân, có cả hỏa tiễn phòng không và chống chiến xa, đó là chưa kể lượng súng ống và mìn bẫy khổng lồ nằm trong tay những sắc tộc thiện chiến trong vùng rừng núi sẵn sàng chống trả lại bất cứ lực lượng nào muốn xâm nhập vào. Nhóm Khun Sa vẫn tiếp tục làm chủ các vùng sản xuất thuốc phiện tại miền Bắc Lào. Không phải tình cờ mà một phi cơ quân sự của Việt Nam bị rơi trên khu vực sản xuất thuốc phiện của người Hmong ngày 27-5-1998, làm thiệt mạng tổng tham mưu trưởng quân đội

cộng sản Việt Nam, Đào Trọng Lịch, cùng nhiều sĩ quan cao cấp khác.

Sau chuyến viếng thăm của bộ trưởng quốc phòng Mỹ, William Cohen, tại Việt Nam tháng 5-2000, quyết tâm bài trừ ma túy của Hà Nội dứt khoát hơn. Mọi ngã ra vào khu vực cư trú của người Hmong tại Bắc Lào đều bị kiểm soát chặt chẽ, nguồn thuốc phiện không thoát ra được khiến người Hmong dưới trướng Khun Sa phản ứng. Quân đội Lào quá yếu để chống lại, phải nhờ Việt Nam. Sự can thiệp này chỉ nhằm ngăn chặn những nhóm buôn lậu chứ không phải để khống chế Lào.

Còn tướng Vang Pao? Ông năm nay đã già (70 tuổi), hiện cư ngụ tại Hoa Kỳ, không còn lãnh đạo lực lượng biệt kích Hmong nữa. Cộng đồng người Hmong tại Hoa Kỳ tuy khá đông (160.000 người) nhưng phần lớn làm nghề tay chân hay canh tác nông nghiệp, lợi tức kiếm được chỉ đủ sống không thể giúp người Hmong trong nước chống lại Vientiane như báo chí quốc tế loan tin. Những biến động vô trang hiện nay tại Lào chỉ giới hạn trong chương trình bài trừ ma túy. Những vụ đặt bom gần đây tại một số thành phố lớn là một cảnh cáo của các nhóm buôn lậu do Khun Sa cầm đầu đối với chính quyền Vientiane: để họ yên thì sẽ được yên.

Bài trừ được nạn ma túy không? Rất khó trả lời. Những tổ chức đầy lý tưởng như Quốc dân Đảng Trung Hoa, các đảng cộng sản Miến Điện và Thái Lan, các tổ chức tôn giáo của người Haw và Kachin, sau một thời gian đình lúu đến thuốc phiện đều rời bỏ lý tưởng ban đầu để tham gia buôn lậu thuốc phiện. Cảnh sát và quân đội Thái Lan và Miến Điện cũng thế, tất cả đều có liên quan không nhiều thì ít vào các đường dây buôn lậu quốc tế. Quân đội và cảnh sát biên phòng Việt Nam và Pathet Lào cũng rất khó làm ngơ trước nguồn lợi to lớn do dịch vụ này mang lại, nhiều vụ án lớn đã xảy ra trong đó có những sĩ quan và cán bộ cao cấp dính lúu vào.

Vấn nạn ma túy vẫn còn và sẽ còn đe dọa mọi người chừng nào những băng đảng và tổ chức buôn lậu của người Hoa chưa bị phá vỡ. Nếu theo dõi kỹ sinh hoạt những công ty xuất nhập khẩu và hệ thống ngân hàng chằng chịt tại Đông Nam Á do người gốc Hoa làm chủ, người ta sẽ khám phá bằng cách nào lượng thuốc phiện du nhập vào các thị trường tiêu thụ quốc tế và số thu vào đã được tẩy trắng.

Nguyễn Văn Huy

Quản lý quốc gia và phát triển Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hiệp

Kết quả thấp kém về quản lý quốc gia và phát triển Việt Nam trong 25 năm "Hòa bình, Độc lập, Tự do" chất vấn sự chính đáng của đảng và chính quyền cộng sản Việt Nam. Ngày nay giới lãnh đạo Việt Nam không thể biện minh sự chính thống của vai trò lãnh đạo của mình dựa trên sự nghiệp "giải phóng dân tộc", "đấu tranh giành độc lập" và cũng không thể bám vào mục tiêu "xây dựng chủ nghĩa xã hội". Sự chính đáng đó phải căn cứ trên kết quả quản lý quốc gia, tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển con người và phát triển bền vững. Nhìn dưới khía cạnh này, sự chính đáng của đảng và chính quyền cộng sản Việt Nam là một dấu hỏi lớn.

Trong 25 năm qua, có lúc quản lý quốc gia của đảng và nhà nước cộng sản, đã khiến cho Việt Nam gần sụp đổ, bắt buộc nhà cầm quyền đã phải đề ra chính sách "đổi mới", chủ yếu là trong lãnh vực kinh tế. Năm 1987, chính sách "đổi mới" đã giúp kinh tế "sống lại", xã hội "hồi sức" và sắc diện quốc gia khá hơn. Tình trạng này kéo dài khoảng sáu năm, từ 1991 tới 1997. Nhưng tiếp đó, do những yếu kém tận căn bản về tổ chức nhà nước, quản lý quốc gia và chính sách phát triển, kinh tế và xã hội Việt Nam lại rơi vào tình trạng suy thoái âm ỉ. Mộng sớm trở thành "rồng kinh tế" mà đảng và nhà cầm quyền Việt Nam ấp ủ khi tiếp đón hội nghị các nhà tài trợ tại Hà Nội tháng 9 năm 1993 đã thực sự tan biến. Từ 1997, sản xuất bấp bênh, thương mại khó khăn, đầu tư khan hiếm, thất nghiệp gia tăng, tiêu thụ giảm sút và kinh tế vẫn không đủ điều kiện để cất cánh. Kết quả về tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội rất thấp so với tiềm năng phát triển của quốc gia. Tình hình kinh tế xã hội xuống cấp, thái độ thực tế buộc nhà cầm quyền Việt Nam phải trở về với mục tiêu căn bản là "xóa đói giảm nghèo". Tại Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ tổ chức tại Hà Nội tháng 12-1999, "xóa đói giảm nghèo" đã trở thành vấn đề trọng tâm có ưu tiên cao (1).

Hầu hết các quan sát viên nước ngoài

- từ giới đầu tư kinh doanh, đại diện thường trú của các cơ quan Liên hiệp Quốc, tới các học giả chuyên về vấn đề Việt Nam - đều không lạc quan về những viễn tượng phát triển kinh tế và xã hội Việt Nam. Ngân hàng Thế giới dự báo tỷ lệ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong năm 2000 sẽ tương đương với hai năm trước, tức khoảng 4%. Các nhận định đều đi tới cùng một kết luận là hệ thống quản lý quốc gia của Việt Nam yếu kém, không khuyến khích đầu tư, kinh doanh và tạo việc làm, không thuận lợi cho sự phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế. Nói cách khác, ở Việt Nam không có một hệ thống quản lý quốc gia đúng đắn nhằm vào phát triển con người và phát triển bền vững mà chỉ có một kiểu quản lý hẹp hòi, bưng bít và cứng nhắc mà Đảng Cộng sản Việt Nam dùng để bảo vệ một chế độ độc tài và bám víu vào một chủ nghĩa đã bị đào thải. Hệ thống quản lý quốc gia mà Đảng Cộng sản Việt Nam theo đuổi phi phạm năng lực dân tộc, tài nguyên quốc gia mà vẫn không làm kinh tế Việt Nam vươn lên dứt khoát và xã hội để tiến bộ thực sự.

Quản lý quốc gia là gì ? Ai quản lý quốc gia ?

Quản lý quốc gia không phải là một khái niệm mới. Nó là việc hành sử các quyền hạn chính trị, kinh tế và hành chánh trong sự điều hành các hoạt động quốc gia. Nó bao gồm cơ chế hoạt động, cơ cấu quản lý, các định chế, các tổ chức, các chức năng, các thủ tục hành chánh, cách phân cấp quyền quyết định và chia sẻ các trách nhiệm, v.v. trong tiến trình phát triển quốc gia (2). Trong bối cảnh toàn cầu hóa với những áp lực và thử thách của nó, tất cả các nước, tiến bộ hay chậm tiến, đều có yêu cầu chuyển đổi và cải thiện không ngừng hệ thống quản lý quốc gia. Mỗi nước cần thích nghi tổ chức chính trị, kinh tế và xã hội, thiết lập những định chế và áp dụng những phương thức hoạt động có khả năng động viên mọi thành phần xã hội, mọi tiềm năng và

năng lực quốc gia để hậu thuẫn và tăng cường sự nghiệp phát triển con người và phát triển bền vững. Đối với một nước chậm tiến như Việt Nam, vấn đề quản lý quốc gia có một tầm quan trọng vô cùng đặc biệt. Và quản lý quốc gia tốt và hữu hiệu là một bắt buộc để các chương trình xóa đói giảm nghèo, chống lạc hậu, tiến lên văn minh giàu mạnh đạt được kết quả mong đợi.

Một hệ thống quản lý quốc gia tốt và hữu hiệu là thế nào ? Tối thiểu nó cần mang những đặc tính chính sau đây :

- Hệ thống quản lý được đặt trong khuôn khổ chế độ pháp trị và được sự tán thành và hỗ trợ của công chúng;

- Các thành phần quản lý là những đại diện chính đáng cho quyền lợi của dân và chịu trách nhiệm kết quả hành động trước dân;

- Phương thức quản lý thể hiện tính cởi mở, đa nguyên, công khai và minh bạch, chia sẻ thông tin, tiếp cận với dân;

- Nhà nước quản lý với tư cách "cầm lái" trong tinh thần khuyến khích và hỗ trợ;

- Các quyết định chứng tỏ sự phân bổ hợp lý các nguồn lực và sự tận dụng các tiềm năng quốc gia;

- Những người trách nhiệm tạo được sự đối thoại và những đóng góp ý kiến và năng lực của dân trong các quyết định cũng như sự thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội (3).

Dựa trên kinh nghiệm thất bại cũng như thành công của các chính sách phát triển quốc gia, phát triển kinh tế xã hội trong gần 50 năm vừa qua, các cơ quan như Liên hiệp Quốc, OCDE, v.v. đã đi tới kết luận rằng một hệ thống quản lý quốc gia đúng đắn, tốt và hữu hiệu là điều kiện không có không được để phát triển quốc gia, phát triển con người, phát triển bền vững (4). Ngoài ra, với tiến trình toàn cầu hóa rõ ràng và mạnh mẽ từ khoảng 20 năm nay, quản lý quốc gia dứt khoát không phải chỉ do một mình nhà nước đảm nhiệm. Thực tế đã chứng minh những hệ thống quản lý quốc gia mà trong đó nhà nước "độc diễn", "vừa

cầm lái vừa chèo thuyền" đã không thành công. Đặc biệt vì yêu cầu phát triển con người và phát triển bền vững, dứt khoát cần phải có sự tham gia của khu vực tư nhân và xã hội dân sự vào quản lý quốc gia. Ngày nay một hệ thống quản lý quốc gia có đủ khả năng phát triển kinh tế xã hội, đem lại phần vinh tiến bộ tất phải dựa vào sự tập hợp và đóng góp bình đẳng của ba thành phần chủ chốt là nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội dân sự (5). Trên thế giới không có nước nào phát triển hài hòa và thành công về mặt phát triển con người và phát triển bền vững mà không dựa trên đủ ba thành phần đó. Quan hệ đối tác giữa các thành phần dựa trên cơ sở hợp tác bổ túc cho nhau, có tính công khai minh bạch, có tinh thần đối thoại nhất trí. Nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội dân sự hành xử để có lợi chung, dung hòa các mục tiêu khác biệt, tìm kiếm mẫu số chung và đồng thuận, ngăn chặn lệch hướng và lạm dụng và đồng thời vẫn thỏa mãn các yêu cầu chính đáng riêng của mỗi thành phần.

Hệ thống quản lý quốc gia Việt Nam

Ở Việt Nam, quản lý quốc gia hiện nay hầu như còn là lãnh vực dành riêng cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng nét đặc thù của hệ thống này là: một là, quản lý quốc gia không dựa trên chế độ pháp trị, thiếu tự do kinh tế, không có đối thoại, không có tính cởi mở, minh bạch; hai là, nhà nước "cầm lái" một kiểu cứng nhắc, thô kệch và thi hành những chính sách và biện pháp không có khả năng huy động và khuyến khích đầu tư sản xuất; ba là, nhà nước qua các xí nghiệp quốc doanh, trực tiếp tham gia sản xuất, hoạt động lỗ lã và hiệu suất thấp; bốn là, khu vực tư nhân bị kìm hãm không được giao phó vai trò động lực phát triển, góp phần tạo ra công ăn việc làm và chống thất nghiệp, tăng cường trị sự gia tăng và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế; năm là, giữa nhà nước với người dân không có xã hội dân sự làm gạch nối, giữ vai trò huy động năng lực quần chúng cho sự nghiệp phát triển; và sáu là, Việt Nam không có vấn đề thiếu tiềm năng phát triển, chỉ có vấn đề hệ thống quản lý quốc gia phi phạm tài năng của dân tộc, bóp nghẹt óc sáng tạo và ngăn chặn ý chí vươn lên của người dân.

Hệ thống quản lý quốc gia như vậy thì kết quả phát triển quốc gia không tốt đẹp và không có nhiều triển vọng. Tổng kết thành tích phát triển trong 25 năm vừa qua cho thấy chế độ xã hội chủ nghĩa, rồi chính sách kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, và sau đó, chương trình công nghiệp hóa và đầu tư sản xuất thay thế nhập khẩu lặn đạn mãi nhưng vẫn không đưa đất nước tiến lên được. Từ khoảng hai năm nay, đảng và nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã phải phần nào đổi định hướng, ít nhiều trở về căn bản của quản lý quốc gia và phát triển kinh tế xã hội, chấp nhận một chỗ đứng cho khu vực tư nhân và xã hội dân sự nhưng sự thay đổi này còn nửa vời, do dự và rất giới hạn.

Nhà nước độc quyền quản lý quốc gia

Điều 4 trong hiến pháp 1992 quy định rằng "*Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội*". Bởi vậy, hệ thống quản lý quốc gia Việt Nam trong thực tế chỉ có một thành phần chủ động duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam, và thực chất của hệ thống là một chế độ đảng trị. Đảng Cộng sản Việt Nam chiếm giữ nhà nước, tập trung và thống nhất tất cả các quyền lực, chi phối hoàn toàn các hoạt động ở tất cả các cấp của quốc gia. Đảng thực hiện và hành sử những quyền chính trị, kinh tế và hành chính mà không có bản phận trả lời trước công chúng. Các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước định đoạt và kiểm soát các hoạt động của quốc gia dựa theo nguyên tắc chủ đạo có tên gọi là "tập trung dân chủ". Nguyên tắc này có nghĩa là quyền lực quyết định về kinh tế, chính trị và hành chính hoàn toàn nằm trong tay giới lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thực tế, hệ thống quản lý quốc gia kiểu "tập trung dân chủ" đã tịch thu quyền làm chủ của dân, không cho dân góp ý vào các vấn đề quốc gia, không tạo điều kiện để dân tham gia tích cực vào các hoạt động ở mọi cấp. Hệ thống quản lý quốc gia bởi một đảng duy nhất và theo nguyên tắc "tập trung dân chủ" đã khiến công quyền không có tính công khai minh bạch, quan hệ đối thoại hợp tác giữa nhà nước và người dân không có và hành chính quốc gia đầy những nét tiêu cực như tham nhũng, lạm dụng chức quyền và thiếu hiệu lực.

Như vậy tổ chức công quyền Việt Nam hoàn toàn không dựa trên chế độ pháp trị. Mẫu mực của tổ chức là "nhà nước đảng trị". Hoạt động của chính phủ và quốc hội không chịu sự giám sát nào cả của bất cứ ai. Sáng kiến của chính phủ, luật pháp của quốc hội không đưa ra cho công chúng thảo luận. Ngành pháp lý hoàn toàn thuộc quyền quyết định hành chính của chính phủ. Cơ cấu tổ chức của hệ thống tòa án vẫn do bộ tư pháp và các chính quyền địa phương quản lý. Sự hiện diện của viện kiểm sát hoàn toàn mang có tính chất giả tạo. Các hoạt động và quyết định của nhà nước không có tính cách công khai minh bạch trên cơ sở thông tin rõ ràng, đầy đủ và độc lập. Các cơ quan nhà nước và tổ chức đảng độc quyền thông tin, khi chia sẻ thông tin thì nhỏ giọt và một chiều. Việc công bố ngân sách quốc gia năm 1999 chỉ là một bước nhỏ trên con đường dài ngàn dặm dẫn tới nhà nước công khai minh bạch.

Quan hệ giữa dân với nhà nước hoặc chính quyền địa phương hoàn toàn một chiều theo kiểu giữa kẻ bị trị và người cai trị. Ở trung ương, hệ thống quản lý có quốc hội và chính phủ, còn ở địa phương hệ thống quản lý chia thành ba cấp gồm có tỉnh (61 đơn vị), huyện (600 đơn vị) và xã (10 330 đơn vị). Mỗi địa phương ở cả ba cấp này đều có hội đồng nhân dân là cơ quan đại diện, ủy ban nhân dân là cơ quan hành pháp, với chức năng tương đương với quốc hội và chính phủ ở cấp trung ương. Hội đồng nhân dân ở tất cả các cấp chịu sự giám sát và chỉ đạo của ủy ban thường trực quốc hội và chính phủ. Còn ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước hội đồng nhân dân cùng cấp cũng như trước cơ quan hành pháp ở cấp cao hơn. Trong hệ thống tổ chức nhà nước, với chế độ công quyền như thế chúng ta thấy quốc hội và chính phủ, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân không có trách nhiệm trả lời trước công chúng. Giữa dân với các cơ quan, cán bộ, viên chức nhà nước không có tiếp cận và quan hệ tích cực cần thiết. Sự trao đổi, tham khảo và góp ý không có thì tất nhiên yêu cầu và ý nguyện của dân không được nhà nước chú ý.

Một chế độ công quyền không có giám sát, mà công chúng không có quyền phê phán hoặc bãi nhiệm các cán bộ viên

chức thì không thể tránh khỏi những bệnh quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng. Chính giới lãnh đạo đảng và chính quyền nhà nước cũng thừa nhận nạn hối lộ, buôn lậu rất trầm trọng và cản trở sự phát triển quốc gia. Tổ chức hành chính từ trung ương tới địa phương có nhiều nét tiêu cực như : nặng nề và chông chéo, qui trình làm việc phức tạp, năng lực và chuyên môn thấp kém, không minh bạch và không có tinh thần và động cơ phục vụ. Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 8 năm 1999 đã phải kết luận về nhu cầu cấp bách "xem xét và thay đổi chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu của các cơ quan chính phủ, các ban ngành cấp tỉnh, xóa bỏ một cách hợp lý một số cấp trong chính phủ". Cho tới nay các công tác cải cách hành chính thiếu nghiêm chỉnh, không có kết quả thỏa đáng. Giới lãnh đạo đảng và nhà nước không chứng minh được sự nhất trí, quyết tâm giải quyết các vấn đề nền tảng trong công tác quản lý quốc gia và phát triển Việt Nam. Doanh nhân nước ngoài tiếp tục ví hệ thống pháp luật Việt Nam như một "bãi mìn hiểm nghèo", thị trường Việt Nam như "một vùng đất giàu tham nhũng" (6).

Khu vực tư nhân Việt Nam trong hệ thống quản lý quốc gia

Tiến trình phát triển kinh tế và phát triển quốc gia trên thế giới cho thấy không thể phát triển thành công mà không cần đến một khu vực tư nhân lành mạnh và năng động làm động lực nòng cốt tạo ra công ăn việc làm, thu nhập, tiết kiệm, đầu tư và tăng trưởng. Tuy vậy, ở Việt Nam hiện nay, trong vấn đề quản lý quốc gia, khu vực tư nhân không được nhìn nhận như một đối tác của nhà nước, một đối tác có giá trị, có khả năng tham gia ngang hàng với nhà nước trong công việc quản lý quốc gia.

Tầm quan trọng của khu vực tư nhân, Việt Nam và nước ngoài, trong nền kinh tế không nhúc nhích trong nhiều năm mặc dù có chính sách "đổi mới". Kinh tế tư nhân chiếm khoảng 50% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và tỷ lệ này không thay đổi mãi cho tới gần đây. Số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới (7) ước lượng khu vực tư nhân Việt Nam và nước ngoài bây giờ ước chừng 62%

GDP (so với 50% cách đây hai năm), 41% đầu tư, 91% lao động làm việc. Khu vực tư nhân tổng cộng có khoảng 24 000 xí nghiệp và hơn 2 triệu cơ sở kinh tế cá thể hoặc gia đình. Kinh tế tư nhân chủ yếu thuộc ngành nông nghiệp (98% của trị giá gia tăng nông nghiệp) và dịch vụ (70% của trị giá gia tăng dịch vụ) là những khu vực tạo ít trị giá gia tăng với thu nhập thấp. Riêng trong ngành công nghiệp biến chế, tuy khu vực tư nhân có triển vọng phát triển nhanh chóng nhưng bị hạn chế không tiếp cận được với các nguồn vốn cả ở trong lẫn ngoài nước. Hiện nay ngành công nghiệp biến chế của tư nhân Việt Nam có khoảng 5 600 xí nghiệp và 600 000 cơ sở tầm vóc cá thể hoặc gia đình. Các xí nghiệp và cơ sở này chiếm gần 30% sản lượng và 64% lao động của toàn khu vực biến chế. Phía khu vực biến chế của tư nhân nước ngoài chiếm 20% sản lượng và 12% lao động.

Khu vực tư nhân không có sân chơi bình đẳng với các doanh nghiệp nhà nước mặc dù có bộ luật Doanh nghiệp mới từ tháng 5 năm 1999. Khuôn khổ pháp lý và các cơ quan chính quyền tiếp tục đối xử không công bằng đối với khu vực tư nhân, cụ thể và rõ ràng nhất là trong lãnh vực cho vay tín dụng. Vài biện pháp sửa đổi lẻ tẻ chỉ chứng minh đường lối không dứt khoát, thiếu quyết tâm trong việc khuyến khích khu vực tư nhân giữ vai trò xứng đáng trong hệ thống quản lý quốc gia. Bộ luật Doanh nghiệp mới không tạo được quan hệ đối tác ngang nhau giữa nhà nước với khu vực tư nhân. Hai bên không có sự thảo luận chính sách, kế hoạch và hành động trong tinh thần đóng góp, đối thoại nhất trí và chia sẻ gánh vác trách nhiệm. Những diễn đàn (*private sector forum*) tổ chức định kỳ mỗi ba tháng để nhà nước và khu vực tư nhân Việt Nam và nước ngoài gặp gỡ hãy còn giới hạn ở mức thông tin, tìm hiểu. Phía nhà nước giải thích chủ trương và đường lối, phía tư nhân trình bày thắc mắc và yêu cầu. Những diễn đàn này, từ lúc thành lập vào tháng 2 năm 1998 tới nay, không ảnh hưởng gì nhiều làm tăng vai trò của khu vực tư nhân. Ngân hàng Thế giới và các doanh nhân nước ngoài đánh giá các diễn đàn này như một cú chỉ của chính quyền Việt Nam để bày tỏ thiện chí tạo dịp cho nhà nước và khu

vực tư nhân gặp gỡ nghe nhau nói ! Một cuộc điều tra nghiên cứu do bộ kế hoạch và đầu tư thực hiện cùng với Viện Phát triển Đức (*German Development Institute*) cho biết mặc dù bộ luật Doanh nghiệp mới đã được áp dụng từ đầu năm 2000 vẫn không có sự công bằng giữa doanh nghiệp nhà nước và khu vực tư nhân. Kết quả điều tra còn cho biết nhiều cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục áp dụng luật cũ. Trông trường hợp áp dụng luật mới, các cơ quan hành chính địa phương giải thích và thi hành luật một cách tùy tiện. Tháng 5-2000 vừa qua, chính bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá và trưởng nhóm công tác Nguyễn Đình Cung nhìn nhận rằng thiếu những thông tư và quy chế cần thiết để bảo đảm tính đúng đắn trong việc diễn luật và thi hành bộ luật doanh nghiệp mới. Ngân hàng Thế giới nhận định rằng việc thi hành luật doanh nghiệp mới gặp nhiều cản trở mặc dù có chương trình viện trợ Miyazawa của Nhật Bản trị giá 20 tỷ yen (195 triệu USD) nhằm mục đích khuyến khích và phát triển khu vực tư nhân.

Quản lý quốc gia Việt Nam thiếu bóng xã hội dân sự

Một quốc gia tiến bộ văn minh luôn luôn có một xã hội dân sự đa diện, phong phú và năng động trong hệ thống quản lý quốc gia tốt và hữu hiệu. Xã hội dân sự độc lập với nhà nước là một cái vốn quý giá có khả năng đóng góp giúp quản lý quốc gia được lành mạnh và thúc đẩy kinh tế xã hội đi lên một cách bền vững. Xã hội dân sự xuất phát từ yêu cầu và ý nguyện của dân kết hợp thành các cộng đồng tôn giáo, sắc tộc hoặc địa phương, thành các hiệp hội tổ chức theo ngành nghề, quyền lợi hoặc tín ngưỡng, thành các câu lạc bộ, các tổ chức thiện nguyện, các hợp tác xã, các nghiệp đoàn, v.v. Xã hội dân sự là một thành phần độc lập với nhà nước, bình đẳng với các thành phần khác, có khả năng nâng cao chất lượng công tác quản lý quốc gia, có vai trò áp lực lên khu vực tư nhân để bảo đảm một nền kinh tế thị trường lành mạnh.

Ở Việt Nam, ngoài các điều kiện văn hóa xã hội hoặc những yếu tố lịch sử, chế độ chính trị và môi trường pháp lý là nguyên do chủ chốt khiến xã hội dân sự vắng bóng trong hệ thống quản lý quốc

gia. Đảng Cộng sản Việt Nam độc quyền quản lý quốc gia và không những kìm kẹp khu vực tư nhân mà còn ngăn chặn sự xuất hiện một xã hội dân sự độc lập có năng lực đóng góp vào sự nghiệp phát triển con người và phát triển bền vững. Xã hội dân sự không được coi và đối đãi như một đối tác cần thiết và quan trọng, một thành phần toàn vẹn trong hệ thống quản lý quốc gia và tiến trình phát triển kinh tế xã hội. Chế độ chính trị và sinh hoạt quốc gia không tạo điều kiện để người dân có tiếng nói ở các cấp trong xã hội và nhất là không chấp nhận quyền phê phán, kiểm tra của người dân. Thực tế chúng ta thấy người dân không có ảnh hưởng và quyền hạn trong việc xây dựng dân chủ, tự do và công bằng xã hội, tạo lập một nền kinh tế phồn vinh, một xã hội sinh động, văn minh và tiến bộ. Giới lãnh đạo Việt Nam cũng phải thừa nhận, gián tiếp hay trực tiếp, rằng : *"Đảng Cộng sản đã lãnh đạo nền văn hóa và xã hội Việt Nam trong nhiều thập kỷ. Đảng thực hiện quyền lãnh đạo bằng cách giới thiệu các đảng viên vào những vị trí chủ chốt trong Chính phủ, bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội ở tất cả các cấp. Các tổ chức mang tính quần chúng như Hội Nông dân Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên, v.v. không hẳn là các tổ chức của xã hội dân sự mà vẫn còn mang nhiều đặc điểm của các tổ chức nhà nước"* (8). Như vậy, chẳng qua các "tổ chức mang tính quần chúng" chỉ là những bộ phận của đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam !

Một xã hội dân sự với những tổ chức cộng đồng và hiệp hội công dân chủ động tham gia quản lý quốc gia thực sự vẫn chưa chớm nở ở Việt Nam. Ý thức và tinh thần xã hội dân sự không phát triển đúng mức. Chúng ta nhận thấy vắng bóng sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân trong tinh thần cởi mở, đối thoại và bình đẳng. Người dân chỉ tiếp cận với các cơ quan nhà nước khi có yêu cầu hoặc vì bắt buộc. Giữa người dân với chính quyền không có quan hệ trao đổi hỗ tương mang tính tích cực và xây dựng. Trái lại, thay vào đó là những quan hệ gò bó có tính cách một chiều. Ở trên là nhà nước dùng uy quyền để kiểm soát, chỉ thị và ép buộc. Ở dưới, người

dân chỉ biết chọn thái độ thụ động, tránh né nhà nước, và ngại ngần giao dịch với chính quyền. Mặc dù năm 1998 đã có nghị định 29/CP về quy chế dân chủ ở cơ sở với mục đích *"nâng cao chất lượng quản lý quốc gia ... tăng cường sự tham gia của dân ở tất cả các cấp [...]* giao cho chính quyền cấp xã nhiệm vụ *đảm bảo việc thực hiện các quyền công dân"*, ý thức và tinh thần xã hội dân sự hầy còn rất thấp.

Những nét đặc thù của một hệ thống quản lý quốc gia mới cho Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng như để giải đáp yêu cầu thoát khỏi lạc hậu chậm tiến, phát triển con người và phát triển bền vững, một hệ thống quản lý quốc gia tốt và hữu hiệu cho Việt Nam phải là một hệ thống trong đó :

- Người dân có điều kiện để phát huy óc sáng tạo, tăng cường trí tuệ và tài năng, tự chọn những dự án và tự định đoạt tương lai.

- Xã hội không ngừng tiến hóa, hoạt động và tổ chức một cách linh hoạt, phát triển trên căn bản đối thoại và đồng thuận qua những giá trị và dự án chung. Mọi người có cơ hội trực tiếp thử nghiệm những giá trị không thể thiếu là dân chủ đa nguyên, ý thức quốc gia, ý thức cộng đồng, tinh thần hợp tác và đối thoại, tính cởi mở và chủ động.

- Giá trị dân chủ và tự do, tinh thần phục vụ, ý thức trách nhiệm, tính công khai và minh bạch đi sâu vào nếp sống chính trị, kinh tế, xã hội và hơn thế nữa, thấm đậm vào văn hóa tập quán Việt Nam.

Đó là một công tác lâu dài đòi hỏi một số điều kiện mà trong đó phải kể trước hết một cơ chế nhà nước pháp trị với những quyền dân sự bảo đảm được bảo vệ và tôn trọng, một tinh thần và ý thức chia sẻ trách nhiệm quản lý quốc gia, một ý chí đóng góp tích cực cho mục tiêu phát triển con người và phát triển bền vững. Thực chất của công tác là phát huy khả năng quản lý quốc gia bằng nhiều cách mà chủ yếu là :

a. Phát triển xã hội dân sự tức là khuyến khích các hội đoàn, các tập hợp, các tổ chức cộng đồng, các cơ quan phi chính phủ, v.v. được thành lập và hoạt động độc lập ;

b. Cải tạo chế độ nhà nước độc tài

đảng trị hiện hữu ;

c. Mở rộng khuôn khổ hoạt động của khu vực tư nhân để khu vực này đóng góp toàn lực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội.

Những khó khăn trong xây dựng hệ thống quản lý quốc gia mới

Trong hoàn cảnh Việt Nam, xây dựng một hệ thống quản lý quốc gia trên căn bản như vừa trình bày có tính cách phức tạp và khó khăn đặc biệt.

Khó khăn thứ nhất là Việt Nam chưa bao giờ trải qua một thời kỳ xây dựng quốc gia thực sự. Dân tộc Việt Nam "gắn bó với quê cha đất tổ", "quyến luyến quê hương đất nước" nhưng biết đến ý niệm nhà nước - quốc gia muộn màng. Ý thức nhà nước - quốc gia chưa rõ rệt thì ý niệm này đã bị công phá từ mọi phía, bị xét lại và phải thay đổi. Bởi vậy, yêu cầu quản lý quốc gia của dân tộc Việt Nam không có sức mạnh ngang với những dân tộc có một quá khứ lâu dài xây dựng quốc gia như các nước Tây phương chẳng hạn. Tại đây, trong tiến trình xây dựng quốc gia, những khuyết điểm và thiếu sót trong tổ chức nhà nước và cơ chế thị trường đã tạo ra yêu cầu quản lý quốc gia tốt và hữu hiệu, và chính tình trạng này đã dẫn tới sự xuất hiện và bành trướng rất mạnh của xã hội dân sự tại các nước ấy. Với thời gian, xã hội dân sự đã giành được một vai trò quan trọng không kém nhà nước hoặc khu vực tư nhân và đã góp phần đáng kể đưa xã hội tây phương tới trình độ văn minh tiến bộ như ngày nay.

Khó khăn thứ hai là đất nước Việt Nam hết bị thống trị bởi ngoại bang thì đã phải chịu những tập đoàn cầm quyền dùng nhà nước làm của riêng hoặc công cụ phục vụ quyền lợi chính trị đảng phái. Các giới cầm quyền đứng trên quốc gia thay vì phục vụ quốc gia, kìm kẹp dân tộc thay vì tạo điều kiện thuận lợi cho người dân phát huy tài năng, thực hiện phúc lợi. Dân tộc không có tiếng nói trong việc định đoạt công việc quốc gia. Thái độ e sợ nhà nước, tránh né chính quyền trở thành thói quen tự nhiên. Người dân chọn liên hệ huyết thống, sự tiện nghi trong giao tế quen thuộc. Mặc dù dân tộc Việt Nam có một lịch sử sống chung lâu dài, nhưng vì sự thiếu hụt tư tưởng chính trị và ý thức quốc gia, cho

nên người dân không vượt được lên trên những ý nghĩ hạn hẹp, tính lo sợ cái mới lạ để cấu tạo những dự án ràng buộc nhau, những quan hệ liên đới mới, những kế hoạch xây dựng tương lai chung.

Khó khăn thứ ba là Việt Nam không phải chỉ có vấn đề lạc hậu chậm tiến mà còn mắc vướng những dấu vết xấu và bất lợi do chế độ độc tài đảng trị tạo ra. Hiện nay Việt Nam còn có một nhà nước cai trị chứ không phục vụ, giữ vai trò cảnh sát chứ không khuyến khích, lại thiếu năng lực và có hiệu suất thấp kém. Dù có chính sách "đổi mới" tình trạng chung vẫn là Đảng định đoạt, Nhà nước kiểm soát, nhân dân thi hành. Dân tộc Việt Nam vẫn chưa gạt bỏ được tính an phận để chọn thái độ chấp nhận rủi ro, bày tỏ ý chí chủ động. Nền nếp kế hoạch tập trung đã làm tê liệt óc sáng tạo của người dân. Nguyên tắc trao đổi và đối thoại để đi đến đồng thuận, cũng như tinh thần hợp tác bình đẳng, không được đề cao và thử nghiệm rộng rãi. Tính cởi mở và đa nguyên thiếu vắng trầm trọng. Ý thức thông tin công khai và minh bạch không có. Gạt bỏ tinh thần xấu, gây ý thức tốt chắc chắn đặt ra nhiều vấn đề phức tạp và khó khăn.

Một định hướng cho hệ thống quản lý quốc gia Việt Nam

Kinh nghiệm cải thiện hệ thống quản lý quốc gia tại các nước chậm tiến trên thế giới, và đặc biệt những trường hợp xây dựng hệ thống quản lý quốc gia mới tại các nước Đông Âu sau sự sụp đổ của các chế độ cộng sản (9) cho thấy những lãnh vực mấu chốt cần được chú ý đặc biệt là khuôn khổ luật pháp, năng lực hành chính nhà nước, điều kiện hoạt động của khu vực tư nhân và nhất là phát huy quyền lực cùng sự tham gia của người dân vào quản lý quốc gia mà biểu hiện là xã hội dân sự. Những lãnh vực này có liên hệ ràng buộc và ảnh hưởng lẫn nhau. Vấn đề xây dựng hệ thống quản lý quốc gia mới cho Việt Nam cần phải giải quyết một cách đồng bộ.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngày nay mỗi hệ thống quản lý quốc gia cần phải cởi mở để tiếp cận và chuyển đổi theo tiến bộ và văn minh loài người. Quản lý quốc gia bắt buộc phải bao gồm các lãnh vực chính trị, kinh tế và hành chính, phải gắn liền với phát triển con

người và phát triển bền vững, phải chú trọng tới sự phân cấp trách nhiệm và quy định chức năng quản lý, phải bảo vệ quyền tham gia quản lý của người dân, phải phát huy tinh thần phục vụ, đối thoại và hợp tác.

Các thành phần quản lý quốc gia gồm có nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội dân sự. Chủ yếu nhà nước tạo khuôn khổ và điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, khu vực tư nhân có vai trò tạo việc làm và sản xuất của cải vật chất, xã hội dân sự có khả năng thực hiện kết hợp chính trị, kinh tế và xã hội thuận lợi cho quản lý quốc gia. Ngoài ra, quản lý quốc gia cần phải có tính công khai, công bằng và dựa trên nhà nước pháp trị.

Xã hội dân sự là khâu yếu nhất trong hệ thống quản lý quốc gia Việt Nam. Khuyến khích, nâng đỡ, tạo điều kiện để dài cho sự thành lập, phát triển, tăng cường năng lực các hội đoàn, các tập hợp, các tổ chức cộng đồng, các cơ quan phi chính phủ, v.v. là một bắt buộc. Những hội đoàn, tổ chức này hoạt động độc lập là những động lực xã hội (10) quan trọng không kém nhà nước và khu vực tư nhân trong hệ thống quản lý quốc gia. Chúng biểu hiện vốn xã hội của dân tộc. Vốn này phong phú hay nghèo nàn chủ yếu tùy thuộc vào khối tri thức của dân tộc, trình độ giáo dục của người dân, năng lực hoạt động, tinh thần hợp tác, ý muốn đối thoại và đi tìm đồng thuận. Xã hội dân sự đa diện và năng động thì dân tộc Việt Nam có thêm nhiều khả năng quản lý quốc gia, có điều kiện thuận lợi để quản lý quốc gia được tốt và hữu hiệu.

Chính quyền nhà nước và tổ chức hành chính trung ương và địa phương là những công cụ quản lý quốc gia chịu sự giám sát của dân. Nó hữu ích và hữu hiệu nếu có tính chất đại diện, tản quyền, có cán bộ ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ. Chính quyền và các cơ quan hành chính bắt buộc phải trả lời trước công chúng, công chúng có quyền biết lý do của những quyết định và đánh giá các kết quả.

Sau hết, xây dựng một hệ thống quản lý quốc gia mới cho Việt Nam đòi hỏi một cơ chế dứt khoát dựa trên quyền sở hữu, tự do kinh tế và kinh tế thị trường.

Nguyễn Ngọc Hiệp

Ghi chú

(1) Bài phát biểu của phó thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm tại buổi khai mạc hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ, Hà Nội, ngày 14-12-1999.

(2) UNDP, "Reconceptualising Governance", January 1997.

(3) UNDP, "Governance for Sustainable Human Development", January 1997.

(4) UNDP, "UNDP and Governance: Experiences and Lessons Learned", July 1998.

(5) Landell-Mills et Serageldin, "Gouvernance et externalités", Actes de la conférence annuelle de la Banque mondiale sur le développement économique, Washington, 1991.

(6) Hartmut Schneider, "Gouvernance participative: le chaînon manquant de la lutte contre la pauvreté", Cahiers de politique économique No 17, Centre de développement de l'OCDE, Paris, 1999.

(7) United Nations, "The Millennium Year and the Reform Process: a Contribution from the Commission on Global Governance", November 1999.

(8) Catherine McKinley, "Viet Nam 2000: Legal, Administrative Changes a Must for Economic Reforms", Dow Jones News, 24-4-2000.

(9) The World Bank, "Vietnam: Macroeconomic Update", March 20, 2000, Washington.

(10) "Hướng về tương lai: báo cáo đánh giá chung về tình hình Việt Nam của Liên hợp Quốc", Hà Nội, tháng 12, 1999. Báo cáo này do bộ trưởng bộ kế hoạch và đầu tư Trần Xuân Giá và điều phối viên thường trú Liên hiệp Quốc Edouard A. Watez đồng ký tên và giới thiệu.

(11) Anna Vari, "Civil Society and Public Participation: Recent trends in Central and Eastern Europe", Community Economic Development Centre at Simon Fraser, B.C., Canada, 1998.

(12) Francis Fukuyama, "Social Capital and Civil Society", Working Paper, 4-2000, International Monetary Fund. □

Quy trình đào tạo hai giai đoạn và sự thành lập các đại học đại cương

(Viết phỏng theo tài liệu của Hội Khuyến Học Việt Nam)

Tôn Thất Long

1. Quy trình đào tạo và đại học đại cương.
2. Các dự luận chống đối.
3. Các giải thích chính thức.
4. Vài nhận xét chung.

Quy trình đào tạo và đại học đại cương

Về nội dung đào tạo, cải tổ chính trong các viện đại học quốc gia và đại học khu vực là quy định thời gian đào tạo bình thường ở bậc đại học. Các đào tạo trình độ cao học không còn nằm trong quy trình đào tạo bình thường mà nằm trong giai đoạn đào tạo bậc hậu đại học. Các phân tách về giai đoạn này sẽ được trình bày trong một bài viết khác.

Thời gian ở bậc đại học được quy định là bốn năm và được thực hiện trong hai giai đoạn tách rời nhau. Giai đoạn đầu gọi là giai đoạn đào tạo đại cương, giai đoạn hai là giai đoạn đào tạo chuyên ngành. Sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, sinh viên phải qua một kỳ thi tuyển để vào giai đoạn đại cương. Sau giai đoạn đại cương, được cấp chứng chỉ đại học đại cương, lại phải qua một kỳ thi chuyển giai đoạn để qua giai đoạn đào tạo chuyên ngành, được thực hiện như trước đây ở các trường cũ để được cấp phát học vị cử nhân. Khi đem ra thực hiện thì giai đoạn đầu kéo dài một năm rưỡi (ba học kỳ) và hai năm rưỡi (năm học kỳ) cho giai đoạn hai (Trong một vài trường hợp, như ở trường y, giai đoạn hai có thể kéo dài trên năm học kỳ. Một tài liệu khác do bộ giáo dục và đào tạo (BDGĐT) xuất bản năm 1995 còn nhấn mạnh: "các trường đại học trong toàn ngành thực hiện triệt để quy trình đào tạo hai giai đoạn và học chế học phần".

Để thực hiện việc đào tạo, một đơn vị đại học mới, độc lập với các trường thành viên cũ, được thành lập trong các viện đại học, gọi là trường đại học đại cương (ĐHDC), phụ trách việc đào tạo cho tất cả khối lượng sinh viên của toàn viện trong giai đoạn đầu và trở thành đơn vị quan trọng nhất trong viện đại học. Theo nhiều phát biểu trong tài liệu của Hội Khuyến Học, sự thành lập các ĐHC đã được phỏng theo mô hình của

các đại học Nhật Bản sau thế chiến thứ hai và cho rằng điều này đã đưa Nhật Bản tới một mức phát triển mau chóng nhưng quên rằng Nhật Bản đã bỏ các đại học đại cương từ lâu. Trên thực tế, sự kiện này đặt ra nhiều vấn đề mới làm tăng các tranh chấp nội bộ trong các viện đại học.

Trước tiên là vấn đề quản lý và nhân sự trong ĐHC. Kể từ khi đưa ra thực hiện cho đến nay, các trường ĐHC chỉ có một ban giám hiệu và hình thức của một số tổ chuyên môn nhưng không có cán bộ cơ hữu về chuyên môn. Trong khi đó, ĐHC phải đảm nhận gần 40% tổng số khối lượng thời gian đào tạo của mỗi học trình trong các viện đại học, trở thành đơn vị quan trọng nhất trong viện mà không đem lại cho sinh viên một khối lượng kiến thức chuyên ngành nào có thể dùng để đi vào đời sống lao động cụ thể. Ngoài ra, cán bộ giảng dạy trong các ĐHC phải mượn từ các khoa trong các trường thành viên để phụ trách các chuyên đề cơ sở mà nội dung chưa được hoàn toàn xác định. Mọi sinh viên đều phải qua ĐHC trong giai đoạn đầu nên số lượng sinh viên ở đây rất cao làm cho việc đào tạo thêm khó khăn. Trường này cũng thường không có khả năng quản lý sinh viên, không có đủ điều kiện vật chất, hội trường, ký túc xá,... nên các sinh hoạt Đảng, Đoàn trong giai đoạn đầu trở nên lỏng lẻo.

Về nội dung đào tạo, ĐHC chỉ nhằm bổ túc những kiến thức văn hóa tổng quát, nhất là khi ở bậc trung học phổ thông đang thực hiện các chương trình phân ban, làm cho trình độ của các học sinh khi bước vào đại học bị chênh lệch và không còn được đồng nhất. Vì vậy, một phần chương trình giảng dạy ở trung học phân ban lại phải lập lại ở giai đoạn đại học đại cương, trong khi sự phân ban ở trung học phổ thông có mục tiêu đưa một phần chương trình các

trường đại học cũ xuống một số ban ở bậc trung học. Đó là sự đại học hóa Trung học và sự trung học hóa đại học, hai hiện tượng tương phản lẫn nhau. Trên lý thuyết, mục tiêu chính yếu về các ĐHC là đào tạo diện rộng, sắp xếp khoảng 140 ngành nghề đào tạo khác nhau thành bảy nhóm ngành, với chương trình đào tạo bảy nhóm ngành, theo hệ thống tín chỉ như ở Hoa Kỳ, trong mục đích làm cho việc đào tạo đỡ tốn kém và liên thông được với nhau ngay từ đầu. Nhưng trên thực tế thì nội dung chương trình giảng dạy lại rất thấp, không nhắm vào việc hướng dẫn sinh viên lựa chọn chuyên ngành, nên ít có ảnh hưởng gì với các đào tạo chuyên ngành ở giai đoạn hai hay góp phần vào mục tiêu đào tạo liên ngành.

Các dự luận chống đối

Ngoài các vấn đề trên, các chỉ trích về sự thành lập các ĐHC còn có hai đề tài chính. Trước tiên, giai đoạn đào tạo ở ĐHC không có mục tiêu hướng nghiệp rõ rệt, không đào tạo được một lớp nhân sự nào có những khả năng kỹ thuật nhất định để phục vụ ở một khâu nhất định nào đó trong các xí nghiệp, chứng chỉ ĐHC sau giai đoạn này không có cơ sở để hành nghề. Hệ thống hiện tại không dự trù một chuyển hướng nào cho những thành phần hồng kỳ thi chuyển tiếp ở giữa hai giai đoạn, chẳng hạn đào tạo thành các cán sự trung cấp có thể dùng trong các xí nghiệp. Sau đó lại phải thi chuyển giai đoạn, nếu không qua được giai đoạn này thì sinh viên sẽ bị loại khỏi con đường đào tạo. Nói một cách khác, sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, học sinh phải trải qua hai kỳ thi tuyển bắt buộc, khó khăn, liên tiếp trong vòng hai năm mới biết được đào tạo ở bậc đại học hay không.

Khi lên giai đoạn hai thì sinh viên được chuyển về các trường chuyên ngành

như trước, ý đồ liên thông chuyển trường cho các sinh viên không thực hiện được. Thời gian đào tạo cho giai đoạn hai là hai năm rưỡi thì quá ít, so với chương trình đào tạo trước đây ở các trường chuyên ngành, làm cho trình độ của các sinh viên sút giảm khi được tốt nghiệp, đảo lộn cả hệ thống đào tạo đã có. Đó cũng là lý do chính yếu để các trường đại học sư phạm đang dùng để đòi tách khỏi các viện đại học mới và thành lập một hệ thống đào tạo riêng. Giai đoạn đào tạo ở ĐHDC là không thích hợp với việc đào tạo các giáo viên, mất một năm rưỡi mà không liên hệ gì với việc đào tạo giáo viên, qua giai đoạn hai phải bổ túc thêm một số môn đã học ở giai đoạn đầu, thời gian còn lại thì quá ngắn để đào tạo giáo viên có chất lượng cao, vừa về khoa học cơ bản vừa về khoa học giáo dục.

* Vài trích dẫn về các ĐHDC và quy trình đào tạo hai giai đoạn.

Các trích dẫn sau đây nói rõ hơn nữa các thực trạng về các ĐHDC trong các viện đại học mới.

"Trước hết nói về chất lượng đại học đại cương. Chương trình học ba học kỳ đại cương phải học 55 môn + ngoại ngữ + giáo dục thể chất + giáo dục quốc phòng. Riêng các ngành xã hội, nhân văn sinh viên phải học 40 môn (chưa kể ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng) được chia thành nhiều môn bắt buộc và tự chọn. Một chương trình đào tạo đại cương khá phong phú nhưng chưa phải là chuẩn bị kiến thức cho chuyên ngành và kiến thức của một trường đa ngành. Môn học nhiều, thầy giáo không cơ hữu. Nội dung các môn học chồng lấn, trùng lặp nhau... Chương trình giáo dục đại cương là chương trình phổ thông trung học lớp 13,5. Trường ĐHDC là trường không quân.. Ai vào ra giảng dạy cũng được. Có những người làm công tác quản lý các cơ quan, chưa dạy đại học bao giờ cũng thao thao, kể chuyện thực tế ở lớp học, chẳng có mấy giá trị khoa học. Những thầy giáo chuyên môn, chuyên ngành của bộ môn thì dạy một ít giờ để làm phép, làm quảng cáo, còn thì đi dạy trường dân lập lương cao hơn, giao lại cho các đệ tử chịu trách nhiệm. Có môn chương trình 15 buổi, chỉ lên lớp 5 buổi còn lại thì sinh viên tự liệu mà cao chạy xa bay ở các kỳ thi... Theo thống kê của một số nhà giáo...

chương trình, kiến thức đại cương có môn kém hơn phổ thông trung học, nhất là trung học chuyên ban, có những khái niệm cơ bản cần yếu nhưng lại chỉ cười ngửa xem hoa, kiến thức thừa khoảng 25%, lặp 35%, 15% vô ích... Phổ thông thì phân ban, ĐHDC mang tính phổ cập dân trí, đại học chuyên ngành thì gói gọn chỉ năm học kỳ. Với thời lượng như thế không thể nào cung cấp kiến thức chuyên ngành".

"Thực tế tại Việt Nam trong những năm qua, kiến thức chúng ta dạy ở ĐHDC rất thấp, có phần hơn trường phổ thông cấp ba trước kia một ít, song lại kém trung học chuyên ban ngày nay?. Học xong ĐHDC sinh viên cũng vẫn chưa có ý niệm về nghề nghiệp! Trượt kỳ thi này sinh viên không biết đi về đâu? trở về quê hay thành bụi đời? Điều này làm cho cả xã hội hoang mang! Ví dụ, năm nay tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, hơn 54% sinh viên có được chứng chỉ đại cương, còn lại gần 3000 sinh viên không vào được giai đoạn hai (theo báo Tuổi Trẻ Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 12-12-1998). Riêng một trường thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội đã có 1200 sinh viên không được vào vòng hai! Vậy cả trong toàn quốc số này là bao nhiêu? Liệu có đến con số vạn? Đặc biệt nghiêm trọng, trong số đó đại bộ phận là con em nông dân, họ đi đâu? về đâu?".

"Sai lầm lớn nhất là sự thành lập các đại học quốc gia bằng cách tập hợp các trường đại học trước đây lại thành một thứ Liên hiệp các trường đại học [...] Cũng bằng cách như vậy chúng ta cũng định lập nên các trường đại học cộng đồng đa lĩnh vực ở các địa phương. Song song với việc lập các đại học quốc gia (ĐHQG) theo kiểu đó là sự triển khai vội vã, thiếu luận chứng, thiếu thực nghiệm sự đào tạo theo hai giai đoạn và theo bảy chương trình được áp đặt một cách vô đoán và chủ quan".

"Hai lần thi tuyển quốc gia quả là một điều quá nặng nề đối với sinh viên. Hơn nữa, nếu sau giai đoạn đại cương, người sinh viên không được vào giai đoạn hai, với tám chứng chỉ học đại cương, họ sẽ dùng vào việc gì trong cuộc đời dù đã mất đi một năm rưỡi đến hai năm? Chưa kể đến tiền đầu tư của nhà nước và gia đình họ. Đây là một sự lãng

phí, cả về tuổi trẻ, về kinh tế [...] Trong giai đoạn một của các trường y, cái cần học lại không được học, lại phải học những cái không thật cần. Trong đào tạo y khoa, các môn học phải tuân tự. Như học xong giải phẫu mới có thể học đến sinh lý, tiếp đến sinh lý bệnh, dược lý [...] Nếu bắt đầu các môn cơ sở của y trong giai đoạn hai, người sinh viên sẽ phải học một số lượng kiến thức phạm sự phạm để hoàn thành cho được chương trình".

"Sự thận trọng trong giáo dục phải được thể hiện ở công tác chuyên gia. Cho đến nay ở nước ta, hội đồng quốc gia giáo dục đã có quyết định thành lập. Hội đồng quốc gia giáo dục theo hiến nghị của tôi không phải bao gồm chỉ những nhà quản lý, mà phải bao gồm các nhà giáo, khoa học, được đào tạo một cách bài bản, am hiểu xu thế phát triển giáo dục trong và ngoài nước, có tầm nhìn chiến lược, trí tuệ đủ trình độ phân tích tổng hợp, cung cấp thông tin, phản biện và đưa ra những phương án khoa học, khả thi trong điều kiện nước ta cho các cấp thẩm quyền xem xét và quyết định [...] Một chủ trương lớn như lập các viện đại học, chia giai đoạn đào tạo, mở bậc đại cương mà cơ quan có thẩm quyền cao nhất là quốc hội vẫn chưa bàn bạc mà đã vội triển khai đại trà chưa từng trải qua thí điểm nào để rút kinh nghiệm".

"Trước đây sinh viên vào đại học chỉ phải thi tuyển một lần, sau đó hai lần (lần giữa thời gian học đại học gọi là thi chuyển giai đoạn hoặc là thi vượt rào). Con em lao động trượt thi vượt rào nhiều quá, học xong một năm rưỡi đại học đại cương chưa có nghề gì, về quê vẫn chỉ biết có cày ruộng, nhân dân phản đối ghê quá. Thế là có lệnh nâng chuyển thẳng lên thật cao, chỉ cần có điểm trung bình là 6/20 cũng được tuyển thẳng vào giai đoạn hai, nhưng thế vẫn còn nhiều sinh viên trượt thi vượt rào phải về quê. Nhân dân lại tiếp tục phản đối. Nay nhà nước tuyên bố bỏ thi vượt rào, và cùng với nó là bỏ hai giai đoạn, bỏ đại học đại cương. Đây mới là tuyên bố, chưa thấy thực hiện. Sinh viên nháo nhác hỏi [...] Chưa ai trả lời được, vì còn chờ thủ tướng ra quyết định".

Các giải thích chính thức về quy trình đào tạo hai giai đoạn

Như đã được trình bày trong các phần trên đây, mặc dầu hầu như ai cũng nhận thức tính cách cần thiết của các cải tổ ở các đại học nhưng sự thực hiện các cải tổ này đang gặp phải sự chống đối gay gắt của dư luận chung, về cả hình thức thành lập các viện đại học cũng như về quy trình đào tạo hai giai đoạn. Trong số 12 bài tham luận liên quan tới đề tài này chỉ có một bài duy nhất tìm cách giải thích và trả lời một phần nào các chỉ trích trên đây. Để phản ảnh trung thực vấn đề, trong phần này, chúng tôi sẽ trích dẫn vài nét chính yếu của tài liệu này (gồm 10 trang) để ta có thể hiểu rõ hơn thực tế về quá trình thực hiện các cải tổ hiện nay.

Tác giả của tài liệu tự giới thiệu như là "một chuyên viên, đã về hưu ở bộ giáo dục và đào tạo từ năm 1996, đã tham gia xây dựng những đề án của ngành, có tính hệ thống, có tính chiến lược một cách liên tục từ năm 1970 tại bộ đại học và trung học chuyên nghiệp". Về nguồn gốc các cải tổ hiện nay, tác giả cho biết :

"Vấn đề hai giai đoạn được bắt đầu nghiên cứu từ thập kỷ 70, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của bộ, trước khi thống nhất đất nước, rồi được tiếp tục nghiên cứu trong việc triển khai nghị quyết 14 của bộ chính trị khoá IV về cải cách giáo dục (ký tháng 1-79) ở một số đề án về đại học. Đặc biệt vấn đề hai giai đoạn đã được viết trong dự thảo chiến lược phát triển giáo dục đầu tiên của ngành, năm 1986 (do BDGDT, bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, tổng cục dạy nghề và Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em cùng xây dựng, thứ trưởng đại học và trung học chuyên nghiệp [...] được giao nhiệm vụ là người phối hợp, Viện Nghiên cứu Đại học và Trung học Chuyên nghiệp được giao là cơ quan thường trực). Dự thảo này là một bộ phận của chiến lược phát triển khoa học kỹ thuật của chính phủ. Tài liệu này đã được sử dụng trình đại hội VI, 12/1986.

Triển khai đường lối đổi mới trong lĩnh vực đại học, vấn đề đào tạo hai giai đoạn được đưa vào phạm trù đổi mới quá trình đại học, phạm trù đổi mới cơ cấu hệ thống giáo dục và đào tạo, được thí điểm từ 1987 cho đến 1993 tại hơn 30 trường đại học và được thể chế hóa tại nghị định 90/CP của chính phủ (ký ngày 24-11-1993) theo những quan điểm tiếp tục đổi

mới giáo dục và đào tạo của nghị quyết 4, khóa VII, ký ngày 14/1/1993 và được tiếp tục cho đến ngày nay. Hội nghị hiệu trưởng đại học hàng năm đều thảo luận, đánh giá, đều có những báo cáo của các trường đại học, đều có những điều chỉnh cho sát tình hình".

Ở đây tác giả muốn nhấn mạnh một quá trình chuẩn bị lâu dài, đúc kết tài liệu, thử nghiệm trên các thí điểm và đang được tiến hành khả quan. Chỉ có vấn đề là dư luận chưa được cung cấp đầy đủ tài liệu nên hiện nay chưa phản ảnh thuận lợi cho công cuộc cải cách :

"Những người tham gia nghiên cứu ở cấp bộ hay ở cấp trường đã cố gắng thu thập tài liệu, tìm hiểu vấn đề liên tục nhiều năm cũng cần được mời tham gia đánh giá, dù là đang làm việc hay đã nghỉ hưu [...] dù là ở cơ quan bộ, ở viện nghiên cứu hoặc ở các trường đại học khác nhau. Hiện nay [...] còn chưa thực sự huy động được các vị này, chưa tổ chức nghiên cứu nhiều tài liệu đã tích lũy. Qua 15 tháng sau khi có nghị quyết 2, khóa VIII, sự triển khai thực hiện vấn đề của nghị quyết là khá chậm và nay đang có tính khẩn trương, dồn dập để kết luận, nói chung là thiếu một kế hoạch và một phương pháp hợp lý..."

Thiếu cung cấp cho những người tham gia đánh giá đủ thông tin tức là thiếu một mặt bằng chung về thông tin cơ bản, thí dụ thể hiện vào dự thảo báo cáo của bộ riêng về chuyên đề này đã được thảo luận, lấy ý kiến theo cách làm việc thông thường [...] Giả hôm nay có được bản này thì việc thảo luận được thuận lợi hơn nhiều [...] Cũng vì thiếu thông tin, lại thêm thiếu bàn bạc, trao đổi tư duy, nên dễ mắc phải tình hình nhận định một sự kiện, một hiện tượng nguyên là riêng lẻ suy ra thành phổ biến, nguyên là tạm thời thành lâu dài, nguyên còn đang tiến hành có bước trước bước sau thành một sản phẩm kết thúc. Sự chưa hiểu nhau làm rối thêm vấn đề".

Các giải thích này chứng tỏ rằng, đầu đã được chuẩn bị nhưng các cải tổ đã được quyết định từ các cấp quản lý ở chính quyền trung ương mà không tham khảo ý kiến rộng rãi hay công khai để tìm kiếm đồng thuận với dư luận khi đi vào hành động. Các cơ sở của đảng ở các địa phương không có quyền quyết định.

Các tầng lớp làm công tác chuyên môn ở các cơ sở đại học chỉ được thông tin khi các dự án cải tổ được đưa vào thời kỳ thực hiện. Đề cập đến cách tổ chức và nội dung của quy trình đào tạo hai giai đoạn, tác giả cho rằng vấn đề đào tạo theo giai đoạn vẫn còn đang là vấn đề thời sự ở các nước trên thế giới và đang được tìm hiểu, nghiên cứu,... vận dụng vào thực tiễn đang đổi mới ở Việt Nam, phù hợp với những định hướng xây dựng đại học trong thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa nêu ra trong nghị quyết 2 ! Rút kinh nghiệm này ở Pháp và Nga (ở Pháp có ba cấp ở giáo dục phổ thông và ba giai đoạn (cycles) ở đại học. Các giai đoạn trong đại học Pháp là giai đoạn định hướng (hai năm), giai đoạn chuyên môn hóa (hai năm) và giai đoạn chuyên sâu (với một bằng tiến sĩ duy nhất). Đại học Nga cũng vừa mới được cải tổ thành ba giai đoạn trong đó giai đoạn đại cương kéo dài hai năm, giai đoạn hai (hai năm) là giai đoạn chuyên môn hóa), tác giả cho biết :

"Ý tưởng hai giai đoạn, sau 10 năm thử nghiệm và nay đang chuẩn bị đi vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, có thể đúc kết như sau : chuyển một trật đào tạo vốn theo quy luật sư phạm là đào tạo khối kiến thức cơ bản trước, rồi đào tạo khối kiến thức chuyên môn sau, thành giai đoạn có tổ chức, cấp chứng chỉ đại học đại cương. Một sự xác nhận chính thức như vậy chính là tạo điều kiện cho người không hội đủ sức học và sức tiến có thể chia thành hai bước để hoàn thành cấp học. Một sự xác nhận như vậy chính là một cách giữ vững chất lượng đào tạo cơ bản [...] Giai đoạn đại học đại cương về cơ bản là trang bị kiến thức cơ bản và kiến thức văn hóa chung, tạo tiền đề để học chuyên môn tốt và tạo một vốn liếng cần thiết để có năng lực thích ứng cao với sự thay đổi nhanh chóng và năng lực cơ động để học thêm chuyên môn mới sau này nếu cần ; trang bị kỹ năng học tập, tự học, tự nghiên cứu độc lập, liên tục suốt đời ; trang bị một cơ sở chung về văn hóa, chính trị, xã hội cần thiết cho mọi người có học vấn đại học ; tạo điều kiện để người học quyết định chọn ngành thích hợp ở giai đoạn hai, chẵn chắn hơn và có cơ sở hơn nhiều [...] thay vì những ngành hẹp đào tạo ngay từ những năm thứ nhất (như mô

hình trước thời kỳ đổi mới) nay đào tạo cơ bản chung trước khi vào học ngành riêng".

Trong các dự định khác liên quan tới giai đoạn đại học đại cương, tác giả cho biết trong tương lai có thể tổ chức cho một bộ phận học giai đoạn cơ bản ở một địa phương có thể tiếp tục giai đoạn hai ở một địa phương khác hay bổ sung các đại học đại cương với một số nội dung nghề nghiệp cho bộ phận ra đời (không được tiếp tục vào giai đoạn hai). Đề cập đến các khía cạnh tổ chức đào tạo khác, tác giả cho biết đang nghiên cứu và làm thí điểm các phương pháp khác nhau trên thế giới như cách chia chương trình đào tạo thành các tín chỉ, các đơn vị giá trị, ... hay tổ chức các loại trường đào tạo ngắn hạn (hai năm) để đào tạo nhân lực có trình độ cao đẳng, kỹ thuật viên cao cấp, ... có liên kết, liên thông với các đại học dài hạn như đang được phát triển ở Mỹ, Pháp, ... và, nếu được thực hiện ở Việt Nam, sẽ tạo "một sức mạnh tổng hợp để đào tạo nhân lực ở trình độ khác nhau".

Vài nhận xét chung

Nếu mức độ thực hiện các cải tổ ở bậc đại học từ sau thời đổi mới có thể xem như là toàn diện và liên quan tới mọi tầng lớp trong hệ thống đào tạo hiện tại thì mức độ các thất bại cũng như sự chống đối các cải tổ này cũng có thể được diễn tả với cùng những từ ngữ đó. Ta có thể tóm lược các sự kiện này dưới các khía cạnh sau đây:

* Trước tiên các cố gắng, với sự trung gian của hội đồng bộ trưởng để tổ chức lại mạng lưới các cơ quan đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ trong mục tiêu "gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo, coi các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là một thể thống nhất" đã gặp phải sự bất hợp tác của các bộ khoa học, công nghệ và môi trường và của các viện khoa học nên các cải tổ chỉ còn được giới hạn trong mạng lưới các trường đại học trực thuộc.

* Các viện đại học mới tuy được thành lập trên các vùng phát triển kinh tế quan trọng nhưng về phương diện tổ chức hành chính còn cần có thời gian để giải quyết hai vấn đề khó khăn. Trước tiên là vấn đề quan hệ giữa các viện đại

học mới với các trường thành viên. Đây là một vấn đề tranh chấp thuộc trong nội bộ hệ thống đảng mà ta khó có thể tranh luận ở đây một cách cụ thể. Vấn đề thứ hai là các đòi hỏi ngày càng tăng của các trường đại học sư phạm cũ để tách rời khỏi các viện đại học hiện hữu để thành lập một hệ thống đào tạo độc lập. Cho đến trước ngày hội thảo (8-4-1998) của Hội Khuyến Học, các ĐHDC vẫn tiếp tục hoạt động. Nhưng kể từ niên khóa 1999-2000, các ĐHDC được giải thể, không còn quản lý việc đào tạo giai đoạn đại cương và giao chức năng đào tạo lại cho các trường thành viên, ngay từ giai đoạn đầu. Các viện đại học mới chỉ còn là những bộ khung liên hiệp trống rỗng. Tuy nhiên, các vấn đề trên đây cũng bớt căng thẳng một phần nào.

* Trên nguyên tắc, sự tổ chức quy trình đào tạo ở bậc đại học, hay ở trong bất kỳ một hệ thống đào tạo nào, thành các giai đoạn khác nhau là một vấn đề hiển nhiên, được áp dụng khắp nơi trên thế giới, không cần phải bàn cãi. Vì vậy, sự giải thể các ĐHDC hiện nay không có nghĩa là giai đoạn đào tạo đại cương phải bị bãi bỏ. Chỉ có vấn đề là làm sao tổ chức, phân định rõ rệt mục tiêu và chức năng của mỗi giai đoạn để cho công cuộc đào tạo được tiến hành một cách hợp lý mà không mâu thuẫn với nhau, tránh các sự trùng hợp, tránh các phí phạm thời gian và các nguồn lao động.

Nội dung đào tạo ở giai đoạn đại cương chắc chắn cần phải tranh luận nhiều. Trước tiên là việc trang bị các kiến thức chung về văn hóa, chính trị, xã hội, v.v. đáng ra là đã phải được hoàn thành trong quá trình đào tạo 12 năm ở bậc giáo dục phổ thông và không còn là một vấn đề ở bậc đại học. Nếu vấn đề này chưa được giải quyết ở bậc phổ thông thì chắc chắn các cải tổ phải được điều chỉnh ở đây. Để tránh các phí phạm, mục tiêu chính ở bậc đại học là các đào tạo kỹ thuật về nghiệp vụ. Vấn đề quan trọng là trang bị mau chóng những kiến thức hữu dụng ở mọi cấp bậc đào tạo để cho mọi thành viên, khi đã chấm dứt một giai đoạn và phải đi vào đời sống lao động cụ thể, có thể tìm được các vị trí thích đáng trong quá trình phân công lao động trong xã hội. Sự kiện phân chia nội dung đào tạo ở giai đoạn đại cương thành bảy loại hình chương trình khác

nhau, với các kiến thức văn hóa tổng quát, với các kiến thức khoa học cơ bản quá sơ sài, ... chắc chắn là không thể thỏa mãn nhu cầu tổng quát của sự phát triển mau chóng của mọi ngành nghề đào tạo khác nhau trong các xã hội ngày nay hay đáp ứng mục tiêu đào tạo đa ngành và liên ngành sau này... Tất nhiên, muốn cho các cải tổ còn có một ý nghĩa, mỗi trường thành viên phải thực sự tự đi vào các cải tổ trong nội bộ của mình trên cả hai phương diện, về cơ cấu tổ chức cũng như về quy trình và nội dung đào tạo trong mỗi giai đoạn, để cho phép thực hiện các cộng tác hay hợp nhất với các thành viên khác trong mục tiêu thực hiện các đào tạo đa ngành và liên ngành.

Để kết thúc bài viết, xin trích đăng sau đây cảm tưởng của một phát biểu, trong ngày hội thảo 8-4-1998 của Hội Khuyến học, về quá trình cải tổ ở bậc đại học trong thời gian qua ở Việt Nam :

"*Cả một cuộc cải cách giáo dục toàn diện trên tất cả các mặt mà tổ chức nghiên cứu, xây dựng, triển khai, ... với và như đã làm trong thời gian vừa qua, để lại những hậu quả nặng nề cho xã hội phải gánh chịu là tất nhiên. Nhìn các phương diện, chung qui lại chỉ có một số chuyên viên của BGDDT biết vấn đề, rồi tranh thủ ý kiến các hiệu trưởng, hiệu phó đại học, thành viên quản lý các trường cơ sở, đưa lên trên rồi thành nghị quyết, chủ trương về từng phương diện, rồi đội xuống thực hiện [...] Nền giáo dục đại học ảnh hưởng đến toàn bộ sự phát triển của đất nước, trước mắt và lâu dài [...] Vấn đề cán bộ khoa học, cán bộ chuyên môn, nhân tài đất nước đều từ đây mà ra. Với tiến hành một cách tùy tiện đến như thế thì quả thật rất nguy hiểm. Những hậu quả mà chúng ta đang phải gờ rõi là tất nhiên. Tôi nghĩ đáng trách nhất và phải rút kinh nghiệm nhiều nhất là ngành giáo dục của chúng ta, trước hết là ngành đại học. Chúng ta có cả một đội ngũ các nhà giáo, các nhà khoa học đầu ngành về thâm niên, giàu tâm huyết, cả cuộc đời hiến dâng cho ngành, trình độ trí tuệ đều thấp kém. Nhưng cả đội ngũ đó hầu như không được tham gia vào quá trình xây dựng, chủ trương cải cách giáo dục. Có lẽ ngành giáo dục, trước hết là BGDDT, cần rút kinh nghiệm".*

Tôn Thất Long

Một cuốn tiểu thuyết hiện thực lớn

Trần Độ

I
Chuyện kể năm 2000 của tác giả Bùi Ngọc Tấn là một cuốn tiểu thuyết hay, hay nhất trong mấy chục năm cuối thế kỷ 20.

Cũng như mọi tiểu thuyết khác, *Chuyện kể năm 2000* kể một câu chuyện: truyện một người bị tù năm năm, được tha ra khỏi nhà tù, nhưng vẫn sống không được, do gặp nhiều trở ngại trong việc kiếm sống và hàng chục năm vẫn bị ám ảnh nặng nề của những kỷ niệm trong tù của thân phận "một con người không được công nhận", một người không được tự do. Người này được tác giả gọi là Hấn và có tên là Nguyễn Văn Tuấn, là một nhà báo và nhà văn. Người này ở trong tù mất tự do đã đành, mà ra khỏi tù vẫn không được tự do. Có chỗ trong tiểu thuyết gọi là "tù nội trú" và "tù ngoại trú", tương đương với ngày xưa có người đã nói "cái lồng con" ở giữa "cái lồng to". Mọi người đọc dễ dàng nhận thấy đây là một tiểu thuyết tự truyện, tác giả viết về cuộc đời của mình mà không xưng tôi. Vì thế tác giả tự do tưởng tượng và hư cấu những chi tiết "như thật" rất tự nhiên và hấp dẫn. Chính vì vậy cuốn tiểu thuyết có sức hấp dẫn rất lớn và xúc động người đọc sâu xa. Là chuyện kể về một người nhưng người người đó có quan hệ với rất nhiều người: những bạn tù đồng đảo thuộc rất nhiều nguồn gốc xã hội, tù có án và tù không án, và bị buộc phạm rất nhiều tội khác nhau. Những người khác là những người thân trong gia đình: bố mẹ già, các anh em, vợ và các con, các bạn cùng cộng tác, các bạn thân và ít thân, các người có chức quyền có tác động và ảnh hưởng quan trọng đến cuộc sống của Hấn. Và tất cả những hình ảnh về các con người này tập hợp trong cuốn tiểu thuyết làm hiện lên rõ ràng bức tranh xã hội rất thực và rất sinh động. Bức tranh hiện lên với những chi tiết cụ thể và nói rõ lên những đặc trưng của một xã hội trong một thời điểm cụ thể (đó là thời điểm từ 1968 đến 1975). Ta thấy có những bí thư, chủ tịch và các

quan chức của ngành công an (giám đốc, đặc trách về văn hóa, đặc trách về hộ khẩu, giám thị nhà tù, quản giáo, áo vàng và áo xanh (công an vũ trang). Ta còn có thể thấy mối quan hệ giữa những vị này, người mới đối với người cũ, cấp trên với cấp dưới, bên và bao che nhau và thủ đoạn lừa lọc nhau, lừa lọc nhân dân. Đó là việc tự tay viết thư ra lệnh và giới thiệu thu xếp việc làm cho Hấn, rồi lại chỉ thị mật cho cấp dưới nhất định gạt đi và không bố trí việc làm.

Thế là một xã hội gồm có bộ máy rất to lớn, kênh càng nằm giải các góc ngách của đời sống nhân dân, qua việc kiểm tra hộ khẩu, nhiều tem phiếu và một hệ thống kiểm tra tem phiếu. Cái xã hội ấy nổi bật lên một nét bao trùm là chỉ có một bộ máy hùng hậu để quản lý (cai trị) và hai loại người: một loại là những người tuân phục, cam chịu, ủng hộ, tán thành bộ máy cầm quyền và một loại người không cam chịu, có những nhận xét và ý kiến của riêng mình đối với xã hội và bộ máy cầm quyền. Loại thứ hai này không được công nhận, luôn bị coi là những phần tử chống đối, phản động và do đó luôn được coi là những tội phạm phải cảnh giác, theo dõi, buộc tội và cần cải tạo. Nói một cách khác, cái xã hội đó chỉ có hai loại người:

- Một là những người không phạm tội, "những người tốt", tức là những người trong bộ máy và những người tuân theo và ủng hộ bộ máy. Bộ máy đó tự nhận là của nhân dân và làm việc gì cũng nhân danh nhân dân, kể cả những việc nhân dân không nhờ và không muốn làm.

- Hai là những người phạm tội, cần cải tạo, có án hoặc là không có án. Loại này còn gồm cả những người đã phạm tội, đang phạm tội, sẽ phạm tội, có thể sẽ phạm tội... Mà những "dấu hiệu" ấy thì nhiều lắm, có thể tìm thấy ở bất cứ đâu. Đó là những người có chút suy nghĩ độc lập, hoặc là có ý muốn nói lên chút sự thực hiển nhiên của cuộc sống.

Như vậy xã hội đó chỉ gồm những

người là Ta, và những người không được công nhận là Ta, và tất yếu là Nó, là chống đối, là phản động, là tội phạm. Đó là theo nguyên lý: những ai không phải là Ta thì chỉ là Nó, mà đã là Nó thì chỉ có thể là địch. Cuốn tiểu thuyết này là cuốn tự truyện của một con người thuộc loại người "phạm tội" với tất cả ảnh hưởng của đời sống ở trong tù và ở ngoài tù, cảnh tình của vợ con, họ hàng, bạn bè và cả những người quen biết, những người đồng cảnh; hoặc là "đã phạm tội" hoặc là "đang phạm tội". Ngay ở chương đầu, tác giả đã giới thiệu một loạt tiếng lóng của nhà tù: "khop" = ăn; "yếm" = dẫu; "tat" = ăn cắp; "bông" = mang vác; "bảm" = báo, "mách", "miều" = mồi; "meo" = đôi; "sốt sết" = đun nấu, ăn uống; "bành" = no; "chác" = đôi; "ken" = thuốc lá; "bắt tốp" = hút sái thuốc lá; "quả tặc" = quà, đồ tiếp tế; "tắc rằm" = quà lớn, nhiều; "biều" = bao thuốc lá; "lénh" = lạng chèo... Và cứ như thế, những tiếng lóng này được hòa nhuyễn trong ngôn ngữ của suốt cuốn tiểu thuyết, nhất là những đoạn tả cuộc sống trong tù.

Cuốn tiểu thuyết mô tả cuộc sống của một con người "đã từng phạm tội" và luôn luôn có thể "lại phạm tội", tuy đã được ở "tù ngoại trú".

Con người ấy, trong tiểu thuyết gọi là Hấn. Trong tiểu thuyết, Hấn tồn tại và xuất hiện ở một quãng đời vào khoảng 20 năm trong đó có 5 năm ở trong tù, và suốt trong quãng đời mà Hấn sống đó, Hấn luôn luôn ngậm ngùi tủi hổ, dằn vặt, than thân trách phận, cay đắng về số kiếp một con người mất tự do, nghiền ngẫm học tập những lời buộc tội của bộ máy cố ghép mình vào những tội đó mà không được, thế rồi ngày đêm cay đắng về số kiếp của mình, chỉ biết than thở với vợ và bạn bè. Vợ và bạn hiểu được cho Hấn, nhưng những người hiểu được điều oan khuất ấy cũng đều là những người "có nhiều khả năng trở thành người phạm tội" như Hấn. Chỉ có những ai tuân phục cúi đầu quên đi thân phận của mình thì mới tránh được cái

khả năng đó, có thể yên ổn làm ăn và thậm chí có khả năng tăng tiến.

Cái xã hội đang vận hành theo một cơ chế như vậy. Hấn là một người nhìn thấy những những điều đó, nhìn thấy cái sự thật ấy, không thể sống yên ổn được trong cái xã hội ấy. Hấn đã bộc lộ nỗi dẫn vật và ngậm ngùi về số kiếp, thân phận Hấn mấy chục năm... và có lẽ còn như thế đến hết cả cuộc đời.

Với một hiện thực như vậy cho nên bố cục của cuốn tiểu thuyết không theo kiểu biên niên theo trật tự thời gian, mà cũng không có lối đồng hiện, phục hiện, tái hiện lối thời. Cả 800 trang sách là một lời than thở. Một tiếng thở dài, một tiếng kêu than, một lời gào thét của của một kiếp người, kiếp người mất tự do.

Hấn đã từng tin tưởng và vẫn còn tin tưởng lớn, đã từng hào hứng say sưa với lý tưởng: lý tưởng độc lập, tự do và hạnh phúc cho đất nước, vậy mà Hấn cứ phải va chạm, chịu đựng nếm trải những hiện thực cay đắng ngược lại với lý tưởng mà Hấn từng được giáo dục. Vì vậy văn chương trong cuốn tiểu thuyết là văn chương rất đặc biệt. Nó là một cuốn truyện, mà người đọc không thể kể lại được, không tóm tắt được, thậm chí không trích dẫn được bởi vì nói về tự do thì có trăm nghìn cảnh sống đều làm người ta phải đau đớn về sự mất tự do như một bộ quần áo, một đôi guốc, một cái điếu cày, một nhánh rau thơm, một lời chửi rửa, mắng mỏ, đều có thể mang ý vị của tự do hoặc nỗi uất nghẹn của mất tự do. Cho nên muốn thuật lại, thì chỉ có cách là chép lại toàn bộ cuốn sách... Vì vậy văn chương của cuốn sách chỉ có thể nói là rất hay. Nhiều nơi, nhiều người có ý kiến là phải đem cuốn tiểu thuyết này đi ứng cử giải Nobel văn học thế giới. Tôi thấy không phải là không có lý.

Suốt hơn 800 trang sách là lời lẽ của một nỗi niềm. Đó là cái nỗi niềm cay đắng của một con người mất tự do. Cái con người (là Hấn ấy) lại là một người viết báo làm văn, một con người có hiểu biết, đọc sách nhiều, luôn chú ý quan sát mọi người và mọi hoàn cảnh sống, quan tâm tới nhiều sự thật và nhiều đối trá. Hấn lại bị kết tội, cải lại những sự kết tội đó nhiều lần ở nhiều nơi, nhiều cấp, nhiều lúc, gặp nhiều người ở bộ máy. Và Hấn đều yếu thế, không cãi được,

thẳng hoặc có đôi người hiểu được và thông cảm với Hấn, hiểu được điều oan khuất của Hấn, thì người đó cũng bị rơi vào thế yếu như Hấn và cũng đành ngậm ngùi chia sẻ với Hấn, giúp đỡ riêng Hấn vài ba chục bạc rồi cũng bị "xử lý" theo địa vị của ông ta thôi.

Hấn bị kết tội nhiều đến nỗi Hấn thuộc hết lời lẽ của những nhân vật kết tội Hấn. Và nhiều lúc Hấn đã dùng những lời lẽ kết tội ấy để tự mắng mỏ mình thậm tệ, hòng làm bớt đi cảm tưởng oan khuất nhưng càng làm thế thì nỗi niềm Hấn lại càng sâu nặng hơn và cay đắng hơn. Những người kết tội rất thuộc bài bản:

- "*Chúng tôi lạ gì các anh, chính các anh bảo các anh viết thì phải lách mà. Các anh ai chả có tý "nhân văn giai phẩm". Tại sao anh tuyên bố không thích vào Đảng? Tại sao anh bảo anh sẽ bỏ bút không viết nữa? Tại sao các anh chê bai các cô mậu dịch. Chê bai thế là chê bai chế độ, còn gì nữa!"*

- "*Chúng tôi thực hiện đầy đủ chính sách khoan hồng nhân đạo. Tội các anh nặng như vậy mà không đưa ra tòa, không kết án, không bỏ tù, chỉ tập trung cải tạo thôi, nhân đạo quá còn gì?"*

- "*Các anh tưởng chúng tôi phải bắt các anh là chúng tôi sung sướng lắm đấy à. Chúng tôi là vì các anh thôi, chúng tôi muốn giúp cho các anh nhận ra tội lỗi, trở thành người có ích cho xã hội, giúp các anh nâng cao cảnh giác cách mạng, giúp các anh tránh xa được sự lợi dụng của kẻ thù cách mạng, giúp các anh không rơi vào tay của kẻ thù cách mạng. Thế mà các anh không biết. Các anh là chủ quan lắm, các anh không chịu nhận tội lỗi của mình", v.v. và v.v.*

Lý sự kết tội hùng hồn đến như vậy. Anh ruột Hấn cũng là một cán bộ cách mạng tầm cỡ trong cải cách ruộng đất cũng đã bị bắt, bị đánh khốn khổ. Sau này được sửa sai, anh gặp lại những chú thanh niên đánh đập anh khi trước, anh trách rằng: "*Sao các chú tàn ác vậy? Đánh anh thừa sống thiếu chết".* Cậu đó trả lời rất hồn nhiên: "*Có phải em đánh anh đâu, em đánh là đánh kẻ phản động, kẻ chống đối cách mạng, kẻ thù của cách mạng. Em làm thế là vì cách mạng, để bảo vệ cách mạng!"* Anh ruột Hấn cũng rất thông cảm và về giải thích cho vợ cũng rất hùng hồn: "*Người ta đều*

vì cách mạng cả. Vấn đề là xem ở động cơ hành động. Họ vì cái gì mà họ làm thế?" trong khi bà vợ nông dân rất thật thà cứ nói vung sự thật hiển nhiên lên: "*Ôi, thời nào cũng vậy. Quan lại bênh quan, chỉ có dân thường thời nào cũng khổ thôi!"* hay "*Ôi chao, cách mạng mà lại thế à?"* Bởi vì chị cũng chỉ đơn giản so cái "nói" của cách mạng với cái "làm" của cách mạng thôi.

Tác giả đã nhìn được rõ như vậy. Và tác giả cũng không bình luận gì thêm, không phê phán, cũng chẳng tán thưởng. Tác giả chỉ mô tả sự thật thôi, cái sự thật ấy tự nó có tiếng nói.

Có một đoạn tác giả khái quát rất cao cái tinh thần đối với dân của những người cầm quyền và thái độ tinh thần đối lại của những người bị cai trị "*được giáo dục*". Tác giả tả một cuộc mắng mỏ của một ông giám thị đối với một phạm nhân trốn tù:

- "*Những anh nào có ý định trốn trại? Trốn đi đâu? Tôi đố các anh trốn đi đâu được đấy. Chạy ra nước ngoài à? Nước ngoài nó không thèm dùng các anh! hay vào Nam với Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ? Anh nào có giỏi cứ đi!* - *Chúng tôi bắt được anh Sáng, nhưng dọc đường anh Sáng nhảy vào hồ phân trốn lần nữa. Cơm khôn muốn ăn. Ăn chút".*

Trong truyện, cái anh Sáng này khao khát tự do năm lần trốn, năm lần bị bắt lại và vẫn cứ trốn. Và con người khao khát tự do đã trở thành người "*ăn chút*" đó.

Ông giám thị còn tiếp, cuốn sách viết tiếp: "*Mặt ông đanh lại khinh khỉnh, khinh khỉnh".* Ông tiếp: "*...chính sách cải tạo nhân đạo của Nhà nước ta rõ như ban ngày. Đưa các anh trở lại làm người, đưa các anh trở lại con đường ngay thẳng, hiểu rõ tội lỗi của mình, hiểu rõ giá trị của lao động..."* (trang 133-135, Tập I).

Thật ra nhiều tù nhân nhận rõ tình hình, đã từng tuyên bố: "*Cho keo chúng tôi cũng không trốn. Trốn đi đâu? Không có hộ khẩu, không có tem phiếu, sống làm sao?"*

Nhưng cũng Tập I, ở trang 92, có đoạn thế này: "*Cùng như Hấn không tin cải tạo tốt thì sớm được trở về, không ai tin điều đó, mặc cho quản giáo nói, giám thị nói. Đồi bên quá hiểu nhau rồi. Người nói cứ nói. Thừa hiểu mình nói*

dối, chẳng ai tin, nhưng cứ nói. Rất thành thật thiết tha. Thuyết giảng chân lý, thuyết giảng con đường, người nghe làm ra vẻ chăm chú. Rất chăm chú, mê say, nhận thức đường đi, sáng lòng, sáng mắt. Tuy biết tổng rằng người nói cũng chẳng mấy may tin vào những điều họ nói, thì mình tin sao được. Nhưng vẫn làm ra vẻ tin, tin thật, tin lắm. Xuýt xoa, tấm tắc, dù biết người nói nhìn thấu ruột gan mình. Vô duyên vẫn cứ kéo dài năm này sang năm khác. Vì không ai dám nói ra sự thật nên vô duyên cứ diễn. Cứ giả cách nói, giả cách nghe, giả cách tin tưởng".

Đoạn văn ngắn vừa kể, thật là mấy nét ký họa rất sắc thực trạng quan hệ giữa người cầm quyền và nhân dân hiện nay. Những nét ký họa vừa sắc, vừa chua xót, lẽ ra nó phải đục mạnh vào cái chốn lương tâm còn sót lại của giới cầm quyền chính thống mới phải.

Tác giả đã nhìn thấy và đã tái hiện nhiều hiện thực sâu sắc của xã hội. Tôi thấy tác giả là một tác giả hiện thực lớn, không biết ông ấy theo chủ nghĩa hiện thực gì, nhưng thật là một tác giả hiện thực lớn.

Khi nói về mục đích của các nhà tù là cải tạo những phạm nhân để họ trở thành "người tốt" có ích cho xã hội, thì tác giả khái quát kết quả cải tạo ở các nhà tù là: "Vào tù, học hai cái: một là ăn cắp, hai là nói dối. Ở trong tù khổ quá, phải ăn cắp mới sống được, muốn ăn cắp thì phải biết nói dối".

Khi nói về "chính sách khoan hồng" của Nhà nước là không xử án, không bỏ tù, chỉ tập trung để cải tạo, thì tác giả thuật lại lời một ông tù già: "Các chú có biết khoan hồng là gì không? Khoan là thông thả, hồng là máu, là chết. Khoan hồng là thông thả hãy chết, cứ chết cho thông thả".

Tác giả này có nhiều cách lý giải độc đáo. Ở một cuốn sách khác, ông ấy mượn lời ông Nguyễn Hồng trả lời câu hỏi: "Tại sao người ta cứ phải nói dối", bằng câu trả lời: "Người ta phải nói dối vì người ta không muốn khác những người khác". Như thế có nghĩa là người ta đang ở một xã hội mà ai ai cũng nói dối cả, không nói dối thì thành ra khác người quá!

Tác giả có những nét ký họa thật tài tình. Ông ấy vẽ những nét vẽ mối quan

hệ giữa giới quản giáo và tù nhân (cùng có thể hiểu giữa giới lãnh đạo và xã hội: hai bên cứ có những tư duy và tình cảm đi theo hai véctơ ngược chiều nhau, không thể gặp nhau được. Và như vậy cho nên người oan thì càng kêu oan lại càng oan và người mong người khác "cải tạo cho tốt hơn" thì người đó lại càng lảng xa cái yêu cầu cải tạo đó. Cái vòng luẩn quẩn ở cuộc sống nó cứ thế kéo dài gây khổ sở cho tất cả mọi người.

Tác giả vẽ một bức tranh cảnh giám thị cho phép tù ra gặp người nhà: "Gọi tù ra, tù ra chậm mấy phút. Giám thị đuổi vào không cho gặp nữa. Tù vào nằm vật ra giường buồn quá, nghĩ đến nông nỗi người vợ vượt mấy trăm cây số đường gian khổ và đầy bom đạn lên thăm mà không được gặp. Nhưng về sau lại có lệnh gọi người tù đó ra gặp vợ. Cho gặp nhưng phạt, không cho nhận quà. Rồi cho nhận nhưng chỉ được nhận một phần ba quà thôi. Trong quá trình gặp gỡ nói chuyện, người nhà của tù nhân cứ nhắc từng món quà đưa cho chồng: nắm xôi, gói thuốc lá, thuốc Lào, gói ruốc thịt, v.v. Cứ mỗi lần như thế lại xin phép giám thị với những lý do thống thiết. Giám thị im lặng, không gật cũng không ngán và cứ thế từ chỗ cấm nhận, đến chỗ chỉ cho nhận một phần mà cuối cùng người tù cũng được nhận hết đồng quà vợ mang đen cho" (trang 28-38, Tập I).

Như vậy, người giám thị đâu có ác. Ông ta cũng biết thương người, biết nghe lời phân giải nhưng lúc đầu ông ta làm ác vậy chẳng qua ông ta quá quen thói tùy tiện biểu dương quyền lực của mình, tùy tiện dùng bữa bãi quyền lực của mình. Điều đó nó thành ra bản chất thứ hai của người giám thị và hình như nó cũng là bản chất thứ hai của những người cầm quyền.

II

Nhân vật chính của tiểu thuyết là một người viết báo viết văn. Quan hệ bạn bè toàn là những nhà văn và nhà báo. Cho nên trong tiểu thuyết rất nhiều cảnh sống liên quan đến văn nghệ. Trong đó nổi lên mấy nét đặc sắc, đó là những tâm lý, tình cảm, nỗi buồn và niềm vui của các người văn nghệ, tình bạn của những người văn nghệ: nghèo và trí cốt với nhau: "một người bán máu để lấy tiền đãi bạn một bữa bún". Nét đặc sắc

thứ hai là quan hệ giữa những người trong bộ máy Nhà nước với văn nghệ và những người văn nghệ. Tôi nhớ có một hồi từ ngày xưa, một người lãnh đạo có quyền lực bao trùm, uy thế lồng lộng, một lần sau khi giải thích vai trò quan trọng và vẻ vang của văn nghệ trong cách mạng, lại nói riêng và nói nhỏ với một số ít người thân tín một câu là "cánh văn nghệ là nó hay "sỏ" lắm, phải cẩn thận đấy!". Những cảnh mô tả trong tiểu thuyết đều phản ánh nhất quán "tư tưởng chỉ đạo" nói trên.

Những vị công an từ người chỉ đạo chung đến công an điều tra hình sự, công an đặc trách, công an hộ khẩu, công an giám thị, quản giáo (áo xanh, áo vàng) mà quan hệ với các văn nghệ sĩ thì đều có tâm lý và thái độ của nhà chức trách đối với những kẻ đã, đang phạm tội, hoặc chắc chắn sẽ phạm tội. Các ông đều bảo họ: Tôi biết các anh quá rõ! Các anh là chủ quan lắm! Các anh đều có một tý "nhân văn giai phẩm" cả. Đối với các ông ấy "nhân văn giai phẩm" là một tội phạm nặng nề và hiển nhiên của văn nghệ đối với Nhà nước, đối với cách mạng. Các ông đều tỏ ra là các ông cũng đọc nhiều, cũng biết nhiều tác giả. Có ông luôn luôn cầm ở trong tay cuốn sách, nhưng nhìn kỹ thì đó là sách bổ túc văn hóa lớp 10?

Các ông tình nghi ai, hay đã bắt ai thì các ông tìm mọi cách để có chứng cứ buộc tội, mà chứng cứ rõ rệt, đầy đủ nhất là ở các bản thảo của tội phạm. Các ông lùng sục, tìm tòi ở tất cả các nơi mà tội phạm có thể qua lại: nhà bạn bè, nhà bố mẹ, họ hàng, lục tìm tất cả các mẫu giấy có thể có để thu thập đem về nghiên cứu, tức là để lục tìm "chứng cứ của tội lỗi". Trong khi ấy, tác giả của những tờ giấy đó đau xót khổ khổ. Họ sung sướng bao nhiêu khi để ra những bản thảo đó thì nay cay đắng, khổ khổ bấy nhiêu khi nhìn thấy nó bị thu thập, bị vò xé, quăng thật. Và khi nhân vật Hấn tranh luận với một ông tỏ ra thông thạo văn nghệ, Hấn hỏi ông: "Ông thu được các bản thảo của tôi, ông đọc nó, ông thấy thế nào?" (ý Hấn muốn hỏi: ông có thấy tôi chửi bới, chống đối chế độ ở đó không?) thì ông ấy trả lời: "Tôi bận quá, chưa đọc được". Các ông ấy đều hứa hẹn sẽ trả lại các bản thảo cho đương sự. Nhưng đương sự thì năm lần bảy lượt đi

lại hết nơi này thảng nọ vẫn chưa được nhìn lại những "đứa con" của mình rút ruột đẻ ra. Các ông công an thì coi như nắm rất vững các chứng cứ phạm tội của văn nghệ sĩ, những chứng cứ thông thường là: tuyên bố không vào Đảng, tuyên bố sẽ bẻ bút không viết. Ngồi nhậu nhẹt hay trao đổi phê phán các người mậu dịch cửa quyền, móc ngoặc, nhận xét các đảng viên ở cơ quan kém và dốt, các tệ nạn xã hội... Đó là những chứng cứ "bất mãn và chống đối".

Còn ở các tác phẩm văn nghệ, các bản thảo thì bất cứ ở trang nào, các ông cũng có thể có chứng cứ về những sự ám chỉ, sỗ xiên, chống đối. Trong tiểu thuyết có một chỗ tác giả nói lên sự tìm tòi ấy ở trong hai phóng sự và truyện ngắn của Hần, đó là "*những tiếng động bị nhốt*", phóng sự về anh thợ hàn chui vào phuy xăng để hàn, có những tiếng nổ của que hàn. Những tiếng nổ đó được suy ra là tác giả nói đến những tài năng bị giam hãm, những tài năng bị thui chột và như thế là dụng ý phê phán Nhà nước. Còn truyện "*Con đé trong căn buồng ông thuyền trưởng*" thì tác giả (của truyện) cảm xúc về tiếng một con đé và tưởng tượng ra một cuộc đấu tranh giữa một con đé dùng cảm với một lũ con gián hôi sì xúm lại đánh nó. Nhưng các ông ấy nói rằng đó là viết sỗ xiên, "*những con gián chuyên sống trong bóng tối, béo núc hôi sì là ai?*". Anh đừng tưởng chúng tôi không biết đâu! Những con gián ấy là ám chỉ những đảng viên ở cơ quan báo! (trang 322-323, Tập I).

Rất nhiều chỗ, có những đoạn mô tả cảnh các ông công an mắng mỏ các tội phạm văn nghệ, vạch tội lỗi của các văn nghệ. Mỗi người văn nghệ đều được mục kích bạn mình bị bắt, bạn mình bị theo dõi, bị hăm dọa hầu như không ai được sống yên ổn. Nhân vật Hần được ra khỏi nhà tù, đêm đầu định đến nhà một người bạn để ngủ một đêm tự do và gặp gỡ thì lại gặp đúng ngày anh bạn vừa bị bắt, nhà chỉ còn ông bố và bệ, Hần vào ngủ trong phòng của bạn mà tưởng tượng cảnh bạn mình phải chịu những ngày đầu bị bắt, bị ở tù, bị thẩm vấn... Rồi đến khi về đến nhà gặp người bạn thân nhất trước đây cùng làm một cơ quan, lại được bạn kể tỉ mỉ cho cảnh bị theo dõi, bị các đảng viên và lãnh đạo

Đảng ở cơ quan lãnh đạo và cảnh cáo dẫn dắt. Có thể thấy rõ cuốn tiểu thuyết đã khái quát mấy đặc điểm của một số người.

1. Thực chất là không hiểu biết, nhưng lại tự cho mình là rất hiểu biết, hiểu biết sâu sắc về văn nghệ và những người văn nghệ. Sự hiểu biết ấy đều trên cơ sở của quan điểm "tư tưởng chỉ đạo" nói trên.

2. Vì vậy thái độ của họ đối với văn nghệ sĩ thông thường là: coi thường (khinh rẻ hoặc khinh bỉ), không tin cậy và đầy nghi ngờ, lúc nào cũng phải cảnh giác sự chống đối, sự ám chỉ, đả kích.

3. Do đó, đối với các tác phẩm văn nghệ, đặc biệt đối với văn học, họ luôn có thể tìm ra được các bằng chứng của tội phạm, tội phạm chống đối, phản động. Nhiều khi sự thô thiển trong cách nhìn này còn tràn cả vào cách nhìn sân khấu, điện ảnh, tạo hình... và luôn cho những câu hò về tiểu lâm, thực sự là từ ở nhân dân, đều là sản phẩm của văn nghệ sĩ. Vì vậy họ hết sức chăm chú theo dõi để nắm được những câu chuyện vui, chuyện tâm phào của vợ chồng và bạn bè văn nghệ sĩ. Vì thế có một đôi vợ chồng nhà báo đêm nằm tâm sự cùng phải đóng kịch: nói to những câu nịnh bợ đối trá và nói thầm những câu tâm tình. Một xã hội có những ứng xử như thế với văn nghệ thì làm sao văn nghệ có sản phẩm tốt đẹp, làm sao văn nghệ có đỉnh cao được.

III

Cuốn tiểu thuyết cũng có nói đến những thân phận, những số kiếp của một số không ít người. Đó là số kiếp của những con người mất tự do, trong số đó dễ nhận thấy và dễ nhớ là số kiếp của mấy người như sau:

Già Đơ là một ông thợ già, tay nghề rất giỏi, số phận đưa đẩy ông sống ở Pháp, có vợ và con ở Pháp. Nhưng ông yêu nước, tin vào tay nghề mình, quyết về nước để đóng góp việc xây dựng đất nước. Nhưng ông đã quen cuộc sống ở đất Pháp, cho nên ông có điều gì bất bình thì ông lại "*đấu tranh kiểu Pháp*", nghĩa là cầm biểu ngữ ngồi trước cửa nhà giám đốc. Ông lại hay nói tiếng Pháp và hay hát tiếng Pháp. Đó là biểu hiện "*ông có thể liên hệ với nước ngoài, làm hại tổ quốc*". Ông bị tù mà ông rất sợ "chết trong tù", vì nó ứng với câu rủa:

"*chết rù tù*". Rồi ông cũng được ra khỏi tù, nhưng ra khỏi nhà tù ông không có nhà, không có thân thích, không việc làm. Ông phải đi ăn xin, ngủ đường ngủ chợ. Không sống được, ông lại phải nhặt rác và ăn cắp. Cũng không sống được, ông phải tìm đến con đường xin vào lại trong tù. Ông cố ăn cắp để mong bị bắt và được vào trong tù. Nhưng nguyện vọng ông chưa đạt được thì ông đã chết ở giữa chợ vì ông đã quá cực khổ và kiệt quệ. Ông đã tránh được "chết rù tù" nhưng ông lại phải chết đường, chết chợ vậy.

Đó là số kiếp Ngụ Như Càn, bị tù (cải tạo) 18 năm. Anh đã cắt đứt mọi quan hệ với quê hương, gia đình, bạn bè và yên chí ở tù vô thời hạn. Nhưng rồi anh cũng được trả tự do. Chính đêm hôm trước ngày anh ra khỏi nhà tù thì anh tự thắt cổ chết. Và người ta thấy rõ anh ra khỏi nhà tù, anh cũng không có cách gì sống được, vì như tiểu thuyết nhiều lần nhắc cái cảnh: không có hộ khẩu, không có tem phiếu... mà anh lại cũng hết thân thích, bạn bè, thì cái tự do lại là cái hoàn toàn vô nghĩa với anh và anh phải tự kết liễu đời mình.

Đó lại còn là Giang và Sáng, hai thanh niên còn tươi tắn, khỏe mạnh. Giang là con liệt sĩ, mẹ bỏ đi lấy chồng. Giang lang thang trộm cắp rồi bị bắt, ở tù. Khi được ra tù, Giang tìm mọi cách cùng với nhân vật chính là Hần để xoay sở kiếm sống nhưng rồi thất bại liên tiếp, Giang quay lại cuộc đời trộm cắp, rồi lại bị bắt lại và lại ở tù. Còn Sáng là một thanh niên nông dân nhiều sức sống, không chịu được cảnh tù đầy, liên tiếp trốn khỏi nhà tù và liên tiếp bị bắt lại. Cứ vừa bị bắt lại thì Sáng lại tìm cách trốn ngay sau đó. Cứ thế dần dần thứ năm thì bị đánh đau lắm. Và sau đó nữa, không biết số kiếp Sáng ra sao, vì nhân vật chính là Hần không gặp lại Sáng nữa. Ta cũng đoán được là số kiếp đó chỉ có thể có một kết cục bi thảm...

Trong các cảnh đời, tác giả còn vẽ nhiều cảnh tuy với nét bút sơ sài nhưng đầy thú vị. Đó là cảnh một gia đình có một bà chủ đặc sắc. Bà là Bà Dượng. Chân dung của bà như sau: "*Mọi người đều ghét Bà Dượng. Ghét nhưng sợ. Đã có nhiều cuộc vùng lên chống lại bà. Nhưng đều thất bại. Bà kẻ vanh vách những chuyện trong gia đình người khác.*"

Bà lời cả danh hiệu đảng viên của ông bà Tri ra chửi" (trang 85-86, Tập II).

Bà là một "chửi si" siêu sao. Tiểu thuyết viết thế này: "Bà chửi hiện đại. Bà không dùng những câu kinh điển chửi thẳng dãi chiếu ngang, thẳng sang chiếu dọc, thẳng dọc vãn tế nhà mày. Hay con gà nhà bà là con gà, về nhà mày nó là con hùm tinh đồ mở [...] Bà có cách chửi của bà. Vừa hiện đại vừa mang tính thời sự nóng bỏng: on sáu mọt, bọn đục khoét, bọn ăn đứt lốt. Bọn khốn nạn rồi sẽ bị truy tố. Bà nghèo nhưng bà trong sạch. Xã hội chủ nghĩa mà khốn nạn" (trang 85, Tập II).

Sau đây là là một vài đoạn "văn chửi" của bà, rất đáng thưởng thức: "Cha tiên nhân nhà mày. Bà giồng hai cây chuối ở đây thì có động mờ động mả nhà mày không, mà mày xui con xui bố mày ra vắn cho nó chết. Cái cây nó có tội tình gì. Thằng cha mà bẻ cây chuối của bà thì cũng như vắn cổ thằng con. Thằng con mà vắn cổ cây chuối của bà thì cũng như vắn cổ thằng cha [...] Bà bảo cho thằng già, thằng trẻ, con trai, con gái nhà mày biết, bà không ăn cắp, không hối lộ của ai [...] Bà nói trước cho mà biết, sáng ra bà chưa xúc mồm xúc miệng bà chửi cho nó độc. Chửi đủ ba tháng mười ngày... Sáng một chập, trưa một chập, tối về ta chửi một chập. Tao nghèo, tao tăng gia tao ăn. Bác Hồ dạy thế, tao làm. Tao không ăn hối lộ, tao không bòn rút". Bao nhiêu chiến sĩ hy sinh ở Trường Sơn để chúng mày như thế à? Ăn ngạp mồm ngạp miệng. Bòn rút của nhân dân. Dân chủ mà lại khốn nạn" (trang 87, Tập II).

Bà lại có một đoạn văn chửi hiện đại nữa như sau: "Cha tiên nhân thằng già, thằng trẻ nhà mày. Bà nghèo bà lao động nuôi con nuôi cái bà, bà không ăn hối lộ. Mày như con bọ hung thấy đồng phân mà rúc vào... mày ăn hết cả phần phúc đức của bố mẹ mày. Mỏ miệng thì toàn là cách mạng, đạo đức mà việc làm thì bòn rút hại người. Tuần rằm nào cũng hương khói nguyện cầu mà lòng dạ mày toàn rong rêu" (trang 88, Tập II).

Cách bà chửi cũng hiện đại: "Liên ba tháng mười ngày như vậy. Mỗi ngày được tái bản, câu chửi đều có bổ sung và phát triển. Sáng sớm chửi liền nửa tiếng xong, bà về [...] Chủ nhật bà đi người

không. Không cầm ghế... Bà đồng đạc tuyên bố: Hôm nay 14 tháng 6 năm Bình Thịn, chủ nhật, bà nghỉ".

Còn rất nhiều cảnh rất sinh động của cảnh sống tem phiếu, xếp hàng, của quyền, ăn bớt, móc ngoặc... nhưng tác giả có chọn một cảnh rất nhỏ để tả kỹ. Cảnh đó nhỏ như sợi chỉ (cai kim, sợi chỉ là cái nhỏ nhất mà). Đó là cảnh "chia chỉ":

- "Cứ chia đi, tí nữa cô nhận cho tôi, cho hai cụ với nhé.

- Mợ đem cho tôi cái bìu theo dõi

Hắn giật mình. Sao nhà mình lại bìu theo dõi nhỉ?

- Theo dõi gì hả chị?

- À, theo dõi mua công nghệ phẩm.

[...]

Anh đèn lập lờ sau lùm tre thưa. Tiếng người cười nói, gọi nhau chào hỏi, bàn cãi, gất gông.

- Một trăm người bảy suất. Bốn mươi cuộn tất cả. Hai năm cuộn đen, mười lăm cuộn trắng.

- Thế cứ bốn người một cuộn. Bốn bốn mươi sáu. Được một trăm mười sáu suất. Thiếu một suất, tính sau.

- Ai chịu cái suất thiếu ấy?

- Lại còn chỉ đen chỉ trắng. Ai lấy chỉ trắng cho?

- Mỗi cuộn này bao nhiêu mét nhỉ?

- Cứ đóng hai cái cọc cách nhau mười mét, mỗi đường chỉ là mười mét.

[...]

- Chia chỉ đen trước, chỉ trắng sau [trang 413, Tập I].

Chia xong, thiếu mấy đường, lại đóng cọc lại, chia lần thứ hai, thừa ra ba cuộn, lại phải chia thêm. Đến khổ, có tí chỉ mà hết đêm. Mợ cón cho tôi đổi cuộn chỉ trắng lấy suất chỉ đen thế. [...]

- Mỗi cuộn mười một mét đấy. A mà đen mười một mét, còn trắng gần bảy mét [trang 424, Tập I].

Nó là bức tranh sinh động về một cuộc sống mà Nhà nước mong nó được công bằng tuyệt đối. Và Nhà nước đứng ra lo tất cả, từ cái kim sợi chỉ cho toàn dân. Đó là cái phức tạp khó khăn của sự yêu cầu tuyệt đối công bằng... Từ đây người đọc dễ dàng hình dung ra toàn bộ cái quy mô và cường độ ghê gớm của cuộc sống tập trung bao cấp, tem phiếu, xếp hàng quàng lên đầu lên cổ mỗi người dân.

Quả là cuốn tiểu thuyết còn nhiều

điều hay. Mỗi trang, mỗi dòng đều đầy ý vị của triết lý cuộc sống. Nó đều gợi cho mỗi người đọc phải liên hệ mà ngẫm nghĩ về cuộc đời. Ngẫm nghĩ về tự do và mất tự do, về tâm trạng và nỗi niềm về cái khốn khổ và cay đắng của người mất tự do, ngẫm nghĩ về kiếp người và mỗi con người, ngẫm nghĩ về sự thật thà và giả dối, ngẫm nghĩ về tình yêu, tình bạn với những nét đẹp thật sâu xa mà cũng lộng lẫy. Rồi từ đó ta có thể nghĩ nhiều về xã hội, về đất nước và mong chờ và hy vọng vào một tương lai tốt đẹp: cuộc sống và xã hội tiến bộ hơn, hoàn thiện hơn, tự do hơn.

Tóm lại, đây đúng là một cuốn tiểu thuyết hiện thực lớn, xứng đáng là một sự kiện văn học của Việt Nam để mở đầu thế kỷ 21. Và cứ bình thường mà xét thì Bùi Ngọc Tấn xứng đáng là người tiếp bước Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng và Nam Cao.

Trần Độ

Hà Nội, tháng 7-2000

Giới thiệu sách mới

"**Những Mảnh Đời Rách Nát**", do Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiển biên soạn (350 trang, bìa màu), là tên một tuyển tập gồm 15 bài tự thuật ghi lại cuộc đời của tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ Việt Nam Cộng hòa đang sống dưới chế độ cộng sản trong nước. Đây là một tài liệu quý giá dành cho những người quan tâm đến hiện trạng xã hội Việt Nam sau 1975. Giá bán 120 FRF hay tương đương (đã kể cước phí gửi). Ngân phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về: Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France.

**Thông Luận
hoan nghênh
mọi ý kiến
đóng góp
và ủng hộ
tài chính của
quí độc giả**

Dương Thu Hương

"Ước mơ của tôi là dân tộc mình khá lên, có nghĩa là những người dân bình thường được mở mang đầu óc hơn, được sống tốt hơn, họ dần dần có ý thức về quyền con người và đấu tranh cho dân chủ"

LTS : Sau đây là cuộc phỏng vấn Dương Thu Hương do ông Phan Dũng thuộc Đài Á châu Tự do thực hiện ngày 4 tháng 7-2000. Cảm ơn ông Phan Dũng đã có nhã ý gửi cho Thông Luận.

- Câu đầu tiên chúng tôi xin được phỏng vấn bà Dương Thu Hương là theo nhận định của bà thì lý do nào mà rất nhiều nhà văn trưởng thành trong xã hội chủ nghĩa khi mô tả đời sống chung quanh thường có giọng văn khinh bạc, thậm chí mạt sát tất cả mọi giá trị ?

- Theo tôi thì mức độ biểu hiện khác nhau nhưng nói chung sống cùng chung trong một môi trường sống thì nó thành một não trạng tập thể. Còn não trạng tập thể phản ánh mức độ nào, với góc độ nào, thì do nhân cách và do tài năng của từng người. Theo tôi, giọng văn chua chát ấy là phản ứng tiêu cực, phản ứng tối thiểu có thể biểu hiện được và có thể tồn tại được. Đa số nhà văn bây giờ viết như thế, một là não nề ai oán, hai là trần trụi sống sượng, lột truồng cuộc sống ra, và cứ phơi bày ra mà thôi chứ không bình phẩm và cái cảm quan của người nghệ sĩ cũng bị vùi lấp đi. Làm như vậy, thứ nhất là vì nhà văn cần được an toàn để tồn tại và thứ hai là họ cũng muốn tự giải thoát về một ẩn ức nào đó.

- Nhiều lần bà đã nhận định rằng thế hệ của bà lý tưởng đến tận chân răng còn lớp thanh niên thuộc thế hệ bà sau này thì sao ?

- Rất đáng buồn là thế hệ bây giờ làm tất cả mọi cách để kiếm được nhiều vé, tức là nhiều tờ 100 đô. Không còn một cách gì là không làm ! Ngày hôm nay chửi Đảng, ngày mai nịnh Đảng, tất cả cũng chỉ vì thế mà thôi. Tại vì bây giờ cái thế hệ xã hội này là có nguyên tắc muốn *nommer* một người nào lên giám đốc hay là mua một chức nào đó có bổng lộc thì phải vào Đảng. Nên có những ông đến 50 tuổi mà vẫn đưa tay thè là "tôi yêu Đảng lắm", kỳ thực thì họ khinh bỉ đảng mà vẫn vào Đảng để lên một cái chức và nhờ đó mà có lợi. Ví dụ như họ vừa có thể gơ tay thè rưng rưng dưới cờ Đảng kết nạp, nhưng sau ra quán trà họ văng tục rất công khai, chẳng hạn "bố mày phải làm thế để kiếm nọ kiếm kia".

Còn thế hệ trẻ hơn thì tất cả những đứa lương thiện nhất cũng tìm cách lao vào đi học nhiều sinh ngữ để vào các công ty nước ngoài để làm thuê cho người nước ngoài. Đó là lý tưởng cao cả nhất. Còn lý tưởng dưới hơn thuộc hạng con ông cháu cha thì muốn tự làm những công ty trách nhiệm hữu hạn, tức những công ty lợi dụng quyền lực chính trị của ông cha để làm giàu, để trở thành những ông chủ nhỏ hoặc ông chủ lớn. Đó là một hiện tượng phổ biến. Còn những kẻ bình dân thấp cổ bé họng thì cũng cố cho con đi học cũng chỉ để kiếm được một tư thế ở chỗ nào đó có thể mang lại cho họ một hai vé. Vì tất cả thế hệ chúng tôi bị người ta cho là điên rồ cho nên thế hệ trẻ bây giờ chỉ biết sống trước đã, nghĩa là nó ăn, nó ngủ, nó nhảy... đại khái là nó tìm kiếm mọi tiện nghi trước đã. Đó là bề mặt của xã hội hết sức phổ biến và tôi nghĩ rằng rất ít có ngoại lệ.

- Với tất cả những điều mà bà vừa nhận định về tuổi trẻ hiện nay tại Việt Nam như vậy thì liệu bà có phải là một người bi quan hay không ?

- Tôi thì vừa bi quan vừa lạc quan, tại vì tôi nghĩ rằng nó theo quy luật quả lắc của đồng hồ. Sau những thế hệ hết mình như thế hệ của tôi là thế hệ lý tưởng đến tận chân răng ấy thì đánh trả lại thì thế hệ hiện nay lại thực dụng đến tận chân răng. Nó như quả lắc đánh về đối nghịch và con người vắt toàn bộ giá trị tinh thần để ngập lặn trong tất cả những thỏa mãn vật chất. Nhưng tôi nghĩ rằng đến lúc nào đó thì sự ngập lặn trong thỏa mãn vật chất cũng sẽ đưa con người đến chỗ nhàm chán. Không biết là tôi có lạc quan hoặc có hào huyền hay không nhưng tôi nghĩ rằng đến một lúc nào đó họ sẽ chán. Họ cũng sẽ lâm vào bế tắc và họ cũng sẽ tuyệt vọng ngay chính trong sự thừa mứa của tiền tài và của khoái lạc vật chất. Con người sẽ phải vật lộn như thế và đó là cái giá mà chúng ta phải trả. Rất có thể phải trải qua một hay hai thế hệ mới lấy lại được sự cân bằng. Và tôi

nghĩ rằng lúc đó sẽ có những đứa trẻ (bây giờ thì không biết chúng nó lơ lửng ở đâu) sẽ tìm một lý tưởng mới và vì đã là con người thì chúng vẫn có phản ứng thiện.

- Những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam xưa nay vẫn nói rằng "yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa", hoặc tổ quốc có nghĩa là "tổ quốc xã hội chủ nghĩa", bà nghĩ gì về lối phát biểu này của những người lãnh đạo Hà Nội ?

- Cái mà chúng ta gọi là tổ quốc tức là những giá trị tự chúng ta thờ phụng chứ không phải là nhóm người cầm quyền này hoặc nhóm người cầm quyền khác. Tôi cho đấy là rác rưởi trong lịch sử thời và dòng sông sẽ cuốn đi. Còn cái chúng ta gọi là tổ quốc thì rất là trừu tượng. Nhưng mà tất cả mọi thứ giá trị từ 30 năm cộng lại của chúng ta cảm nhận được trong tuổi thơ của chúng ta là trong giai đoạn giáo dục của gia đình chúng ta đó.

- Bà là người can đảm và thẳng thắn phê bình giới lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính vì vậy cho nên bà đã từng bị giam giữ gần một năm. Từ ngày được thả ra tới nay mọi liên hệ tiếp xúc của bà với thế giới bên ngoài có bị sự kiểm soát nào không ?

- Thông tin đối với tôi thì cũng bập bồm thư có khi đến có khi không, chứ còn điện thoại của tôi thì thật ra bị cắt đi vì tôi chửi dữ quá. Có vụ can thiệp của Nhà Văn hóa Đức họ mời tôi sang đó thì là họ (nhà cầm quyền cộng sản) không cho tôi đi thì tôi chắc chắn rằng là có sự can thiệp của nước ngoài thì họ mới nói lại điện thoại cho tôi. Ở đây (Việt Nam) chẳng có luật lệ gì, nó cứ chập chờn như thế đó. Ngay cả sách gửi cho tôi thì tôi cũng chẳng nhận được. Tất cả những chuyện thư từ và các thứ gửi cho mình thì thật là bất trắc, hết sức bất trắc. Hôm qua tôi vừa nhận được thư mời của sứ quán Mỹ. Họ mời dự triển lãm ngày quốc khánh của họ đó mà. Nhưng tất cả

Việt Nam

các phong bì đều bị rách ra và được dán lại một cách hết sức công khai. Bưu điện nước mình thì nó có bảo đảm danh dự nghề nghiệp đâu ! Tất cả là dưới bộ máy kiểm soát của công an hết. Và nó muốn ăn cắp, nó muốn lấy kiểu gì thì nó lấy. Nếu như nhà nước này họ biết điều hơn thì họ bỏ những hành vi mà chỉ làm cho người ta khinh ghét thêm mà thôi. Bỏ đi những cái lối kiểm soát một cách tục tằn thô bỉ chứng tỏ quyền uy của mình một cách thối tha thì đẹp mặt họ, chứ còn đối với mình thì chẳng quan tâm vì mình quá biết.

- Ngoài việc thư từ, điện thoại bị kiểm soát như bà vừa mới cho biết, bà còn bị những biện pháp trấn áp nào nữa không ?

- Cái nhà nước này đối với mình, họ sử dụng tất cả mọi biện pháp. Họ đã từng làm *accident* như vụ xảy ra hồi cuối năm 1988, một vụ năm 1989 trước cái đại hội nhà văn đó. Họ định kẹp tôi vào xe máy của công an. Năm 1989 tại đại hội nhà văn, chính là năm họ định làm *accident* định kẹp chết tôi, nhưng tôi lại Trời cứu (có nghĩa là có người biết và họ cứu). Chính năm ấy cả bộ chính trị họ điên lên

vì tôi đọc bài *Đảng phải biết ơn nhân dân* chứ không phải chỉ có dạy nhân dân biết ơn đảng. Bài đó là một trong những cú quyết định của Nguyễn Văn Linh trong năm sau đòi bắt tôi đó. Vụ này tất cả tôi đã viết trong hồi ký và một ngày nào đó tôi sẽ công bố.

- Vừa qua tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu đã đi thăm nước Pháp, bà nghĩ gì về sự kiện này ?

- Thế à ? Tôi chẳng để ý đâu, tôi cũng việc gì phải để ý tới chuyện ấy. Tôi chỉ nghe người ta nói là ông ta đi Pháp. Tôi không hiểu là ông ấy đi kiểu gì, đi để làm gì, tôi chẳng quan tâm đâu.

- Bà là người đã hết mực tận tụy với Đảng Cộng sản Việt Nam để rồi sau đó ly khai khỏi đảng này. Hiện nay bà có chọn được cho bà một con đường riêng hay không ?

- Con đường tôi đang chọn lựa là đấu tranh cho một xã hội dân chủ. Và bởi vì tôi không có phẩm chất của nhà làm lãnh đạo chính trị, tức là tôi không thể nào lập đảng, tôi cũng không thể nào đấu tranh chính trường, tôi không có sở trường về chuyện đó, cho nên tôi chỉ có

thể đấu tranh bằng cách tôi viết những bài viết để nói với đồng bào của tôi rằng cần phải có một chế độ dân chủ và con người cần phải sống với đầy đủ ý thức về quyền sống của con người. Bởi vì chỉ có như thế thì cuộc sống mới là xứng đáng.

- Câu chốt xin được phỏng vấn bà Dương Thu Hương. Bà có ước mơ gì cho tương lai ?

- Ước mơ của tôi là dân tộc mình khá lên, có nghĩa là những người dân bình thường được mở mang đầu óc hơn, được sống tốt hơn, họ dần dần có ý thức về quyền con người và đấu tranh cho dân chủ. Bởi vì tôi cũng không có lãng mạn gì để hiểu rằng những người dân mà cứ cầm mặt xuống bùn, chỉ lo miếng ăn thì không bao giờ có thể có khái niệm về quyền con người, về dân chủ được. Họ chỉ có thể làm những cuộc gọi là nổi loạn khi mà đói khát thôi. Và nếu như thế thì dân tộc ta mãi mãi chìm trong trạng thái man rợ. Tôi cũng biết là cái ước mơ đó đối với dân tộc ta thì nó cũng hãy còn xa xôi, nhưng dù sao thì tôi cũng ước mơ. Bởi vì nếu không có ước mơ thì con người ta cũng rất là khó sống.

Thượng đỉnh Thiên niên kỷ về Hòa bình và Tôn giáo Thế giới : chính quyền Việt Nam cản trở sự tham dự của thượng tọa Thích Thái Hòa

Chiều ngày 28-8-2000, Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ về Hòa bình và Tôn giáo Thế Giới đã khai mạc tại trụ sở Liên hiệp Quốc ở Nữ Úc với sự tham dự của hàng ngàn đại biểu gồm phần lớn những nhà lãnh đạo, những nhà hoạt động vì hòa bình đến từ khắp nơi trên thế giới. Tuy số người tham dự đông như vậy nhưng cảm tưởng đầu tiên của giới truyền thông đại chúng quốc tế là đã có "*nhều người vắng mặt*", trong số đó người ta đặc biệt nhắc tới đức Đạt Lai Lạt Ma, thường được coi là Phật sống, người lãnh đạo tối cao của Phật giáo và nhân dân Tây Tạng. Hãng thông tấn Reuters đã đánh đi bản tin đầu tiên dưới tựa đề "*Không có đức Đạt Lai Lạt Ma trong các vị lãnh đạo tôn giáo thế giới*". Lý do nhân vật này không có mặt là trước áp lực của Trung Quốc, một thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an, ban tổ chức Thượng đỉnh đã không thể đạt giấy mời. Sự thiếu vắng,

vì phải nhượng bộ các chính quyền độc tài, đã khiến cho giới truyền thông không muốn muốn dành cho Thượng đỉnh Nữ Úc tầm quan trọng hàng đầu lẽ ra nó đáng có. Về phần Việt Nam, dĩ nhiên như thường lệ, cũng đã có những cản trở nhằm cách ly những người đại diện cho tôn giáo tự do không chịu thống thuộc nhà nước cộng sản. Nhưng đặc biệt nắn nắn nay, ở cả hai phía, chính quyền cộng sản cũng như tôn giáo độc lập, đều có những hành động đi tới, chẳng bên nào chịu nhượng bộ bên nào, nên rốt cuộc tại Nữ Úc đã diễn ra một bi hài kịch Việt Nam.

Phần bi hùng được thể hiện qua một nhân vật lãnh đạo Phật giáo ở Việt Nam cho tới nay ít thấy nói tới. Đó là thượng tọa Thích Thái Hòa. Thượng tọa Thích Thái Hòa là một nhân vật lãnh đạo Phật giáo ở cố đô Huế và tỉnh Thừa Thiên, hiện là giáo thọ hướng dẫn các tăng sinh tu học và nghiên cứu kinh sách tại chùa

Từ Hiếu ở Huế. Ngoài ra, thượng tọa cũng còn là chánh thư ký tăng đoàn tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế gồm có trên 300 tăng ni thành viên. Ngày 19-7, ban tổ chức Thượng đỉnh, ông Bawa Jain đã chính thức gửi giấy mời đích danh thượng tọa Thích Thái Hòa tham dự Thượng đỉnh. Nhưng giấy mời này đã phải mất tới 28 ngày, trong khi thật ra theo thường lệ chỉ cần 5 ngày, mới tới tay người được mời ! Mặc dù chỉ còn hơn mười ngày để xin xuất ngoại, thượng tọa Thích Thái Hòa vẫn kiên nhẫn tới các cơ quan "có chức năng" thuộc ủy ban nhân dân Huế - Thừa Thiên để làm thủ tục. Tuy đầy đủ các giấy tờ hợp lệ nhưng thượng tọa đã phải đi tới đi lui nhiều lần, qua nhiều cơ quan trong nhiều ngày. Ở đâu thượng tọa cũng chỉ nhận được vắn vắn một câu trả lời "*cứ về đi, sẽ cho biết kết quả sau*".

Ngày 25-8-2000 tòa đại sứ Mỹ tại Hà Nội lại gửi cho thượng tọa hồ sơ

hướng dẫn làm thủ tục nhập cảnh vào nước Mỹ để tới trụ sở Liên hiệp Quốc tại Nữ Uớc. Cùng ngày một điện thư từ Nữ Uớc tới cho thượng tọa biết là ban tổ chức Thượng đỉnh đã mời ông Lê Quang Vịnh, trưởng ban tôn giáo của nhà nước tham dự. Vì vẫn còn ở trong vòng chờ đợi và cũng chẳng có gì bảo đảm rằng đơn xin xuất ngoại của mình sẽ được thỏa mãn, nên thượng tọa báo cho ban tổ chức biết rằng cho đến ngày ngày 25-8 vẫn chưa có hồi âm nào của chính quyền. Thượng tọa cũng hoan nghênh sáng kiến của ban tổ chức mời ông Lê Quang Vịnh. Luôn thể, thượng tọa đề nghị ban tổ chức mời thêm đức Đại Lai Lạt Ma, hòa thượng Thích Quảng Độ, viện trưởng Viện Hóa Đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tham dự Thượng đỉnh. Được biết rằng ông tổng thư ký ban tổ chức Thượng đỉnh đã chính thức can thiệp với nhà cầm quyền Việt Nam để thượng tọa Thích Thái Hòa được cấp chiếu khán nhưng vô hiệu. Ngày 27-8, thượng tọa đành gửi điện thư cho ban tổ chức thượng đỉnh, với những lời lẽ vô úy, để xác nhận việc thượng tọa không thể đến được "bởi vì chính quyền Việt Nam đã sử dụng quyền lực chuyên chế không cho tham dự". dịp này, thượng tọa đề nghị với ông tổng thư ký ban tổ chức chấp thuận cho thượng tọa ủy cử một vị tăng thân của Làng Mai là thầy Chơn Pháp Ấn, một tăng si trẻ, người Việt quốc tịch Mỹ, thay mặt viết bằng hai thứ tiếng Việt và Anh : "*Sự vắng mặt của tôi tại Hội nghị này đã làm lu mờ về thực chất và hình ảnh của sự tự do về tôn giáo và nhân quyền ở quê hương tôi. Và sự vắng mặt của tôi tại Hội nghị này cũng đã giúp cho ngài và các nhà lãnh đạo tinh thần và tôn giáo trên thế giới cảm thông và nhận rõ thêm rằng : tại sao ngài hòa thượng Thích Huyền Quang, hòa thượng Thích Đức Nhuận, hòa thượng Thích Quán Độ, thượng tọa Thích Tuệ Sĩ, thượng tọa Thích Trí Siêu và những nhà trí thức chân thật của Việt Nam đã bị bắt bớ tù đầy hoặc bị quản chế hay bị từ chối hộ chiếu xuất cảnh. Cũng như việc thiền sư Nhất Hạnh cũng không thể về thăm và hoằng pháp tại quê hương của Ngài, và các tu sĩ có quốc tịch nước ngoài khi đến thăm Việt Nam đều không được phép ở lại qua đêm tại cơ sở tôn*

giáo của họ [...] Và hiện trạng thực tế trên quê hương của tôi, những nhà lãnh đạo tôn giáo nào tha thiết tới đời sống của họ, và tha thiết với sự tự do tôn giáo cùng với quyền được làm người thì những vị đó khó có tự do ; và những vị không biết, không có đời sống tha thiết về tôn giáo thì họ đã và đang lãnh đạo tôn giáo trên quê hương tôi. Bởi vậy chúng tôi rất mong các ngài quan tâm đến những nỗi đau thương khó trị liệu này, vì đây là một trong những duyên cớ khiến cho nhiều người mất niềm tin đối với tôn giáo và chính quyền, đưa xã hội đến sự bất ổn và bạo động [...] Sau đây, tôi mong rằng các ngài không bao giờ bỏ quên vấn đề tự do tôn giáo và nhân quyền cũng như sự yêu cầu phục hoạt Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất của tăng ni Phật tử Việt Nam".

Phần khôi hài do chính quyền Việt Nam diễn xuất. Ngăn cản không cho người được mời đích danh tham dự nhưng chính quyền cộng sản lại "tự mời" rất nhiều người không được mời. Rồi Thông tấn Xã Việt Nam loan tin có một phái đoàn mang tên "*Đoàn đại biểu tôn giáo Việt Nam*" tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Nữ Uớc gồm ngoài hai đồng trưởng đoàn là hòa thượng Thích Hiền Pháp, chủ tịch kiêm tổng thư ký Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) và giám mục Nguyễn Sơn Lâm, tổng thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam, còn có hòa thượng Thích Thanh Từ, phó chủ tịch GHPGVN, thượng tọa Thích Thiện Nhơn, thuộc ban trị sự GHPGVN, tổng giám mục Nguyễn Như Thể địa phận Huế phụ trách việc đối thoại với các tôn giáo trong Hội đồng Giám mục, mục sư Cường thuộc Hội Thánh Tin lành tỉnh Hải Dương. Đứng đằng sau "*đoàn đại biểu*" không được mời này, còn có người do Đảng Cộng sản cử ra giữ chức trưởng ban tôn giáo của chính phủ, tương đương cấp bậc bộ trưởng. Ông Vịnh, người không ra mặt vì quá lộ liễu, và lại nếu chẳng may có chất vấn bất ngờ sợ lâm vào cảnh trời trồng. Nhưng tin hành lang cho hay ban tổ chức, cố ý hay vô tình, đã chỉ chấp nhận cho "*đoàn đại biểu*" tham dự với tư cách quan sát viên mà thôi, nghĩa là chỉ ở ngoại vi, không được vào phòng họp.

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới (từ 1-9-2000):
THÔNG LUẬN
7 allée Bouleau Carreau
77 600 Bussy Saint Georges,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Đức:
Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn
(60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr: 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada
có thể liên lạc và góp ý kiến với
Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo
(40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)
Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với
đại diện Thông Luận tại Úc:
Mrs. Vuong Bich Ngoc
36 Kallista Road
Springvale Vic 3171

(Tiếp theo trang 32)

Tịch chìm xuống ao cho chết luôn rồi chúng đập bàn đe dọa chửi bới ông tịch những lời thô tục âm ỉ hỗn loạn cả trụ sở ủy ban nhân dân trước sự chứng kiến của hàng trăm người có mặt ở đó.

Từ lúc Tịch được ôm về Hồng Thuận bọn chúng chẳng coi Tịch là cái gì nữa. Còn đâu một đồng chí thường vụ huyện ủy. Tịch khiếp sợ và sẵn sàng được đối xử như một tên tử tù, buộc Tịch phải đáp ứng mọi yêu sách của chúng. Thật nhục nhã và xấu hổ cho Tịch và tập thể Ban lãnh đạo huyện Giao Thủy bất lực hết chỗ nói, yếu hèn hết chỗ nói. Ngón đòn chính trị đánh ngay vào huyện, bài học nhớ đời để nhân dân Hồng Thuận bất bình chê trách huyện, kẻ địch lợi dụng tuyên truyền bậy bạ...

Sáng ngày thứ ba lại một việc đến nực cười về giải pháp tích cực của huyện. Sau khi bắt Tịch, huyện ủy - ủy ban nhân dân huyện biết chứ? Nhưng không giám động tình gì. Họ sợ chết và sợ bọn "đầu đơn" hay "đầu độc" với nhiều thủ đoạn. Sẵn sàng bắt luôn cả Lê Xuân Thủy, Phan Minh Tài, Phạm Trọng Lưu, cán bộ chủ chốt huyện. Vì vậy mới phái Lê Song Hào huyện ủy viên - Chánh văn phòng huyện ủy ra điều đình với bọn Thuyên để thả Tịch về. Nhưng rất ranh ma bọn Thuyên, Đông đã bàn sẵn nội dung văn bản, đổi trắng thay đen. Từ chỗ "bắt" Tịch chuyển sang chữ "mời" Tịch về buộc Hào đem văn bản ấy về Huyện ký tên đóng dấu cho có lý. Khi Hào về Huyện lãnh đạo không giám ký, Hào xuống trả lời bọn đầu đơn không thực hiện được ý đồ đen tối đó, họ bắt giữ Hào luôn. Vậy là lại thêm một ông quan huyện nữa bị bắt cùng số phận với Tịch.

Như vậy suốt năm ngày đêm (từ 19 đến 23-6-2000) hai vị quan huyện bị bắt cóc làm con tin giam tại trụ sở ủy ban nhân dân xã và bọn đầu đơn cũng chiếm luôn cả trụ sở để làm nơi giam và để bọn côn đồ lưu manh, gái góa tiếp xử hai vị quan. Hàng ngày chúng huy động hàng trăm tên coi giữ Tịch - Hào cộng với khách vãng lai qua đường xem và chứng kiến cảnh hỗn loạn đầy sự phản động chống đối huyện và xã một cách trắng trợn và ngông cuồng. Cũng trong những ngày này nhân dân xã Hồng Thuận nhận biết rõ bộ mặt dã tâm của bọn

Thuyên - Vãng - Hộ - Hiếu những kẻ chủ mưu. Ngoài ra một số đảng viên thoái hóa biến chất theo đuôi bị lừa phỉnh tham vọng tranh quyền lực trong nhóm Hội đồng mới như : Điều - Têu - Khoan - Đăng - Lâm - Vinh hai anh em cố bám để được chia một phần hậu hĩnh trong vụ này.

Một lũ đàn bà trẻ con gái góa phần lớn là người công giáo hàng ngày bồng bế con cái bỏ cả việc nhà ăn nôm chề, lúc nhúc, nhếch nhác, bản thủ trong và ngoài hiên trụ sở ủy ban nhân dân xã để thường trực canh Tịch - Hào và sẵn sàng tuôn ra những lời tục tĩu, đê tiện. Thật xấu hổ, nhục nhã cho hai vị quan huyện.

Vậy bọn bắt cóc con tin là ai? Có mục đích gì? Là người dân Hồng Thuận ai cũng biết đó là tên chùng "mafia" Đức quốc xã mới : Trần Đình Thuyên là một đảng viên từ phong trào địa phương nguồn gốc thuộc dòng dõi phong kiến, chẳng có công lao gì với cách mạng. Thời bao cấp hắn được giao làm chủ nhiệm HTX mua bán, làm ăn thua lỗ, biển lận của xã viên hàng trăm triệu đồng, mười tấn thóc nghĩa thương và nhiều tài sản hàng hóa, hắn thực sự là con nợ khó đòi của xã viên. Bị chính quyền kiểm điểm nhưng chiếu cố không xử lý tha cho hắn. Rồi lại được hưởng chế độ "hưu non" gần đây hắn có một con trai bị khai trừ Đảng vì tội cờ bạc, một con rể vi phạm pháp luật bị cất chức đội trưởng không được cất nhắc gì. Lợi dụng chiêu bài chống tham nhũng Thuyên xúi dục kích động bọn : Hiếu - Động - Bính - Khoan - Rường... kiện lung tung và có thời cơ trả thù số cán bộ đương chức.

Tiếp theo là Trần Xuân Vãng một tên dâm đảng có hạng nguyên cán bộ tài chính của Huyện bị thải hồi có con hoang tại Giao Tiên. Sợ vợ đến phát khiếp vì mẹ vợ vẫn gọi hắn bằng thẳng "sắp mặt". Cưới vợ cho con tảo hôn bị chính quyền xử phạt - kỷ luật đảng, hắn hẳn học.

Trần Xuân Hệ đại tá ba sao nghỉ hưu tham tiền, tham quyền cố vị cả hai bố con lao sâu cùng đồng bọn bỏ cả anh em họ hàng đánh đổ luôn cả em rể, cháu ruột với dã tâm độc ác.

Nguyễn Thị Xám một tên mẹ góa không chồng, không con, không ruộng, không khẩu, mẹ đàn bà quá lứa, lì lợm

bản thủ, điên rồ như một con quỷ cái.

Bùi Văn Rường một đảng viên thoái hóa biến chất, không có hồn núp sau Cao Như Huyền nhẹ dạ theo đuôi bọn Thuyên - Hệ. Lợi dụng danh nghĩa Cựu chiến binh họ bày cho Rường. Rường dám đội hẳn chiếc huy hiệu "Cựu chiến binh" để làm bình phong gò lưng đập xe suốt ngày từ làng trên, xóm dưới đi khiêu kiện. Nhưng Rường quên mình là một đảng viên khê động sản phẩm từ năm 1996 đến nay. Nhà cửa rách nát, đời sống kinh tế khó khăn thế mà cố theo đuôi bọn "đầu độc" để tỏ rõ khí phách anh hùng rơm của mình. Ngoài ra Rường còn quên hai sào ruộng cấy ăn không 10 năm nay trước nhà.

Ngoài ra một số tên tốt đen, đồ tể điên rồ như Hoàng Kim Động, Cao Việt Cường, Vũ Văn Định, Nguyễn Văn Định, Trần Xuân Phát... đó là một tập thể những kẻ tập thể "ăn cháo đá bát" phản lại lợi ích của Đảng, nhân dân, cố tình phá hoại phong trào tạo lên sự bất bình căng thẳng tại địa phương.

Mục đích của chúng:

- Đòi yêu sách với Huyện phải gạt bỏ số cán bộ cũ trong hội đồng.
- Đòi kỷ luật nặng hơn số cán bộ cũ mà huyện đã có quyết định sau thanh tra.
- Việc bắt cóc Tịch - Hào là ép Thủy - Tài phải ký các văn bản trên nếu không được họ sẵn sàng bắt cóc luôn cả Thủy lẫn Tài. Không còn sợ pháp luật là gì nữa.
- Tiếp tục gây rối, cài cắm những phần tử chống đối vào hội đồng nhân dân - ủy ban nhân dân xã nhằm dã tâm trả thù số cán bộ cũ vô hiệu hóa việc lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương, không đóng góp bất cứ các khoản nào từ : Thuế, sản phẩm để kéo dài khó khăn cho địa phương.

Vậy ai cho phép bọn Thuyên được lộng hành, chúng không thể đại diện cho ý chí quyền lợi của nhân dân Hồng Thuận. Thực chất chúng chỉ là một nhóm người vô ý thức, vô trách nhiệm, bè phái cục bộ gây mất đoàn kết, phá hoại phong trào, chia rẽ xã, vi phạm kỷ cương phép nước. Việc làm của Thuyên và đồng bọn còn tồi tệ hơn một "làng nhô mới".

Vậy cách giải quyết của huyện ra sao? Có thể nói rằng cả tập thể ban lãnh đạo huyện ủy - ủy ban nhân dân huyện

Giao Thủy vẫn đi theo vết xe đổ của Nguyễn Việt Quý - bí thư huyện ủy lại là người quê hương với bọn côn đồ. Vì nhiều sự việc bê bối tình đã chừa chỗ để Quý tháo chạy về tỉnh làm việc. Những quan điểm sai trái của huyện được tổng hợp lại như sau:

- Thỏa hiệp - Sợ đầu đơn - Hứa hão - Báo cáo sai sự thật - Che dấu sự việc với cấp trên - Giải quyết thiếu khách quan - Trỏ mặt - hưởng bổng lộc.

Vì vậy hai năm qua riêng ở Hồng Thuận bọn "đầu đơn" đã gây ra nhiều chuyện phức tạp mà huyện vẫn làm ngơ và cũng đổi trắng thay đen, dư luận bất bình, khinh bỉ tiêu biểu như vụ :

1) Nguyễn Văn Bính một công an bị thải hồi, một đầu đơn lý tưởng, quá khích đã thẳng tay lột trần trường chị Trần Thị Cách vợ đồng chí xóm trưởng giữa thanh thiên bạch địa để làm nhục, bị dư luận lên án, các cơ quan pháp luật không thể làm ngơ đã bắt Bính và tòa tuyên phạt Bính 6 tháng tù giam. Đến thế mà Bính chẳng phải đi tù mà còn được Quý phục hồi sinh hoạt Đảng được thả tự do vô tội vì bọn đầu đơn dọa Quý thả Bính thì thôi kiện.

2) Nhiều lần bọn đầu đơn kéo lên huyện bao vây cả phòng tư pháp đồng chí Kỳ đến các vụ gây rối chống người thi hành công vụ, chống thu thuế, gây rối ngày họp hội đồng nhân dân xã 28-4-2000... Huyện vẫn không dám hành động. Quý còn hứa sẽ xử phạt nặng số cán bộ Hồng Thuận đồng tình với bọn Thuyên - Hệ - Quý sẽ "mỏ lợn" để phanh phui tình hình tham nhũng ở Hồng Thuận. Nhưng Quý làm sao mỏ nổi vì trong tất cả những vụ tham nhũng ở huyện Giao Thủy chính Quý là thủ phạm cơ mà. Vì vậy được đảng chân lân đảng đầu, Quý chẳng giải quyết được gì mà hậu quả việc Quý ra đi đâu có dễ, bọn chúng sẽ có ngày kéo Quý về như Tịch.

3) Việc đồng chí Tịch bị bắt cóc, huyện phải ngậm ngùi cay đắng không dám kêu, không dám cứu. Mà nếu để mất Tịch - Hào thì cấp trên sẽ xử huyện thế nào đây. Mà nếu thẳng tay với bọn côn đồ chắc hậu quả thật tồi tệ. Vì vậy cho đến chiều 23-6-2000 tức là sau 5 ngày đêm Tịch - Hào bị bắt, được sự chỉ đạo của Tỉnh, Huyện đành hạ mình chấp nhận mọi yêu sách ngang trái của bọn đầu đơn để họ thả Tịch - Hào về.

Được thả ngay tối hôm 23-6-2000 bọn đầu đơn tập hợp đông đủ, phát máy nổ chạy âm li loa đài, rầm rộ khuyếch trương thắng lợi giữa đêm khuya bọn chúng bắt Tịch - Hào. Đọc biên bản thỏa hiệp đầu hàng, chúng hò reo ầm ì. Tại buổi trao trả con tin này Thuyên đã tự phong cho mình là một trong 16 đảng viên chân chính dám đấu tranh mang lại lợi ích cho dân. Bọn tốt đen: Động - Hiếu - Sâm... thay nhau ca tụng Thuyên và bêu rếu cán bộ xã, huyện rồi họ thả Tịch - Hào, tiễn các vị khách quý mà họ cho là "mồi" ra về giữa đêm khuya trời đen tối mù mịt.

Quan điểm và phản ứng của cán bộ nhân dân đảng viên xã Hồng Thuận. Mần bi kịch bắt con tin tại xã Hồng Thuận đã đến hồi kết thúc nhưng những dư âm và hậu quả tai hại còn để lại trong lòng người dân Hồng Thuận thật xót xa đau lòng. Cũng cần nói thêm rằng ở một đất nước xã hội chủ nghĩa chưa bao giờ có một vụ việc bạo lực láo xược này xảy ra, mà sự thật lại diễn ra ở một xã, một huyện có bề dày truyền thống Cách mạng, qua 10 năm đổi mới thành tựu to lớn ấy ai dám phủ nhận được. Vì vậy qua sự kiện 19-6 nhân dân Hồng Thuận và những người qua đường đã chứng kiến cảnh tượng này rất công phẫn, bất bình chê trách huyện, tỉnh, xã bất lực. Còn đâu là kỷ cương, pháp luật. Bọn "đầu đơn" là ai sao dám lộng hành bạo loạn vậy. Pháp luật để đâu? Cơ quan công an quân sự kiểm sát, tòa án... của huyện, tỉnh làm ngơ hay cũng tiếp tay cho bọn này. Nhân dân biết tin vào ai đây. Do đó chúng tôi kiến nghị:

1) Cần xem xét lại thái độ, quan điểm của ban lãnh đạo tỉnh Nam Định huyện Giao Thủy đứng đầu là thường vụ, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân - Sử lý ngay đồng chí Bùi Quốc Tịch, Lê Song Hào vì ham sống sợ chết giảm sút ý chí chiến đấu, đầu hàng địch cam chịu đổi trắng thay đen từ chỗ bị bắt lại chịu nhận là được "mồi" để giảm nhẹ tình tiết của vụ bắt cóc. Nếu để Tịch - Hào còn làm việc thì không còn uy tín với đảng bộ và nhân dân huyện Giao Thủy.

2) Bắt ngay những kẻ cầm đầu vụ bắt cóc như : Trần Đình Thuyên và tên tốt đen Hoàng Kim Động, Nguyễn thị Sâm và hai tên đồ tể Cường - Định là hai kẻ

trực tiếp bắt cóc Tịch chiều ngày 16-9-2000.

3) Công bố ngay quyết định, công nhận hội đồng nhân dân - ủy ban nhân dân xã như kết quả phiên họp đầu tiên hội đồng nhân dân xã ngày 28-4-2000. Đối với Trần Quang Khoan và Trần Xuân Tiến hai trong 16 đảng viên dính líu vụ bắt cóc đồng chí tịch đề nghị không công nhận. Nhằm đảm bảo cho hội đồng nhân dân và chính quyền hoạt động có hiệu lực.

4) Cách chức ngay những kẻ cơ hội, những phần tử chống đối trong đó có một số đảng viên thoái hóa biến chất như : Bùi Quốc Điều, Nguyễn Văn Lâm, Bùi Văn Rường...

Vì lợi ích của đảng bộ và nhân dân xã Hồng Thuận chúng tôi bác bỏ mọi luận điệu tuyên truyền kích động sai lệch của bọn đầu đơn. Khẳng định bọn cơ hội và đầu đơn quyết không thể là đại diện cho 1,4 vạn dân và hơn 100 đảng viên của đảng bộ Hồng Thuận. Mọi việc làm sai trái, bạo ngược của chúng gây ra chúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, bọn chúng hãy coi chừng kẻ gieo gió ắt có ngày gặp bão.

Tháng 7 năm 2000

Trung kiên xã Hồng Thuận

Nơi gửi :

- Báo Nhân dân, báo Quân đội Nhân dân, báo QK3

- Đài truyền hình Việt Nam, đài truyền hình tỉnh

- Các đồng chí thường vụ tỉnh

- Các đồng chí thường vụ huyện ủy ủy ban nhân dân huyện Giao Thủy

- Các chi bộ trong xã

- Các đồng chí bí thư, chủ tịch các xã, thị trấn trong huyện

Quả Đất - Quê Hương

Nguyên tác : *Terre-Patrie*, Edgar Morin và Anne Brigitte Kern, Ed. du Seuil, 1993. Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ. Sách dày 300 trang, khổ A5, bìa cứng do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời. E-mail: nht1@aol.com. Một tác phẩm nói về các vấn đề nhân loại trong thời đại toàn cầu. Một tài liệu quan trọng cần có trong tủ sách gia đình.

Giá: 80 FRF (+10 FRF cước phí, ngoài Âu Châu thêm 30 FRF). Chi phiếu xin đề: Mme Nguyễn và gửi về 106 avenue Jean Jaurès 94110 Arcueil.

Tạp ghi

Kursk. Tàu ngầm nguyên tử *Kursk* của Nga phát nổ trong lúc tập trận làm 118 thủy thủ thiệt mạng. Một thảm kịch lớn cho gia đình các nạn nhân và cho cả nước Nga. Tuy nhiên tùy theo cách nhìn nó cũng có thể là một cơ may. Giữ lại kho vũ khí không lồ hiện nay, nhất là vũ khí hạt nhân, có ích lợi gì cho nước Nga? Nước nào có thể muốn xâm lăng lãnh thổ Nga và nước Nga có còn nuôi mộng chinh phục thêm vùng đất nào không? Hơn nữa sinh hoạt dân chủ hiện nay không còn cho phép chính quyền áp đặt những hy sinh tàn nhẫn lên dân chúng để duy trì sức mạnh quân sự nữa. Kho vũ khí không bảo trì trở thành một đe dọa cho chính nước Nga và quân đội Nga. (Giả thuyết có nhiều xác suất đúng nhất là tàu ngầm *Kursk* đã bắn một hỏa tiễn trong lúc tập dượt, nhưng vì giàn phóng hư nên hỏa tiễn đã nổ ngay tại chỗ và tiêu diệt con tàu). Nếu thảm kịch vừa xảy ra khiến chính quyền và nhân dân Nga đi đến kết luận là phải phá hủy nhanh chóng kho vũ khí mà Brejnev đã chế tạo và tích lũy, và đồng thời chiết giảm quân lực Nga, thì các thủy thủ xấu số kia đã không chết vô ích. Hai mối nguy lớn đối với Nga hiện nay là sự thua kém đối với thế giới và các tệ nạn xã hội: tham nhũng, buôn lậu, trộm cướp, mafia. Hai mối nguy này liên hệ mật thiết với nhau vì cùng có một nguyên nhân: sự sụp đổ của ý thức quốc gia và dân tộc. Chúng ta cùng một giải pháp là phải đem lại cho người Nga một ý niệm đúng đắn về quốc gia. Rất có thể nhờ tập trung mọi tài nguyên và cố gắng để nâng cao mức sống mà người Nga sẽ khám phá ra rằng quốc gia là một không gian liên đới và một tương lai chung. Sau đó nước Nga có thể trở thành một quốc gia đúng nghĩa và vươn lên rất mạnh mẽ.

Cộng sản. Vấn đề *Kursk*. Một công dân Nga phân nộ vì cách ứng xử của Putin đã thốt ra một câu mỉa mai: "*Putin hay Rasputin thì cũng thế thôi, chẳng có gì thay đổi*". Ông ta làm. Nga đã thay đổi rất nhiều trong thập niên qua. Nếu ông ta nói một câu tương tự dưới thời Stalin thì chắc chắn là vào tù và không chừng mất mạng. Trong suốt dòng lịch sử của nó, cho tới cuối thập niên 1980, nước Nga đã chỉ có những chế độ bạo ngược và quần chúng Nga đã chỉ biết có số phận nô lệ cơ cực. Mặc dầu những tội ác của nó, chế độ cộng sản cũng vẫn là một cải thiện lớn so với chế độ sa hoàng. Trước đó ngay cả ý niệm

tội ác đối với dân chúng cũng không hề có. Lịch sử của mọi dân tộc có lô-gích riêng. 73 năm cộng sản có thể chỉ là giai đoạn chuyển tiếp của Nga từ nô lệ sang dân chủ. Tình hình ở Trung Quốc và Việt Nam cũng không khác. Xã hội Không Mạnh cũng chỉ là một xã hội nô lệ và chủ nghĩa cộng sản đã đến như một cải thiện lớn về nhân quyền và nhân sinh, một chặng đường để tiến lên dân chủ. Có lẽ sau cùng người ta sẽ tìm được định nghĩa đúng nhất của chế độ cộng sản: đó là một chế độ trung gian giữa man rợ và văn minh, nghĩa là một chế độ dã man, hay dã man tùy nhạy cảm của mỗi người.

Bush hay Gore? Chỉ còn hai tháng nữa nước Mỹ sẽ có một tổng thống mới, nhưng người Mỹ hình như không quan tâm lắm về việc vị tổng thống tương lai sẽ là Bush hay Gore. Cuộc tranh cử cũng tẻ nhạt như hai ứng cử viên. Họ không có gì đặc biệt để nói. Có một cái gì rất xác xược trong sự thịnh vượng của Hoa Kỳ. Một người, như Bush, muốn ứng cử vào chức vụ quyền lực nhất thế giới lại không cần biết gì về thế giới. Cũng may mà Mỹ là một nước dân chủ trong đó trọng lượng của xã hội dân sự lớn hơn hẳn chính quyền. Các chính sách quốc tế của Mỹ sau cùng sẽ đúng vì tổng thống có rất nhiều cố vấn tài ba để tham khảo và tổng thống biết tôn trọng những người hiểu biết. Một quốc gia mạnh cần nhiều người giỏi nhưng không cần một lãnh tụ người hùng. Những người hùng là sản phẩm của những dân tộc yếu và có tác dụng làm cho dân tộc họ tiếp tục yếu.

Thế Vận Hội 2000. Với Thế Vận Hội 2000, Úc chính thức xác nhận như một nước giàu mạnh. Úc là mẫu mực thành công của một cố gắng thành lập một quốc gia. Gần như một phép màu. Một đất nước giàu mạnh và văn minh đã thành hình từ những thành phần tội phạm. Nhờ người Anh đã áp đặt tự do như một nếp sống và dân chủ như một công thức tổ chức xã hội. Úc là một trong nhiều thí dụ để suy nghĩ cho những ai lập luận rằng tự do và dân chủ chỉ thích hợp với những xã hội đã khá phát triển.

Cao Ly. Lãnh tụ Bắc Triều Tiên Kim Chính Nhật nói với tổng thống Nam Hàn Kim Đại Trung rằng ông ta muốn quân đội Mỹ tiếp tục hiện diện ở Cao Ly để ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc, Nhật và Nga trong vùng. Một bạo

chúa điên khùng của Cao Ly cũng biết nghĩ đến quyền lợi của đất nước mình. Người Cao Ly hơn chúng ta nhiều lắm.

Ca nhạc. Các nghệ sĩ tên tuổi về nước trình diễn càng ngày càng đông. Nhạc kịch từ trong nước cũng bắt đầu tràn ngập thị trường tiêu thụ hải ngoại. Đã có những tiếng nói "báo động" được cất lên. Không chừng trong những ngày sắp tới sẽ có cả một phong trào tẩy chay "nhạc cộng sản" được phát động. Nhưng tình thế sẽ không đảo ngược được và cũng không nên đảo ngược. Xu thế vẫn là nhạc trong nước sẽ lấn át và dần dần thay thế nhạc hải ngoại, bởi vì nhạc hải ngoại không có đất sống và cũng không có cả sự sống. Sau hơn một phần tư thế kỷ hải ngoại vẫn không sáng tác được một tác phẩm nhạc kịch nào có giá trị. Vẫn hát lại những bản nhạc và trình diễn lại những vở kịch cũ. Những sáng tác mới cũng chỉ lặp lại những ý, lời, đề tài và âm điệu đã cũ một cách bi đát, hoàn toàn không phản ánh một thực tại nào của cuộc sống trong nước cũng như ngoài nước. Văn nghệ hải ngoại giống như những dư thừa của một bữa tiệc đã xong từ rất lâu. Văn nghệ sĩ trong nước cũng không hơn, nhưng ít ra họ sống với thực tại đất nước, tác phẩm của họ dù muốn dù không cũng còn mang một vài chất liệu của đất nước hôm nay. Và họ có quần chúng, trong khi người Việt hải ngoại đã ít về số lượng lại dần dần mất đi chất Việt Nam. Thanh thiếu niên hải ngoại không còn muốn thưởng thức nhạc Việt nữa, và lại họ cũng không thấy có gì đáng thưởng thức. Các nhạc sĩ chỉ là những người ghép âm điệu và ghép lời, các ca sĩ chỉ có giọng ca. Sáng tạo vẫn còn là một điều rất xa lạ đối với người Việt, ngay cả những người may mắn được sống trong những xã hội rất sáng tạo.

Tranh đấu. Trung tâm William Joiner tại Boston cấp học bổng cho hai học giả từ Việt Nam sang làm một công trình nghiên cứu về người Việt hải ngoại. Nhiều người hồ hào đoàn kết tranh đấu chống lại. Nhưng một cơ quan có quyền mời bất cứ ai làm bất cứ gì. Cùng lắm họ chỉ tốn tiền vô ích và mất uy tín nếu kết quả tồi mà thôi. Nếu thấy việc làm của họ là sai thì cách phản đối đúng đắn duy nhất là làm một công trình nghiên cứu có giá trị hơn. Những phản đối ồn ào và gây cản không làm tăng thế giá cho cộng đồng người Việt hải ngoại. Ngược lại.

Nguyễn Gia Kiểng

Biến cố lớn tại Nam Định

LTS: Chúng tôi mới nhận được trực tiếp từ trong nước một tài liệu có tựa đề "Thấy gì qua vụ bắt cóc con tin tại Hồng Thuận, huyện Giao Thủy, Nam Định?" liên quan đến một vụ biến động xảy ra vào tháng 6 vừa qua. Sau Thái Bình đến lượt Nam Định có biến động, một biến động trầm trọng. Trong tất cả mọi nghiên cứu để rút kinh nghiệm về biến cố Thái Bình, xảy ra trong mùa hè 1997, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đều kết luận rằng nguyên nhân chính đưa đến sự nổi dậy của nông dân là sự hà hiếp của các chức sắc địa phương gây phần nộ cho dân chúng trong cuộc sống hằng ngày, nói cách khác những cuộc nổi dậy của nông dân hoàn toàn không vì lý do chính trị. Nhiều dự đoán cũng cho là Nam Định có thể là điểm nóng mới sau Thái Bình sau sự phá sản của nhà máy dệt Nam Định khiến hàng chục ngàn công nhân mất công ăn việc làm.

Biến cố trầm trọng vừa xảy ra tại Nam Định là một bất ngờ lớn. Nó không xuất phát từ thị xã Nam Định mà từ nông thôn, tại xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy, và với lý do thuần túy chính trị. Sự kiện này chứng tỏ rằng chế độ cộng sản đã mục nát và những biến động lớn có thể xảy ra ở bất cứ nơi nào vì bất cứ lý do nào.

Thấy gì qua vụ bắt cóc con tin tại Hồng Thuận, huyện Giao Thủy, Nam Định ?

Ngày 19-6-2000 những kẻ quá khích trong bọn "đầu đơn" thuần một số xóm xã Hồng Thuận huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định do bên Trần Đình Thuyên cùng đồng bọn cầm đầu đã tập hợp một lực lượng hỗn hợp gồm những tên côn đồ đào ngũ những phần tử chống đối cách mạng có tiền án, tiền sự cùng một lũ đàn bà gái góa, phần lớn là loại "chốn chúa lộn chồng" người công giáo đã hăm hở kéo lên huyện biểu tình lăng mạ cán bộ quậy phá cơ quan ủy ban nhân dân và trụ sở huyện ủy Giao Thủy. Suốt thời gian buổi sáng đến 15 giờ chiều chúng xông vào phòng làm việc của ông Bùi Quốc Tịch nguyên chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Đảng vừa mới được cất nhắc lên chức trưởng ban tổ chức Huyện ủy. Chúng la ó om xòm ông Tịch nhiều điều kiện trong việc giải quyết về việc họ kiện và sắp xếp nhân sự hội đồng

Tất cả đã bắt đầu ngày 28-4-2000 sau cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã Hồng Thuận. Đảng bộ đảng cộng sản đã áp đặt một chính quyền xã không do nhân dân bầu ra, gạt bỏ những người được nhân dân tín nhiệm nhưng không thuần phục đảng và đòi thực thi dân chủ. Dưới sự lãnh đạo của hai ông Trần Văn Hê, một cựu đại tá, và ông Trần Đình Thuyên, một cựu chủ nhiệm hợp tác xã đã có nhiều thành tích đấu tranh bênh vực quyền lợi của dân chúng địa phương, một ủy ban tranh đấu với sự ủng hộ nhiệt tình của quần chúng đã lập tức chiếm đóng trụ sở ủy ban nhân dân xã, tự coi như chính quyền xã để giải quyết những vấn đề hàng ngày và đòi chính quyền hợp thức hóa họ.

Sau gần hai tháng không giải đáp, ngày 19-6-2000, nhân dân xã đã kéo đến trụ sở ủy ban nhân dân huyện bắt ông Bùi Quốc Tịch, huyện ủy viên và trưởng ban tổ chức giải về giam giữ tại ủy ban nhân dân xã Hồng Thuận. Sau đó, ông Lê Song Hào, huyện ủy viên chánh văn phòng huyện đến xã Hồng Thuận điều đình cũng bị nhân dân xã bắt giữ. Sau năm ngày giằng co, cuối cùng chính quyền huyện đã phải chấp nhận mọi yêu sách của nhân dân xã Hồng Thuận (không truy tố, không tái

nhân dân xã Hồng Thuận, ông Tịch còn đang lúng túng họ xông vào kéo ông Tịch ra ngoài xô đẩy ông Tịch lên xe máy rồi hai tên đồ tể "Định - Cường" ôm về ủy ban nhân dân xã Hồng Thuận cách huyện lỵ Giao Thủy trên 3 km. Trước hành động táo tợn bất chấp luật pháp số công an bảo vệ cơ quan huyện không hề có phản ứng, đứng nhìn và chờ ý kiến "lãnh đạo".

Bắt cóc ông Tịch về Hồng Thuận chúng chiếm luôn trụ sở ủy ban nhân dân xã làm nơi giam giữ xử lý ông Tịch. Bọn chúng tung hô và tha hồ gào thét, lăng mạ xỉ nhục ông Tịch. Lũ đàn bà gái góa tiêu biểu như Nguyễn Thị Xâm, Thị Ngọc, Thị Tảo, Thị Lạc... còn gọi ông Tịch là "thằng chó" cùng với bọn đồ tể đồ tể Hoàng Kim Đông, Cao Việt Cường, Vũ Văn Dinh... hô sẽ trói cả chân tay

(Tiếp theo trang 29)

chiếm trụ sở ủy ban nhân dân xã) để đòi lấy việc trả tự do cho hai huyện ủy viên. Như vậy căng thẳng vẫn còn tiếp tục vì vấn đề chính quyền xã vẫn chưa giải quyết xong, ủy ban tranh đấu vẫn còn chiếm đóng ủy ban nhân dân xã.

Biến động này thực ra còn phức tạp hơn nhiều vì theo nhiều nguồn tin đáng tin cậy thì cả hai huyện ủy viên Bùi Quốc Tịch và Lê Song Hào thực ra đã không bị bắt mà đã tình nguyện để bị bắt để ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân xã Hồng Thuận. Đa số các huyện ủy viên huyện Giao Thủy cũng đứng về phe nhân dân Hồng Thuận. Như thế trên thực tế đây không phải chỉ là cuộc đấu tranh cấp huyện với sự ủng hộ của đảng bộ Đảng Cộng sản huyện. Đây cũng là cuộc nổi dậy trong nội bộ Đảng Cộng sản ở một qui mô lớn.

Chúng tôi đăng sau đây một tài liệu đang được lưu hành trong nội bộ Đảng. Thực tế nó là báo cáo của một số đảng viên trung kiên của xã Hồng Thuận phải lánh mặt và giấu tên vì sợ phản ứng của đồng bào. Độc giả có thể lưu ý những lời lẽ hằn học như "bọn đầu đơn" (chỉ những đồng bào có đơn khiếu nại), "bọn đàn bà gái góa" v.v. và những lời lẽ xúc phạm tới người công giáo.

Mục lục

1. Đảng Cộng sản Việt Nam ngoan cố trong bế tắc **Thông Luận**
2. NMD, một chiến lược quân sự mới **Huỳnh Hùng**
3. Al Gore hay George W. Bush ? **Trần Bình Nam**
6. Người Hmong tài Lào và khu Tam giác Vàng **Nguyễn Văn Huy**
12. Quản lý quốc gia và phát triển Việt Nam **Nguyễn Ngọc Hiệp**
17. Quy trình đào tạo hai giai đoạn và sự thành lập các đại học đại cương **Tôn Thất Long**
21. Một cuốn tiểu thuyết hiện thực lớn **Trần Độ**
26. Phong văn Dương Thu Hương **Phan Dũng**
31. Tạp ghi **Nguyễn Gia Kiểng**
32. Biến cố lớn tại Nam Định